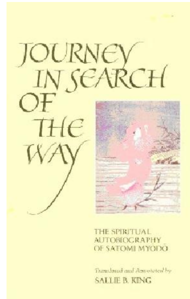
HOA TRÔI TRÊN SÓNG NƯỚC



Nguyên tác: Journey In Search Of The Way-The Spiritual Autobiography Of Satomi Myodo
Nguyên Phong Việt dịch, Làng Văn xuất bản 1996
---o0o---
Nguồn
http://thuvienhoasen.org
Chuyển sang ebook 8-8-2009
Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org

Mục Lục

---o0o---

Đạt Ma tây lai truyền hà pháp
Lô hoa thiệp hải thủy phù phù
Tông Diễn thiền sư

Tạm dịch:

Đạt Ma truyền pháp ra sao?
Nhấp nhô trên biển một cành hoa trôi

Tiểu sử tác giả

Ni sư Satomi Myodo (tục danh là Satomi Matsuno) sinh năm 1896, trong một gia đình nông dân nghèo tại Hokkaido. Không chấp nhận truyền thống cho rằng phụ nữ chỉ có thể là một vợ đảm, mẹ hiền; bà quyết tâm tìm thầy học đạo. Trải qua nhiều khó khăn, tham cứu nhiều pháp môn nhưng bà vẫn không tìm được điều bà muốn. Bà đã tu theo Thần Đạo (Sinto), làm đồng cốt cho đền thờ Thánh Mẫu (Kami), và sau cùng chuyển qua tu thiền. Mặc dù siêng năng tu học nhưng bà vẫn không tiến bộ bao nhiêu cho đến khi gặp Thiền sư Yasutani (Bạch Vân lão sư). Dưới sự chỉ dẫn của vị này, bà đã kiến tánh (Kensho) và trở nên một trong những ni sư lỗi lạc nhất của Thiền tông Nhật Bản. Bà đã đào tạo nhiều thế hệ học trò và có một tầm ảnh hưởng rất lớn trong giới tì kheo ni của Nhật ngày nay. Bà qua đời vào năm 1978. Cuốn hồi ký "Michi" (tạm dịch: Hoa trôi trên sóng nước) là cuốn sách nói về cuộc hành trình tìm đạo đầy gian khổ kéo dài hơn 40 năm của tác giả. Khi tạp chí Phật học Kyosho vừa khởi động loạt hồi ký này vào năm 1956, nó đã được các độc giả, nhất là độc giả phái nữ, say mê theo dõi. Lòng nhiệt thành và quyết tâm tìm đạo của bà là một tấm gương sáng cho tất cả những ai muốn bước chân vào cửa đạo. Ngoài ra, sự chứng đắc của bà đã đánh đổ quan niệm cổ hủ cho rằng chỉ có phái nam mới có thể thành công trên con đường tu học mà thôi.

---o0o---

Lời nói đầu

Trong suốt bốn mươi năm tôi đã lang thang khắp Phù Tang tìm thầy học đạo. Tôi đã theo học với nhiều danh sư của các môn phái khác nhau nhưng không tìm được điều tôi muốn. Điều tôi muốn là con đường đưa đến sự chấm dứt mọi đau khổ, một con đường đã được khám phá hơn hai ngàn năm trăm năm nay nhưng mãi đến thời gian gần đây tôi mới ý thức được nó. Có lẽ các bạn tự hỏi tại sao một người sinh trưởng trong một quốc gia sùng mộ đạo Phật như Nhật Bản lại không biết đến điều này? Quả thật như thế, mặc dù vẫn đi chùa, tụng kinh, niệm Phật nhưng tôi như người ngủ mê, không ý thức một chút gì về con đường thoát khổ này. Giống như kẻ Cùng Tử trong kinh Pháp Hoa, có hạt châu quí trong túi áo mà không biết, cứ cam chịu cuộc sống nghèo hèn, thì tôi cũng thế, cứ mê mải tìm kiếm hết thầy này đến

thầy khác, hết lý thuyết này đến lý thuyết nọ. May thay tôi đã gặp được Thiền sư Yasutani và được ngài hướng dẫn, nhờ đó tôi mới ý thức rằng cái khả năng giải thoát mọi sự đau khổ vốn vẫn sẵn có trong tôi mà tôi nào biết, cứ tìm kiếm mãi tận đâu đâu. Vì lẽ đó, tôi viết lại cuộc đời mấy chục năm gian nan tìm đạo này để mong những người vẫn còn đang mê mải tìm kiếm, hết thầy này đến thầy nọ, hết tông phái này đến lý thuyết kia, hãy mau chóng tỉnh ngộ, dừng lại, quay trở về với cái khả năng giải thoát sẵn có nơi mình.

Tỳ kheo ni Satomi Myodo

Tokyo, tháng 10 năm 1956

Người gửi bài: Diệu Thiện

---o0o---

Chương 1

Tôi sinh ra đời vào năm Minh Trị thứ hai mươi tám (1896) trong một gia đình nông dân tại Hokkaido. Cha tôi là một nhà nông trầm lặng, ít nói, suốt ngày chỉ biết cày sâu cuốc bẫm. Nếu cha tôi đã ít nói thì mẹ tôi còn ít nói hơn, bà là cái bóng của cha tôi, một người vợ chung thủy, một người mẹ hiền, và một nhà nông cần mẫn. Tuy xuất thân là nhà nông nhưng tôi không phải là một đứa bé ngoan ngoãn, có tính thần trách nhiệm như những đứa trẻ nhà nông khác. Trái lại, tôi là một đứa bé lạnh lùng, ích kỷ, có tâm hồn nổi loạn. Hiển nhiên một phần tính nết này bắt nguồn từ những chủng tử được huân tập trong nhiều đời nhiều kiếp, nhưng cũng một phần vì đường lối giáo dục nghiêm khắc và hoàn cảnh khi đó nữa.

Vào lúc đó, chương trình giáo dục bao gồm đức dục, trí dục và thể dục; nhưng đức dục được coi là quan trọng nhất. Các bài giảng về luân lý, đạo đức được chú trọng nhiều hơn những môn học khác. Những đứa trẻ như tôi được dạy bảo rất kỹ rằng “không được nói dối”, “phải lễ phép với mọi người”, “phải tuyệt đối kính trọng và vâng lời những người lớn tuổi”,v.v. Không như những đứa bé khác, chấp nhận và tuân theo những qui luật này, tôi thường đặt câu hỏi tại sao lại phải như thế, vì tôi thấy giữa lý thuyết và thực hành vẫn có điều gì không ổn. Tôi nhận thấy đa số người lớn tuổi chẳng mấy khi áp dụng các qui luật này nếu không muốn nói là đã hành động khác hẳn. Họ thường hay nói dối, cãi nhau, và có những hành động không đáng kính trọng chút nào. Thí dụ khi người chủ ruộng đến nhà đòi nợ thì mẹ tôi sai tôi ra nói rằng cha tôi đi vắng, mặc dù tôi thừa biết rằng ông đang trốn ở

vựa lúa sau nhà. Vào dịp lễ lạc, dân làng tụ họp ăn uống, ai cũng cười nói vui vẻ. Họ trầm trồ khen ngợi những bộ áo kimono may thật đẹp, vừa vặn ôm sát người. Họ xuýt xoa khen những món ăn nấu thật vừa miệng không đầu bếp nào có thể sánh kịp. Thế nhưng khi tiệc tan, ai về nhà nấy, thì những lời chê bai, mạt sát bắt đầu được khui ra. Nào là mụ kia vừa già vừa xấu lại cứ tưởng mình đẹp lắm, ăn mặc diêm dúa như con gái còn xuân. Nào là ông nọ nghèo kiết xác, nợ như chúa chổm thế mà lúc nào cũng khoe khoang tiền bạc đầy nhà. Đại khái những điều mâu thuẫn như thế xảy ra rất thường, không riêng gì trong gia đình tôi mà cả trong những gia đình mà tôi quen biết. Ngay như vị thầy giáo "khả kính" hàng ngày thường khuyên học trò phải giữ gìn lời ăn tiếng nói, tránh sa ngã vào các thói hư tật xấu như cờ bạc, rượu chè nhưng cuối tuần nào ông cũng có mặt ở nhà chứa bạc cuối xóm. Nhiều lúc tôi thấy ông mặt mày đỏ gay, quần áo xốc xếch, đi đứng lảo đảo vì say rượu. Mỗi khi thua bạc, ông còn chửi rủa om xòm không chừa một ai trong làng. Có lẽ vì thế nên một đứa bé vừa lên sáu lên bảy như tôi đã có thành kiến về các qui luật được gọi là luân lý, đạo đức này. Theo tôi, đó chỉ là những lý thuyết hay nhưng không thể áp dụng, nếu có thì cũng chỉ áp dụng cho những đứa bé ngây thơ không biết nhận xét mà thôi. Vì đã có thành kiến như thế nên tính tình tôi ngày càng trở nên lạnh nhạt, khô khan và hay khinh thường các giá trị đương thời.

Tuy là một nhà nông nghèo nhưng cha mẹ tôi đã đặt nhiều hy vọng vào đứa con duy nhất là tôi. Ông bà dành dụm tiền để gửi tôi vào trường trung học trên tỉnh, cách làng khoảng 6 cây số. Lúc đó (1904) đường sá giao thông tại Hokkaido còn thô sơ lắm, từ làng lên tỉnh khoảng vài cây số đã là cả một chân trời cách biệt rồi. Tôi thường phải rời nhà từ khi trời còn mờ sương trên những chuyến xe chở rau lên tỉnh. Khi tan học thì trời đã xế chiều, tôi phải đi bộ băng qua mấy thửa ruộng mới về đến nhà. Cha mẹ tôi đặt việc học lên trên hết. Ông bà khuyến khích tôi phải học thật nhiều nhưng vì bận việc đồng áng, ít khi có cơ hội nói chuyện hay tìm hiểu nhiều về tôi nên càng ngày tôi càng lạnh lùng, độc lập, khác hẳn những đứa bé cùng tuổi trong làng.

Thời đại Minh Trị (Meiji) là một giai đoạn chuyển tiếp hết sức quan trọng của Nhật Bản. Giai đoạn canh tân năm 1868 chấm dứt chế độ Sứ Quân, bãi bỏ chinh sách bế quan tỏa cảng và đưa Thiên Hoàng lên địa vi tối cao. Từ khi mở cửa biên giới, Nhật Bản thấy rõ mình đang ở trong tình trạng suy kém về mọi phương diện trước sự tiến bộ quá nhanh của các cường quốc Tây phương. Bài học Trung Hoa bị liệt cường xâu xé khiến các nhà lãnh đạo Nhật Bản phải ban hành gấp rút ngay một chính sách cải cách hầu đưa quốc

gia ra khỏi tình trạng suy thoái nguy hiểm này. Chính sách được áp dụng lúc đó là việc thay đổi toàn diện hệ thống giáo dục, thương mãi, hành chánh, canh nông, để xây dựng một căn bản kinh tế vững mạnh. Song song với chính sách này là việc đề cao tinh thần quốc gia, kỷ luật hóa đường lối làm việc, và thiết lập một căn bản quân sự phòng khi quốc biến. Trường tôi theo học là một trường nữ trung học. Mục đích của các trường nữ trung học khi đó không chú trọng nhiều về việc phát triển kiến thức mà chỉ nhằm đào tạo nữ sinh trở nên những người "vợ đảm và mẹ hiền". Mỗi sáng, bà hiệu trưởng tập họp tất cả nữ sinh vào giảng đường để nghe bà thuyết giảng về bổn phận của người vợ và người mẹ. Bà nhắc đi nhắc lại rằng đó là "thiên chức" của phụ nữ, một phụ nữ đúng nghĩa phải biết khiêm tốn trước người chồng, khi đi phải đi sau người chồng hai bước, khi ăn phải chờ chồng ăn trước rồi mới được ăn, phải làm mọi việc nặng nhọc vì người vợ được sinh ra để chiều chuộng và hầu hạ người chồng. Bà hiệu trưởng luôn luôn nhấn mạnh danh từ "người chồng" chứ không phải "người đàn ông" vì theo bà, đàn ông là một con thú chuyên rình rập, hãm hại các thiếu nữ ngây thơ khờ dại. Một khi đã thất tiết thì chỉ có nước chết, không còn danh dự, không còn một chút giá trị gì trên cõi đời này nữa. Hiển nhiên giải pháp tốt nhất là lập gia đình, trở thành một người "vợ đảm, mẹ hiền", và như thế mới có thể thoát được cạm bẫy của những "con thú đội lốt người" này. Là một thiếu nữ bướng bỉnh, có tinh thần độc lập, tôi đã tự hỏi giữa người chồng và người đàn ông thì khác nhau chỗ nào? Tại sao trước khi kết hôn, người đàn ông là con thú mà sau khi thành hôn họ lại được trọng vọng như một ông hoàng? Phải chăng hôn nhân chỉ là một cạm bẫy do đàn ông đặt ra? Trong suốt thời gian ở trung học, chúng tôi được dạy rất kỹ rằng không được nhìn một người khác phái nào, đi đâu cũng phải đi chung với nhau thành nhóm ba người để tránh bị chòng ghẹo, và cũng để báo cáo những hành vi lơ đễnh, bất cẩn của một người nào đó. Đối với các nữ sinh đó là những khuôn vàng thước ngọc, nhưng với tôi nó chỉ là một lý thuyết làm giảm giá trị của phụ nữ mà thôi.

Sau khi tốt nghiệp trung học, cha mẹ tôi khuyến khích tôi nên tiếp tục học nữa. Tôi thi đậu vào phân khoa văn chương Đại học Tokyo và nuôi mộng trở nên một văn sĩ. Tôi từ giã Hokkaido lên đường đến Tokyo. Dù đây là lần đầu tiên sống xa nhà nhưng điều này không gây trở ngại bao nhiêu vì tôi đã quen sống độc lập từ nhỏ, Đây cũng là lần lầu tôi có cơ hội tiếp xúc với những người khác phái vì sau buổi học, nam nữ được tự do giao thiệp. Đa số sinh viên văn khoa lúc đó đều say mê chủ nghĩa lãng mạn. Họ nói chuyện một cách văn hoa, lịch sự, đôi khi thêm vào vài câu văn trích dẫn trong tiểu

thuyết hay các bài thơ của các văn thi sĩ đương thời. Hiển nhiên những thói thời thượng này đã tạo ra môi trường thuận lợi cho tình cảm nẩy nở giữa các nam nữ sinh viên. Ngay trong khóa học đầu, đã có một thanh niêm chú ý và theo đuổi tôi rất kỹ, nhưng tim tôi không hề rung động. Tôi quan sát từng cử chỉ, lời ăn tiếng nói của hắn để chuẩn bị đối phó. Tôi càng tỏ ra lạnh nhạt bao nhiêu thì hắn lại càng say mê tôi bấy nhiêu. Hắn theo sát tôi như bóng với hình, đón tôi trước cửa lớp học, tặng tôi những bài thơ, mời tôi đi xem kịch nhưng lòng tôi vẫn không hề rung động. Tôi thản nhiên trước sự săn đón nồng nàn của hắn và tỏ ra thích thú mỗi khi thấy hắn tỏ ra đau khổ vì không được tôi đáp lại. Thỉnh thoảng tôi cũng ban cho hắn một vài ân huệ nhỏ nhặt như cho phép hắn mời tôi đi xem hát hay đi dạo trong các khu phố quanh trường. Dần dần tôi trở nên thích thú với trò đùa này, nhất là mỗi khi thấy khuôn mặt đầy vẻ thất vọng của hắn khi bị tôi từ chối một việc gì. Tôi nghĩ mình là người có kỷ luật cảnh giác cao độ, hơn nữa tôi đâu hề có cảm tình gì với hắn. Đối với tôi, hắn chỉ là một con chuột nhỏ trước nanh vuốt của một con mèo già, đầy kinh nghiệm là tôi. Nhưng tôi đã lầm và lầm rất lớn. Trong một buổi hẹn hò, tôi đã yếu lòng, mất tự chủ và thất thân với hắn. Điều bất ngờ hơn nữa là chỉ ít lâu sau tôi thấy mình có thai. Mặc dù tôi biết hắn yêu tôi tha thiết, nhưng tôi không hề có chút cảm tình gì với hắn. Hôn nhân không phải là mục đích của tôi nên tôi nhất định không cho hắn biết gì về hậu quả tai hại này. Tương lai xán lạn của tôi bỗng trở nên đen tối như đêm ba mươi. Tôi vẫn muốn tiếp tục việc học nhưng trước cái bụng càng ngày càng lớn, tôi biết mình không thể ở đây được nữa.

Sau cùng, với tâm trạng khủng hoảng cùng cực, tôi đành trở về nhà. Cha mẹ tôi hết sức ngạc nhiên vì sự trở về bất ngờ này, nhưng là một nhà nông chất phác, ông bà không biết phải hỏi tôi như thế nào. Hiển nhiên mẹ tôi để ý ngay đến thân thể đẫy đà của tôi, nhưng vốn là người ít nói, bà giữ thái độ im lặng, chỉ nhìn tôi bằng cặp mắt thương xót. Đáng lẽ ra, tôi phải trình bày mọi chuyện với cha mẹ tôi và xin tha thứ về lỗi lầm đáng tiếc này; nhưng không hiểu sao tôi lại lựa chọn thái độ im lặng. Mỗi sáng chúng tôi thức dậy trong một bầu không khí ảm đạm nặng nề, không ai nói với ai câu nào. Chúng tôi ăn vội vài bát cơm rồi hối hả ra đồng làm việc. Tôi thường lựa một chỗ riêng, xa hẳn nơi cha mẹ tôi làm việc và cắm cúi làm để không phải nghĩ đến những điều tủi nhục, xấu hổ mà tôi biết trước sau gì cũng sẽ bùng nổ. Tôi muốn cha mẹ tôi mắng chửi tôi một trận thật nặng, đuổi tôi ra khỏi nhà, hoặc yêu cầu tôi tự tử cho đỡ nhục, nhưng ông bà vẫn không hề hé răng nói một lời nào. Sự im lặng này khiến cho lòng tự ái của tôi bị tổn thương, đầu óc tôi rối loạn cùng cực. Tôi không biết phải làm gì hơn là tiếp tục chịu đựng nỗi cay đắng, nhục nhã gậm nhấm vào từng lớp da, thớ thịt.

Một hôm tôi đang làm việc ngoài đồng thì nghe tiếng cha tôi gọi lớn. Tôi vội vã bước đến thì thấy ông đang ngồi xổm trước bờ ruộng đăm đăm nhìn một cái gì đó trước mặt. Tôi ngồi xuống bên cạnh và thấy ông đang chăm chú nhìn một cọng cỏ dại mọc bên bờ ruộng. Một lúc sau ông nhỏ nhẹ lên tiếng:

- Ta đã quan sát nó từ lâu rồi, thật là lạ lùng… Nhìn kìa, một con kiến cánh đang leo lên cọng cỏ. Nó tiếp tục bò lên và bò lên… A ha, nó ngã xuống rồi… nhưng khoan đã… hãy quan sát cho kỹ, nó lại tiếp tục bò lên nữa. Nó đã làm vậy biết bao lần rồi…

Trong lúc cha tôi nói, con kiến cánh tiếp tục bò lên cọng cỏ rồi lại ngã xuống, nhưng nó ngo ngoe đôi râu, tiếp tục bò lên nữa. Cha tôi vẫn nói bằng một giọng đều đều:

- Đó, thấy không! Nó vẫn tiếp tục leo lên ngọn cỏ… Có lẽ nó mệt lắm. Mỗi khi mệt, nó duỗi mấy chiếc chân nhỏ xíu ra cho đỡ mỏi, xòe đôi cánh ra để lấy sức, và rồi tiếp tục leo lên ngọn cỏ như trước…

Cha tôi nói, giọng trầm trầm, mắt vẫn không rời con vật bé nhỏ đang run rẩy bò lên cọng cỏ kia. Tôi ngạc nhiên theo dõi con vật đang cố gắng leo lên ngọn cỏ trước mặt, nó ngã xuống và rồi tiếp tục leo lên. Bất ngờ thay, như bị một tia sét lớn đánh trúng đầu óc hoang mang của tôi, tôi chợt hiểu điều cha tôi muốn nói. Tôi đứng phắt dậy, lảo đảo đi về phía vựa lúa sau nhà, đến một góc khuất tôi ngã gục xuống đất, ngực tôi đau nhói, hai mắt tôi cay xè. Lần đầu tiên trong đời tôi ý thức rõ rệt mình đang khóc. "Cha ơi, con hiểu rồi. Con thật sự hiểu điều cha muốn nói. Cha thương con biết chừng nào. Con thật là một đứa bất hiếu. Cha vẫn nuôi hy vọng ở con trong khi con đã âm thầm bỏ cuộc. Thật là đáng tiếc khi con đã không hiểu được lòng cha rộng rãi và bao la biết chừng nào. Từ nay con quyết sẽ giữ trọn lòng hiếu thảo với cha, con sẽ phải bù đắp những hy sinh cao quí của cha…"

Tôi không biết mình đã khóc trong bao lâu nhưng gánh nặng mà tôi chất chứa trong lòng bỗng nhiên nhẹ hẳn đi. Trong giây phút đó mọi việc như sáng tỏ hơn bao giờ hết. Tôi ngước mắt nhìn những cánh đồng lúa xanh trước mắt, nhãn quan của tôi mở rộng đến những cây cổ thụ mọc ở đầu làng, những ngọn đồi thấp, những con lạch nhỏ uốn quanh đó, những căn nhà tranh với những tia khói bếp màu xám… Tôi còn nhìn thấy những chim muông bay lượn trên không… Tất cả đều vươn lên một sức sống kỳ diệu, không thể diễn tả. Tôi hít một hơi thật dài và thấy sảng khoái hơn bao giờ hết. Tất cả mọi vật dường như hòa nhập vào trong tôi và chỉ trong giây lát,

mọi sự đau khổ bỗng tan biến như mây khói. Tai tôi chợt nghe văng vẳng những điều mà tôi đã được dạy bảo từ khi còn ở tiểu học, những lời khuyên bảo về đạo đức mà tôi vẫn cho rằng không thể áp dụng, bỗng tự nhiên trở nên có ý nghĩa hơn bao giờ hết. Tôi lẩm bẩm "Lòng hy sinh, chịu đựng và chân thật là điều có thể thực hiện được. Nó không phải là lý thuyết suông". Trong giây phút đó, tôi như con tằm vừa lột xác ra khỏi kén. Tất cả sự kiêu căng, lạnh lùng từ trước bỗng dưng tan biến hết. Tấm lòng hy sinh chịu đựng vô bờ bến của cha tôi đã cảm đến tôi. Tôi hiểu được tình thương mà cha mẹ tôi vẫn dành cho tôi từ bao lâu nay. Cho đến lúc đó tôi mới ý thức rằng từ trước đến nay tôi là một đứa bé lạnh lùng, ích kỷ, ưa châm biếm, nghi ngờ. Tôi chẳng bao giờ nghĩ đến ai khác và cũng chẳng hề nghĩ rằng mình có thể cần ai. Lòng kiêu hãnh đã biến tôi thành một khối nước đá, lạnh lùng dửng dưng trước những sự kiện xảy ra quanh mình. Thật may mắn khi tôi có thể hiểu được những điều mà từ trước đến nay tôi vẫn cho là trừu tượng này. Tôi biết rõ mọi sự xảy ra chỉ là phản ứng của tư tưởng và hành động của mình. Dĩ nhiên tôi phải gặt những gì mà tôi đã gieo, và tôi xứng đáng nhận lãnh hậu quả đó. Tuy nhiên tôi còn ý thức rằng, những điều mà tôi gọi là đạo đức, luân lý chỉ là những giá trị được xây dựng trên một căn bản nào đó và chính cái căn bản này mới là động năng mầu nhiệm thúc đẩy con người hành động một cách cao thượng. Làm sao người ta có thể ý thức được cái giá trị căn bản này? Hiển nhiên tôi không thể trả lời nó trong lúc này, nhưng tôi biết muốn thực sự hiểu được giá trị đó, người ta cần phải tìm một người nào không những đã kinh qua được nó mà còn phải hiểu và biết sống với nó nữa. Phải chăng đó là bước đầu của người tìm đạo? Phải chăng cái người ta cần tìm là một vị thầy?

Tôi không có nhiều thời giờ suy gẫm thêm về những điều đó nữa vì chỉ ít lâu sau, vào đầu mùa đông tôi đã hạ sinh đứa con gái đầu lòng. Hai tháng trước đó, cha của đứa bé đã tìm đến nhà tôi sau khi phong thanh rằng tôi đã có con với hắn. Là con của một công chức tòa hành chánh, hắn vẫn hy vọng sẽ nối nghiệp cha nhưng khi được tin tôi có con, hắn bỏ học về sống với gia đình tôi tại Hokkaido. Cha mẹ tôi lập tức công bố điều này với mọi người trong làng và một đám cưới đã được tổ chức cấp tốc sau đó. Chồng tôi là một thanh niên đẹp trai nhưng mảnh khảnh, tiêu biểu cho lớp thư sinh trói gà không chặt, nhưng hắn đã cố gắng làm mọi việc trong nhà, từ giã gạo, bổ củi đến việc cho gia súc ăn. Qua năm sau, tôi sinh hạ thêm một bé gái nữa nhưng dù đã có hai con với nhau, tình vợ chồng giữa hai chúng tôi không hề tiến triển thêm được chút gì. Không hiểu sao chúng tôi thường khắc khẩu, hay cãi cọ về những chuyện không đâu. Về sau tôi biết, hễ lên tiếng thế nào cũng tạo ra những sự cãi cọ vô ích nên tôi quyết định giữ thái độ im lặng. Có

lúc tôi đã nghĩ đến việc ly dị nhưng lại không dám vì nghĩ đến hai đứa con. Điều bất ngờ hơn cả là tôi càng chịu đựng bao nhiên thì một người vốn ít nói như cha tôi lại càng không chịu đựng được chồng tôi bấy nhiêu. Không khí trong nhà dần dần trở nên ngột ngạt, căng thẳng và sau cùng, sau một cuộc cãi vã kịch liệt giữa cha tôi và chồng tôi, nửa đêm hôm đó chồng tôi hầm hầm thu dọn hành lý bỏ về Tokyo.

---o0o---

Chương 2

Sau khi chồng tôi bỏ đi, tôi tiếp tục sống với cha mẹ tại Hokkaido. Hàng ngày tôi vừa nuôi con, vừa làm những công việc đồng áng như cấy lúa, trồng rau, chăn nuôi gia súc. Bên ngoài dường như không có chuyện gì nhưng trong tâm tôi đã có nhiều thay đổi lớn. Khi xưa tôi là một người ích kỷ, lạnh lùng, coi thường những giá trị đương thời thì hiện nay tôi lại hoàn toàn tin rằng người ta không thể sống mà không tuân theo những giá trị này được. Sự tin tưởng rằng con người phải sống một cách thành thật (Makoto) với những giá trị căn bản bắt nguồn từ Thần Đạo (Shinto) là một truyền thống đã ăn sâu vào cách sống của người dân đất Phù Tang. Thần Đạo quan niệm rằng mục đích của đời người là làm sao biết cách sống thành thật với mình, với người, và với ngoại cảnh hay thiên nhiên. Một khi đã sống một cách trong sạch, quang minh chính đại và hợp đạo nghĩa thì tất cả mọi ý nghĩ, hành động của mình đều hòa hợp được với các thần linh trong thiên nhiên (Kami). Sở dĩ con người đau khổ vì họ đã không biết cách sống hòa thuận với những giá trị thiêng liêng bất di dịch này. Từ đó tôi nghiệm rằng chính sự thương yêu chân thành của cha tôi đã cảm hóa được tôi và bổn phận của tôi, sau khi đã nghiệm được những điều này, là phải giúp đỡ những người khác để họ biết cách sống hợp với đạo nghĩa như vậy. Từ đó tôi thấy mình bắt đầu thay đổi và đời sống trở nên có ý nghĩa hơn trước. Từ một con người lạnh lùng, ích kỷ, tôi trở nên một con người có ý tưởng phụng sự, giúp đỡ những người khác.

Hôm đó tôi ra đồng làm việc, như thường lệ, tôi khởi công làm từ lúc trời còn mờ sáng đến khi mặt trời đứng bóng mới chịu ngừng tay nghỉ ngơi. Tôi vừa ngồi xuống bờ ruộng thì bỗng thấy xây xẩm mặt mày và có cảm giác như đang ở trong một trạng thái mê hoặc, xuất thần. Tôi nghe có tiếng ai gọi bên tôi một cách cấp bách "Matsumo! Này Matsumo hãy nhìn kìa!" Tự nhiên tôi thấy thửa ruộng trước mặt bỗng biến thành một vườn dâu xanh ngắt với trăm ngàn bông hoa nhỏ màu vàng đang nở rộ. Tôi ngạc nhiên dụi

mắt nhìn kỹ thì thấy bên dưới những tàu lá xanh mơn mởn và những bông hoa vàng rực rỡ có hàng ngàn hàng vạn con sâu màu sắc lạ lùng đang gặm nhấm, âm thanh sột soạt của muôn vạn hàm răng đang ngấu nghiến lá dâu khiến tôi phát rợn cả người. Tôi đang bàng hoàng thì một tiếng nói ở đâu đó vang lên: "Con thấy không, thế giới loài người cũng đang bị gặm nhấm như vậy đó". Tôi cố gắng định thần để tìm hiểu thêm về ý nghĩa câu nói trên thì tự nhiên vườn dâu trước mặt tôi bỗng biến thành một khu rừng rậm rạp, cây cối mọc chi chit. Có tiếng ai thúc giục:" Này Matsumo, cái gốc rễ tội lỗi trên thế gian đã bị đốn sạch ở thế giới bên này rồi. Con hãy tiếp tục công việc đó trên thế gian". Tự nhiên tôi đâm ra ngây ngất trước cái ý tưởng lạ lùng đó. Tôi linh cảm rằng đó là tiếng nói của các thần linh (Kami), hình như các ngài vừa truyền trao cho tôi sứ mạng quét sạch mọi bất công, tội lỗi trên thế gian này. Tôi không do dự, khẳng khái trả lời ngay: "Con sẽ làm việc đó. Nếu gốc rễ của mọi tội lỗi đã bị dọn sạch rồi thì chỉ cần dụng công một chút là xong chứ gì". Ngay lúc đó dường như có cái gì dội mạnh trong lồng ngực khiến tôi tỉnh dậy. Phải chăng tôi đã ngủ mê? Tôi bàng hoàng nhìn thửa ruộng trước mặt, nó vẫn không có gì thay đổi, mấy gốc lúa non vừa trổ mầm, mấy rãnh nước dẫn nước vào ruộng vừa được tôi khai thông. Tôi không thể phân biệt rằng mình đang mê hay đang tỉnh. Mặc dù linh ảnh lạ lùng đó đã qua nhưng nó để lại một ấn tượng hết sức mãnh liệt trong trí tôi khiến tôi cứ ngây ngất mãi.

Từ đó trở đi tôi luôn luôn bị lôi cuốn vào những cơn mê xuất thần như vậy. Có lúc tôi thấy mình như đang sống trong một thế giới huyền bí lạ lùng, nửa như thực nửa như mộng, và tôi có thể thấy trước được những điềm chẳng lành sẽ xảy ra như những trận động đất, thiên tai, hỏa hoạn, một bằng chứng rằng sẽ có những thay đổi để quét sạch, tẩy uế mọi tội lỗi của thế gian này. Trạng thái tinh thần của tôi càng ngày càng trở nên kỳ lạ, tôi sống mà cứ như người bị mộng du, chập chờn ở một nơi chốn nào đó không rõ rệt. Tuy nhiên không hiểu sao tôi lại cảm thấy thích thú như được tham dự vào một cuộc phiêu lưu mạo hiểm chi đó. Tôi tin rằng nhờ đã chuyển hóa và biết phát tâm nên tôi đã được các đấng thần linh lựa chọn với một sứ mạng quan trọng. Từ đó tôi bị ám ảnh bởi ý nghĩa sẽ hoàn tất sứ mạng giúp đỡ mọi người để họ có thể sống một cách chân thật cho đúng với ý nghĩa của cuộc sống.

Một hôm trong bữa cơm chiều, tôi thu hết can đảm ngỏ lời với cha mẹ:

- Xin cha mẹ cho phép con trở về Tokyo.

Cha tôi ngừng đũa đưa mắt nhìn tôi một hồi lâu như dò xét rồi lên tiếng:

- Mày trở lại Tokyo để làm gì?

- Con muốn tiếp tục việc học.

- Đi học ư? Nhưng học cái gì mới được chứ?

- Con không thể nói được.

Cha tôi nhìn tôi ngờ vực, dĩ nhiên tôi không thể nói cho cha tôi biết những ý nghĩ thầm kín của mình. May thay, mẹ tôi lên tiếng:

- Nó muốn về với chồng nó chứ còn gì nữa. Điều này cũng dễ hiểu thôi…

Cha tôi thở dài một tiếng não nuột rồi nói như than:

- Thôi thế cũng được nhưng tao…

Sợ cha tôi hiểu lầm, tôi vội vã cắt ngang:

- Không phải đâu… không phải vậy đâu, con chỉ muốn cha mẹ trông giùm hai đứa bé trong khi con đi Tokyo tiếp tục việc học mà thôi.

Cha tôi ngạc nhiên nhìn tôi một lúc rồi lắc đầu:

- Không được, mày hãy mang một đứa theo. Mẹ mày không thể trông hai đứa nhỏ một lúc được, hơn nữa đứa bé còn đang bú mẹ kia mà…

Tôi biết một khi đã quyết định, ít khi nào cha tôi đổi ý cho nên tôi thu hết can đảm xin thêm một ân huệ nữa:

- Nếu thế xin cha cho con hai trăm đồng làm vốn.

- Làm gì nhiều thế? Ba chục là đủ lắm rồi.

Hôm sau tôi lên đường trở lại Tokyo với đứa con gái nhỏ trên lưng và ba chục bạc trong túi. Mặc dù chỉ có ba chục nhưng vào lúc đó, nó có giá trị bằng cả ngàn bạc bây giờ vì vé xe lửa từ Hokkaido đi Tokyo chỉ mất có 5 đồng thôi. Tôi thuê một gác trọ ở ngoại ô thành phố và lập tức đi kiếm việc làm. Lúc đó tình hình kinh tế đang phát triển, các hãng xưởng mọc lên như nấm, nhân công đi làm rất nhiều nên tôi tìm ngay được việc bán cháo rong trước cửa các hãng xưởng. Đời sống vật chất tạm ổn định, tôi nghĩ ngay đến việc ghi tên đi học lại. Nhờ có học bạ tốt, tôi được nhận vào phân khoa triết

ở Đại học Tokyo. Vì không thể gởi con cho ai nên mỗi sáng sau khi cho con bú, tôi đành để nó nằm trong nôi một mình rồi đi học. Khi trở về, đứa bé khát sữa đã khóc khô cả cổ, thân thể ướt sũng đồ phóng uế vì không có người thay tã lót. Tôi đau lòng lắm nhưng không biết phải làm sao hơn nên ngày nào cũng vừa ôm con vừa khóc: " Thôi con hãy chịu đựng ít lâu để chờ mẹ học, sau này mẹ sẽ đền bù cho con". Vì vừa đi làm vừa đi học nên sức khỏe của tôi sút giảm nhanh chóng, sữa của tôi cũng vì thế mà cạn dần nên đứa bé đã đói lại càng đói hơn, đêm nào nó cũng khóc rất lâu khiến tôi không sao ngủ được. Có lẽ thế nên khi vào lớp tôi cũng chẳng học được bao nhiêu mà thường hay ngủ gật trong giảng đường.

Tình trạng này kéo dài khoảng vài tháng thì gia đình bên chồng tôi biết được. Họ điều tra ra hoàn cảnh của tôi và kéo đến làm dữ. Cha tôi được bà chủ nhà trọ thông báo, vội vã đến Tokyo ngay. Hôm cha tôi đến thì gia đình bên chồng tôi cũng kéo đến gác trọ và một trận cãi vã kịch liệt đã xảy ra. Gia đình bên chồng tôi gồm có bà mẹ chồng, cô em chồng và chồng tôi trong khi bên tôi chỉ có cha tôi và bà chủ nhà trọ. Mẹ chồng tôi là một người to lớn đẫy đà, giọng nói oang oang như lệnh vỡ. Bà quen thói lấy thịt đè người nên chỉ sau vài câu quát tháo, bà đã hung hăng xông vào toan túm lấy tóc tôi hành hung. Cha tôi là người trầm tĩnh nhưng quyết liệt. Ông đứng chận ở giữa không để cho bà mẹ chồng tôi làm dữ và nhất định đòi đem việc này ra trước pháp luật. Ông lý luận rằng chính chồng tôi đã bỏ đi, không một lời từ biệt, không hề cấp dưỡng cho hai đứa con, do đó phần lỗi hoàn toàn ở hắn. Cuộc tranh luận kéo dài suốt buổi chiều hôm đó với đủ mọi lý luận nhưng rốt cuộc không ai chịu nhường ai. Sau cùng bà mẹ chồng tôi đổi chiến thuật, bà ôm mặt khóc rưng rức rồi chỉ vào đứa bé:

- Này chị kia, chị có thương con chị không? Tại sao chị nỡ để cho nó đói khát, khổ sở như vậy?

Tôi nghẹn ngào không nói được lời nào. Cô em chồng thừa lúc tôi đang chùi mặt, xông đến giằng phắt đứa bé ra khỏi tay tôi trong khi bà mẹ chồng xỉa xói:

- Chị là cái giống gì vậy? Chị là người hay thú mà để cho con ruột của mình phải đói khát, bẩn thỉu như vậy?

Tôi kêu thất thanh:

- Con của tôi, tại sao mấy người cướp con của tôi…

Bà mẹ chồng xông ra chặn lối để cô em chồng ôm đứa bé chạy ra đường:

- Này chị kia, tuy nó là con của chị nhưng nó là cháu của tôi. Chị không lo được cho nó thì để tôi lo cho cháu của tôi.

Cả gia đình kéo nhau ra cửa, tôi xông ra theo nhưng bị chồng tôi cản lại khiến tôi ngã lăn ra đất. Cha tôi đứng yên không phản ứng. Ông chờ gia đình bên chồng tôi kéo đi hết, rồi ôn tồn khuyên:

- Thôi đừng khóc nữa, thà để cho cha của nó lo cho nó còn hơn để nó phải khổ sở đói khát như vậy.

Bà chủ nhà trọ cũng đồng ý:

- Ông cụ nói thế mà đúng đấy. Cô không thể vừa trông con vừa đi học được đâu. Thôi thế cũng hay, từ nay cô tha hồ tự do, không phải lo lắng gì nữa. Nói thật, nhiều lúc tôi cũng xót thương hoàn cảnh của cô lắm, còn trẻ mà lại đèo bồng con nhỏ thì làm sao thoải mái cho được!

Tôi cảm thấy khó chịu trước lời khuyên của bà chủ nhà trọ nhưng nhìn khuôn mặt hiền lành chất phác đầy lo âu của cha tôi, tôi thấy ngực đau nhói. Tôi đã chẳng quyết tâm báo hiếu, làm cho cha tôi vui lòng hay sao? Từ trước đến nay tôi đã làm cho ông đau khổ nhiều rồi nên không muốn ông phải quá lo lắng về tôi thêm nữa. Tôi cắn răng, cương quyết:

- Cha đừng quá lo cho con nữa, con quyết sẽ cố gắng học hành để không phụ lòng cha mẹ. Cha cứ yên chí rồi mọi việc sẽ tốt đẹp.

Hôm sau cha tôi trở về Hokkaido sau khi đã dặn bà chủ nhà trọ trông nom săn sóc cho tôi. Tuy nhiên khi cha tôi đi rồi thì tôi không còn thiết tha một thứ gì nữa, chỉ nằm trên giường khóc lóc vật vã. Cho đến lúc đó tôi mới biết mình đã thương yêu đứa con như thế nào. Đứa bé mà tôi vẫn nghĩ là một gánh nặng thật ra chính là động năng thúc đẩy tôi tranh đấu để vượt qua mọi khó khăn. Chính vì nó mà tôi quyết tâm vừa đi làm vừa đi học để vươn lên, nay không có nó, tôi mất hết mọi sinh lực và lý do để sống. Nhiều hôm tôi thấy mình lang thang ngoài phố như người mất hồn, quanh quẩn từ con đường này sang đại lộ khác và rồi cuối cùng dừng chân trước căn nhà của gia đình chồng tôi ở khu Kanda. Tôi đứng rất lâu trước cửa nhà, lấm lét như một tên trộm, và sợ hãi bỏ chạy mỗi khi có người trong nhà đi ra nhưng hình như gia đình chồng tôi đã dọn đi nơi khác vì không bao giờ tôi gặp một khuôn mặt quen thuộc nào ở đó cả. Trong suốt mấy tháng liền tôi sống trong

sự đau khổ và tuyệt vọng cùng cực, mỗi khi nghe tiếng trẻ con khóc là tôi lại giật mình nghĩ tới đứa con đang thèm sữa mẹ. Tình trạng tinh thần tôi sa sút thảm hại, càng ngày tôi càng như muốn rút vào thế giới riêng của mình, một thế giới mơ hồ với những ảo ảnh kỳ lạ.

Một ngày mùa đông tuyết phủ trắng xóa. Tôi nằm trên giường cố dỗ giấc, đầu óc chập chờn trôi vào một thế giới lạ lùng đầy hoa thơm cỏ lạ mà tôi chưa từng thấy. Tôi đang hoang mang thì bỗng có tiếng kêu lớn "Matsumo, hãy cẩn thận!" Tôi giật mình nhìn lên trần nhà và thấy hình như có một lưỡi kiếm sắc đang treo lơ lửng, mũi nhọn của thanh kiếm chĩa xuống nhằm ngay cổ họng tôi. Tôi kêu lên: "Đúng rồi, người ta muốn giết tôi đây mà!" Không hiểu sao tôi nghĩ rằng bà chủ nhà trọ đã toa rập với gia đình bên chồng để giết tôi. Tôi lẩm bẩm: "Ta không thể ở đây được nữa, tuy chúng mày muốn giết ta nhưng đâu phải dễ, vì ta đã có các thần linh phù hộ cho ta rồi!" Tôi khoác vội lên mình chiếc áo choàng mỏng rồi mở cửa sổ leo ra ngoài. Căn gác của tôi ở tầng trên, sát với những mái nhà kế cận nên chỉ một thoáng sau tôi đã đứng trên mái nhà. Tôi nhủ thầm: "Ta phải thoát ra khỏi nơi đây, càng xa càng tốt". Không hiểu sao tôi có thể di chuyển từ mái nhà này sang mái nhà khác một cách dễ dàng, toàn thân tôi lướt đi một cách nhẹ nhõm. Đôi chân trần của tôi dẫm trên tuyết lạnh mà không hề hấn gì cho đến khi tôi thấy mình đứng trước một hồ nước lớn. Tôi thấy hình như có một người đang trầm mình dưới nước thì phải, tôi nghĩ đến thi sĩ Fujimura Misao (1886 – 1903), người đã gieo mình xuống thác Kegon sau khi để lại một bài thơ bất hủ với những câu như "Ôi đời sống, ta thật không thể hiểu mi nổi". Tôi gọi lớn: "Misao, có phải thi sĩ Misao đó không?" Người đó không trả lời mà cứ lờ mờ khi ẩn khi hiện dưới nước. Như có một hấp lực gì lôi cuốn, tôi vội lao mình xuống đó. Hình như có tiếng kêu thất thanh ở đâu đó vọng lên nhưng tôi không còn biết gì nữa, trước mặt tôi chỉ có nước và đó là thứ tôi cần. Tôi vừa bước chân xuống nước thì hình như có ai đó xông đến nắm chặt lấy áo tôi, tôi vùng vẫy khiến chiếc áo choàng tuột ra, bên trong tôi chỉ mặc đồ lót nhưng tôi không còn biết gì nữa mà vẫn tiếp tục xông tới hồ nước. Có tiếng nhiều người kêu gào rồi một người mặc y phục cảnh sát xông ra ôm chặt lấy tôi. Tôi vừa gào thét vừa vùng vẫy nhưng hắn đã nhanh tay thoi cho tôi một cái khiến tôi ngã lăn ra.

Khi tỉnh dậy tôi thấy mình đang nằm trong một dưỡng trí viện. Người ta để tôi trong một căn phòng riêng có những chấn song sắt như để nhốt một con thú, hàng ngày có y sĩ đến khám nghiệm nhưng tôi không thèm nói chuyện với họ. Nếu có thì tôi cũng chẳng biết mình nói gì nữa vì tâm trạng tôi lúc đó thật hoang mang, mơ hồ. Tôi tin rằng mình đã bị bắt do những kẻ hung dữ

đồng lõa với gia đình nhà chồng tôi. Tất cả mọi người, từ y sĩ đến nhân viên bệnh viện, đều là những kẻ ác độc và tôi đã chỉ tay vào họ, nguyền rủa: "Chúng mày là những kẻ độc ác, sẽ bị trời tru đất diệt, ta là người được các đấng thần linh phù hộ, ta có nhiệm vụ cứu khổn phò nguy, giúp đỡ kẻ hiền lành lương thiện, chúng mày không làm gì được ta đâu!" Có khi tôi thách thức họ: "Có giỏi giết ta đi, chúng bay không thể giết ta được đâu! Ta đã được các đấng thần linh che chở, ta sẽ không bao giờ chết cả!" Suốt thời gian đó tôi sống trong một thế giới với những hình ảnh lạ lùng, có khi tôi thấy lửa cháy rực trời, tôi đoán chắc các đấng thần linh đang trừng trị những kẻ ác độc trong bệnh viên và tôi la lớn: "Thấy chưa, lửa cháy kìa! Lửa cháy để đốt sạch những tên ác độc như bọn bay! Xin cảm tạ các đấng thần linh. Xin đội ơn các ngài, con nguyện tuân theo ý muốn của các ngài…" Mỗi khi nhân viên đưa thức ăn vào phòng cho tôi thì tôi tru lên: "Thuốc độc! Bọn bây toan giết ta bằng thuốc độc hay sao? Ta không bao giờ thèm đụng tới những thứ đó đâu!"

Sau một thời gian la hét giận dữ, cơn điên loạn lui dần và tôi bước vào trạng thái chỉ ngồi yên không nói năng gì nữa. Người ta chuyển tôi vào một căn phòng với những người điên như tôi. Đó là một nhóm phụ nữ tuổi tác khác nhau, kẻ già người trẻ nhưng ai nấy đều ngồi riêng một góc, không ai nói với ai, đắm mình trong thế giới riêng của họ. Thỉnh thoảng có người cười ha hả rồi khóc tấm tức, có người lâu lâu lại tru lên một hồi như những con thú. Lúc đầu tôi tin rằng những người này đều là những kẻ lương thiện đã bị hãm hại như tôi nhưng dần dần tỉnh táo hơn, tôi thấy những hành động như thế quả hết sức lạ lùng. Tôi hỏi tuổi một bà lão trạc sáu mươi nhưng bà cười the thé và nói rằng bà chưa đầy mười sáu tuổi. Một người khác xưng mình là "Tề Thiên Đại Thánh" và thường gây hấn với một người khác xưng là "Nam Hải Quán Âm". Theo thời gian, tôi ý thức rằng những người này quả là không bình thường chút nào và tìm cách tránh né họ. Tôi rút vào một góc phòng và cố gắng ôn lại mọi sự nhưng không sao nhớ được một điều gì rõ rệt, ngoài những mảnh vụn rời rạc. Vài tháng sau, nhờ hạnh kiểm tốt, tôi được đưa qua một khu khác với những người tương đối bình thường hơn. Chúng tôi được giao phó công việc khâu những bao tải đựng đồ và được trả công bằng một số tiền nhỏ, nhờ đó tôi có thể mua thêm một ít quần áo, thức ăn và tôi bắt đầu cảm thấy thoải mái với đời sống trong dưỡng trí viện này. Hàng ngày ngoài công việc thường nhật, tôi còn tham dự vào ban văn nghệ của viện để tập diễn kịch. Chúng tôi được hướng dẫn để trình diễn các vở kịch phổ thông cho mọi người trong dưỡng trí viện. Một người bảo:" Trước sau gì bạn cũng được xuất viện vì hầu như ai gia nhập ban kịch cũng đều được xuất viện sớm". Tuy nhiên tôi không muốn xuất viện, vì hơn lúc nào hết tôi cảm thấy

thoải mái, không phải lo lắng hay phiền muộn gì trong thế giới của những người bị bệnh tâm thần này.

Đúng vào lúc tôi cảm thấy thoải mái nhất thì một hôm người ta gọi tôi lên văn phòng bác sĩ trưởng. Cha tôi đã đứng đó tự lúc nào. Nhìn khuôn mặt chất phác hiền lành của cha tôi mà tôi vô cùng xúc động. Quả thật tôi là một đứa con bất hiếu, càng tự nhủ phải làm vui lòng cha mẹ bao nhiêu, tôi càng làm cho cha mẹ tôi khổ sở bấy nhiêu. Không hiểu sao càng muốn làm việc tốt, tôi lại càng lún sâu vào hố thẳm của những việc bất như ý. Phải chăng tôi đã sai lầm khi quyết định sẽ thay đổi tâm tính? Tại sao tôi lại hành động như thế? Lời hứa với cha tôi khi xưa bỗng văng vẳng bên tai, tôi nghẹn ngào khi thấy cha tôi van xin bác sĩ viện trưởng cho phép tôi xuất viện. Ông kể rõ lý do đã đưa tôi đến điên loạn. Bác sĩ gật đầu tỏ vẻ thông cảm, ông xem xét hồ sơ của tôi cẩn thận và sau cùng chấp thuận cho tôi được phép xuất viện. Mặc dù không muốn rời môi trường thoải mái này nhưng tôi cũng riu ríu theo cha tôi về nhà trọ. Dọc đường cha tôi hỏi:

- Mày muốn làm gì bây giờ?

Hiển nhiên tôi không còn tha thiết với việc học nữa, đầu óc tôi trở nên mơ hồ, tôi không biết mình muốn gì hay phải làm gì. Dĩ nhiên tôi không muốn trở về Hokkaido vì biết mẹ tôi sẽ không chịu nổi khi nhìn thấy tôi trong tình trạng thân tàn ma dại này. Tự nhiên tôi buột miệng:

- Con không muốn về Hokkaido, xin cha cho phép con đến ở với cậu Tetsumei.

Tetsumei là em ruột mẹ tôi, đã xuất gia từ nhỏ, hiện đang trụ trì một ngôi chùa ở ngoại ô thành phố Tokyo. Cha tôi gạt đi:

- Không được, mày không thể làm rộn việc thanh tu của Tetsumei được. Tuy nhiên mày cũng không nên trở về Hokkaido, có lẽ tao phải nhờ bà chủ nhà trọ trông nom cho mày ít lâu nữa.

Bà chủ trọ sau một lúc suy nghĩ đã quyết định đưa tôi đến gặp một thầy tướng để xem vận mạng tương lai của tôi ra sao. Ông thầy sau khi quan sát khí sắc đầy u sầu, ủ dột của tôi, tuyên bố:

- Cô là người rất nhạy cảm, có thể đảm nhận nhiều vai trò khác nhau. Theo ý tôi thì nếu cô trở thành một diễn viên sân khấu, thủ các vai đào thương thì chắc chắn sẽ thành công lớn.

Bà chủ trọ đồng ý ngay:

- Nếu không đi học thì cô phải kiếm một nghề nghiệp gì đó để sinh nhai. Thầy tướng nói cô thích hợp với nghiệp sân khấu thì còn đợi gì nữa mà không theo đuổi con đường này.

Cha tôi cũng đồng ý với bà chủ trợ vì theo ông, tôi cần phải làm một thứ gì khác hơn là nằm nhà khóc lóc vật vã. Ông sợ tôi nổi cơn điên trở lại và sẽ bị giam vĩnh viễn trong dưỡng trí viện. Tôi cảm động trước tình thương của ông nên tuy không thích lời đề nghị của bà chủ trọ nhưng tôi cũng chấp nhận việc trở nên một diễn viên của đoàn hát Kageki.

Kageki là những đoàn hát rong chuyên diễn những vở kịch dựa theo các điển tích phổ thông. Điểm đặc biệt của các đoàn hát này là tất cả diễn viên đều thuộc phái nữ. Họ thủ đủ mọi vai, cả nam lẫn nữ. Việc diễn xuất chỉ chú trọng đến các động tác, cử chỉ giới hạn mà người ta có thể được chỉ dạy nhanh chóng. Bà chủ nhà trọ đưa tôi đến gặp bà bầu gánh hát Kageki trong vùng. Điều kiện thâu nhận cũng dễ dàng, vì là một diễn viên tập sự, tôi chỉ được ăn ngày hai bữa cơm chứ không thể đòi lương bổng hay điều kiện gì khác.

Để khuyến khích, bà chủ nhà trọ mua cho tôi một chiếc áo kimono thật lộng lẫy và yêu cầu những diễn viên trong gánh hát giúp tôi trang điểm. Cha tôi sung sướng nhìn tôi súng sính trong bộ kimono mới tinh và được những nhân viên trong đoàn thoa son dồi phấn cho. Bà chủ nhà trọ cười thích thú:

- Thấy chưa! Có lẽ cả đời chưa bao giờ cô được mặc một bộ áo đẹp như vậy. Rồi sẽ có bao nhiêu người say mê cô cho mà xem.

Nghe bà chủ nhà trọ nói, tôi lợm giọng muốn nôn nhưng nhìn nét mặt rạng rỡ đầy hy vọng của cha tôi, tôi cố gắng giữ bình tĩnh để ông vui lòng:

- Xin cha hãy trở về, đừng quá lo cho con, rồi mọi việc sẽ tốt đẹp.

Tôi mong cha tôi giữ mãi hình ảnh thật đẹp ngày hôm đó vì chỉ hôm sau khi đoàn hát khởi sự, tôi trở nên một nhân viên quét dọn sân khấu và nấu ăn cho đoàn hát. Người ta chỉ dạy tôi một vài động tác diễn xuất mỗi khi cần có một vai phụ nào đó thôi. Sự thật thì đoàn hát nào cũng có cả chục diễn viên phụ chờ đợi được thủ vai chính, và những cô đào chính thì không bao giờ muốn ai thay thế mình cả. Cơ hội trở nên một diễn viên nổi tiếng rất khó khăn, chỉ trừ khi diễn viên chính bỏ gánh hát ra đi hoặc già yếu, bệnh hoạn thì người

ta mới cần người thay thế. Tôi sống với gánh hát được hơn hai năm và từ từ leo lên hàng diễn viên phụ, sau khi đã có những "lính mới tò te" xung phong nhận lãnh nhiệm vụ quét dọn và nấu ăn thay cho tôi. Tuy nhiên, việc diễn xuất không mang lại cho tôi một hứng thú gì, cuộc sống trôi qua một cách vô cùng tẻ nhạt. Một hôm tôi đem điều này nói với bà bầu gánh hát:

- Chúng ta khổ công tập luyện để trình diễn nhưng có ai thèm để ý đến chúng ta đâu? Đa số khán giả chỉ vào xem để mua vui chốc lát, có lợi ích gì cho cuộc đời đâu?

- Sao mày ngu quá vậy? Đời sống sân khấu chỉ phản ánh xã hội mà thôi, xã hội ra sao thì sân khấu như vậy. Mày lộn xộn quá!

Tuy nhiên nhà soạn kịch, ông chồng của bà bầu, hiểu được thắc mắc của tôi nên đã khuyên:

- Mỗi vở kịch đều có ý nghĩa riêng của nó. Nội dung vở kịch có thể mang lại cho người xem một vài thích thú hay giúp họ có cơ hội nhìn lại chính mình qua các vai trò trên sân khấu. Một vở kịch phải có hậu, nghĩa là đề cao các giá trị căn bản của đời sống, trung thắng nịnh, kẻ hiền lương luôn luôn được che chở, và kẻ gian ác phải gặt hái những hậu quả xấu xa. Tóm lại, kịch nghệ chính là một cách cải tạo xã hội, giúp cho người xem có cơ hội nhận định các giá trị của đời sống. Nếu chúng ta, những diễn viên, có một lý tưởng thanh cao thì việc hành nghề chính là một cơ hội để khán giả cảm nhận được những điều ta muốn trình bày.

- Nhưng với những người không đi xem kịch thì sao? Làm sao ta có thể cảm hóa được họ?

Nhà soạn kịch nổi giận:

- Thì mặc kệ họ, chúng ta đâu có thể cứu vớt tất cả được!

- Nhưng tôi muốn giúp đỡ tất cả mọi người…

- Sao mày ngu quá, lo lấy thân còn chưa xong mà cứ đòi làm những việc lớn! Hãy lo trau dồi khả năng diễn xuất cho thật hay, theo thời gian mày sẽ nổi tiếng, có tiền bạc và danh vọng rồi thì muốn gì chẳng được.

- Nhưng đó là ích kỷ cá nhân.

Bà bầu bĩu môi xen vào:

- Khi nào có danh vọng và tiền bạc rồi mày sẽ thấy, lúc đó phỏng xem mày có còn đòi cải tạo xã hội hay giúp đỡ cho ai nữa không!

Tôi im lặng không trả lời. Bà bầu tiếp tục:

- Đứa nào chẳng thế! Khi chưa nổi tiếng, chưa được khán giả vỗ tay khen ngợi thì toàn đòi những chuyện vá biển lấp trời, nhưng khi đã có danh vọng rồi thì ý nghĩ duy nhất là làm sao giữ vững được cái danh vọng đó, làm sao để hàng đêm vẫn được khán giả tiếp tục vỗ tay khen ngợi, làm sao để nhan sắc không phai tàn, làm sao để giọng hát vẫn quyến rũ… Rồi mày sẽ bắt đầu sợ, bắt đầu lo…

Tôi im lặng, nước mắt ràn rụa. Cho đến lúc đó tôi mới ý thức rõ rệt về cái nghiệp dĩ mà những người thuộc giới diễn viên, tài tử phải gánh chịu. Tôi cố nuốt nước mắt xuống mà không xong, cuối cùng tôi lắp bắp:

- Nếu vậy thì đây không phải là con đường của tôi. Tôi thà cứu một người chết đuối còn hơn là kéo dài cuộc sống đầy lo âu, phiền muộn như vậy.

---o0o---

Chương 3

Vào lúc đó, đoàn hát thường bị những nhóm du đãng gọi là “Peragoro” sống bám vào. Đó là những thanh niên hư hỏng, bỏ nhà ra đi, nương náu theo các đoàn hát và hành động theo sở thích nhất thời, không tuân theo một luật lệ gì cả. Có lúc chúng tỏ ra ngoan ngoãn, biết điều, nhưng cũng có khi chúng sách nhiễu, đòi hỏi đủ thứ. Trong nhóm du đãng có một thanh niên khoảng 17, 18 tuổi chi đó tên là Ryochan. Tuy còn trẻ nhưng hắn đã tỏ ra gan dạ, bướng bỉnh không thua những tay anh chi lão luyện trong nghề. Hắn sẵn sàng làm đủ mọi việc từ khuân vác, quét dọn sân khấu cho đến đâm thuê, chém mướn. Tôi nghe nói lúc cần tiền, hắn dám cướp cả những sòng bạc có người canh gác cẩn thận. Tuy bề ngoài liều lĩnh hung hăng là thế nhưng bên trong hắn vẫn chỉ là một đứa bé hay e thẹn, bẽn lẽn trước phụ nữ. Một hôm gặp hắn lang thang trong hậu trường, tôi hỏi:

- Này Ryochan, sao em cứ quanh quẩn ở đây mãi vậy?

Lúc đầu Ryochan thẹn thùng không trả lời, nhưng về sau hắn ấp úng:

- Tại em không có nhà để trở về.

Tôi biết các thanh thiếu niên này đều thuộc thành phần lêu lổng, bỏ nhà ra đi nhưng mỗi khi kiếm được chút tiền, chúng cũng biết trở về thăm nhà và dấm dúi cho cha mẹ hoặc anh chị em chút tiền quà bánh.

Ryochan cho biết thêm:

- Thưa chị, em không có mẹ.

Vừa nghe vậy tôi mủi lòng ngay và thông cảm hoàn cảnh đáng thương của hắn. Tôi nghĩ rằng đây là một đứa bé đang lầm đường lạc lối cần có người săn sóc và hướng dẫn cho đến khi trưởng thành. Tôi lập tức từ bỏ gánh hát đưa Ryochan đến tỉnh Nagoya, xây dựng một cuộc đời mới.

Sau khi chung sống với tôi một thời gian, gã du đãng hung hăng liều lĩnh đó đã trở nên ngoan ngõan hiền lành như một con cừu non. Hắn tìm được việc làm tại tòa báo địa phương, phân phối báo cho các đại lý. Dưới sự hướng dẫn của tôi, hắn ghi tên đi học lớp bình dân giáo dục để có thể đọc được sách báo và mở mang thêm kiến thức. Phần tôi thì khác, chỉ một thời gian ngắn tôi thấy mình trở nên một người đàn bà độc đoán, ghen tuông và nóng nẩy. Không hiểu sao những chủng tử xấu nằm sâu trong tiềm thức của tôi tự nhiên trỗi dậy một cách mạnh mẽ. Tôi thấy mình đã thốt ra những câu vô lý như “Ryochan, tại sao giờ này em mới về nhà?”, “Ryochan, em phải làm việc này ngay lập tức”. “Ryochan, tại sao tiền lương tháng này lại ít vậy” Phải chăng em mang bao một con đĩ nào đó rồi?” Tôi càng cố gắng kiềm chế mình bao nhiêu thì lại thấy mình càng nóng nảy, giận dữ bấy nhiêu. Suốt ngày tôi la hét, quát tháo bắt Ryochan phải làm theo ý muốn của mình. Dần dần tôi nhận thấy rằng cái mà tôi tưởng là tình thương chẳng qua chỉ là một sự ích kỷ, một thứ quyền lực, một hình thức biểu hiện của những hạt giống đau khổ, cay đắng mà tôi đã tiếp nhận từ trước. Tôi vẫn nghĩ mình có ý tốt, muốn cứu vớt giúp đỡ người khác nhưng không hiểu sao hành động của tôi lại trái ngược hẳn, thay vì cứu vớt Ryochan, tôi thấy mình mới là kẻ cần được cứu vớt hơn ai hết.

Trong khi Ryochan đi làm, tôi thường tụ tập với những người đàn bà trong xóm để đánh bạc hay nói chuyện ngồi lê đôi mách. Thỉnh thoảng họ cũng rủ nhau đi chùa lễ Phật nhưng đây chỉ là một hình thức xã giao bề ngoài của những kẻ nhàn rỗi. Họ đến chùa để chưng diện quần áo, để nói chuyện mưa gió thời tiết, để khen chê lẫn nhau chứ không phải để học hỏi giáo lý. Phần tôi thì khác, tôi nghĩ rằng tôn giáo có thể giúp tôi tìm ra một lối thoát cho

hoàn cảnh khó khăn hiện tại. Tôi bèn tham dự các khóa lễ, tụng kinh niệm Phật và hăng hái quyên góp tiền bạc để trùng tu chánh điện, đúc tượng, tô chuông. Ryochan không hề phản đối việc này. Hắn chẳng bao giờ phàn nàn về việc tôi vắng nhà thường xuyên cho các công tác của chùa cả.

Sau một thời gian hăng say làm công quả, tôi không thấy mình tiến bộ được bao nhiêu, vẫn độc đoán, ích kỷ và hay nóng giận như trước. Một hôm sau khóa lễ, tôi hỏi vị trụ trì:

- Những bài kinh dài này nói những gì?

- Kinh Phật cao siêu vô cùng, nói ra cô cũng chẳng thể hiểu được.

- Tại sao thầy lại nghĩ như thế? Chúng tôi ê a bài những kinh này cả ngày thì cũng cần phải hiểu ý nghĩa của nó chứ.

- Theo ý tôi, cô chỉ cần lo quyên góp tiền bạc để xây chùa, đức tượng, tạo chút phước đức là đủ rồi, đừng tìm hiểu những điều cao siêu không thể nghĩ bàn.

- Nhưng nếu không thể hiểu được những điều mình đọc thì tụng kinh làm gì? Ít ra người ta cũng cần biết những điều đức Phật đã chỉ dạy chứ.

Vị sư suy nghĩ một lúc rồi trả lời vắn tắt:

- Đức Phật dạy rằng: “Kẻ nào tạo nhiều phước đức sẽ hưởng sung sướng ở kiếp sau, còn kẻ nào không biết làm phước sẽ đọa vào địa ngục”.

Tôi không sợ phải đọa vào địa ngục và cũng không cần được hưởng sung sướng ở một kiếp xa vời nào đó. Cái mà tôi cần là làm sao giải quyết được những vấn đề khó khăn trong đời sống hiện tại. Tôi thắc mắc:

- Nhưng không lẽ người ta bất lực không thể làm gì khác hơn là chờ đợi một đời sống tốt đẹp hơn ở kiếp tương lai?

- Dĩ nhiên rồi, vì cô đã tạo nghiệp xấu ở kiếp trước nên kiếp này phải trả.

Tôi không biết mình đã tạo những nghiệp xấu gì nhưng lời giải thích đó làm tôi khó chịu. Tôi sẵn sàng chấp nhận hậu quả việc làm của mình, nhưng không thể thụ động bó tay, chờ đợi một hứa hẹn hão huyền nào đó. Thấy tôi có vẻ không tin, vị sư bực bội:

- Cô thắc mắc nhiều quá, nghi ngờ người tu hành là một điều xấu, sẽ phải đọa vào địa ngục Vô Gián.

Tôi không chấp nhận lời giải thích có tính cách dọa nạt nên bỏ ngôi chủa đó, tìm đến một chùa khác thuộc phái Nhật Liên Tông (Nichiren). Vị trụ trì nghe tôi kể lể sự tình bèn nổi giận:

- Thật đáng tiếc khi có những kẻ quá chú trọng đến hình tướng bên ngoài mà làm hoen ố giáo pháp cao quý của đức Thế Tôn như vậy. Thời mạt pháp có khác, giáo lý của đức Phật bị những kẻ tu hành không chân chính xuyên tạc, lạm dụng để tích lũy tài sản.

- Theo ý thầy thì hiện nay tôi phải làm gì?

- Con đường tốt nhất lúc này là tụng kinh Pháp Hoa, và giản dị hơn nữa, thay vì niệm Phật, cô chỉ cần niệm Pháp là đủ, vì Pháp là tất cả. Cô chỉ cần xưng tụng câu "Nam mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh" thì sẽ được giải thoát vì đó là thông điệp chân thật nhất của đức Phật.

Tôi nghĩ thầm: "Ít ra vị sư này cũng khuyến khích mình đọc kinh thay vì quyên góp tiền bạc để cầu phước". Tôi trở nên đệ tử của vị này nhưng chỉ một thời gian sau tôi thấy vị này cũng không hơn gì vị trước. Ông dành rất nhiều thì giờ để chỉ trích, công kích các tông phái khác của Phật giáo hơn là giải thích những diệu lý của kinh. Học trò của ông thường kéo nhau ra đường phố hùng hồn tranh luận với người của các tông phái khác mà họ gọi là tà giáo. Họ chủ trương bạo động, nếu cần thiết, để thiết lập một quốc gia xây dựng trên triết thuyết của Nhật Liên tổ sư. Lúc đầu tôi cũng hăng say tham gia việc truyền bá tư tưởng của phái này nhưng hình thức đả phá, tranh luận không mang lại cho tôi sự thoải mái nào, trái lại nó chỉ làm tôi thêm sân si hơn trước. Ngoài ra tôi không đồng ý cách truyền đạo có tính cách lôi kéo, quyến dụ tín đồ bằng phương pháp biện luận cũng như hành vi hung hăng, hiếu chiến của những người lãnh đạo phái này. Tôi bày tỏ ý kiến của mình với vị sư trụ trì. Thay vì an ủi tôi thì ông lại nổi giận:

- Nếu cô không tin tưởng tuyệt đối vào chủ trương của chúng tôi thì thôi, những kẻ lưng chừng, nửa tin nửa ngờ như cô chỉ là những kẻ phá hoại Phật pháp, đi theo con đường của Đề Bà Đạt Đa, và sẽ vĩnh viễn đọa địa ngục.

- Nhưng chính đức Phật đã chẳng nói rằng mọi chúng sinh đều có Phật tánh và ngay cả Đề Bà Đạt Đa cũng sẽ thành Phật kia mà.

Vị sư nổi giận quát tháo om sòm. Dĩ nhiên tôi không trở lại ngôi chùa đó nữa. Vài tháng sau tôi có dịp tham dự một buổi diễn thuyết tại đền thờ Kasuga của Thần đạo (Shinto). Một vị lão sư khuôn mặt nghiêm nghị đã bước lên diễn đàn nói về đề tài " Chính tâm, thành ý" (Kokor, Makoto). Ông nói:

- Trong thiên nhiên đã có sẵn một trật tự chung. Biết sống với cái trật tự này là đã gần đạt được đến đạo rồi. Muốn đạt đến đạo lớn thì phải biết lập chí lớn; muốn lập chí lớn thì phải lo tu thân; muốn lo tu thân thì phải chính tâm; muốn chính tâm thì phải thành ý; và muốn thành ý thì phải biết rõ sự liên quan của tất cả mọi sự vật với nhau. Con đường tu tập phải bắt đầu bằng việc quán xét thật kỹ các hiện tượng trong trời đất, xét cho cùng chỗ tương quan của chúng, coi xem cái nào là gốc cái nào là ngọn, cái nào là nguyên nhân cái nào là hậu quả. Có biết rõ được điều này thì ý mới thành; và ý có thành rồi thì tâm mới chính; khi tâm đã chính thì thân mới tu sửa được. Và khi việc tu thân có hoàn mãn thì chí mới vượt lên cao, vươn khỏi mọi sự tầm thường để đạt đến đạo lớn. Thành ý (Matoko) là căn bản bao gồm tất cả mọi sự. Mọi giá trị đương thời như luân lý, đạo đức đều xây dựng trên cái căn bản quan trọng này. Nếu mình biết sống thành thật với chính mình, không tự lừa dối mình, thì hành động chân thật này sẽ biểu lộ ra ngoài, cảm hóa được những người chung quanh. Thành ý không phải là một cái đức mà còn là một năng lực cảm hóa hết sức mầu nhiệm, có thể thay đổi tất cả.

Tôi say mê theo dõi từng câu nói của vị lão sư và nhủ thầm: " Đây mới thật là một vị thầy chân chính, đây mới chính là con đường mà ta mong đợi từ bao lâu nay". Tôi nghĩ đến tấm lòng thương yêu chân thành của cha tôi mà muốn rớt nước mắt. Cả một dĩ vãng tự nhiên hiện ra rõ rệt trong tâm tôi. Phải rồi, tôi đã từng nghĩ đến cái căn bản này một cách mơ hồ sau khi đã được cảm hóa nhưng cho đến lúc đó chưa ai có thể giải thích một cách rõ rang, lưu loát như vị sư này. Tôi vội vã trở về nhà thu xếp hành lý đến gặp vị lão sư để xin làm đệ tử. Sau khi nghe trình bày hoàn cảnh, vị lão sư nghiêm giọng hỏi:

- Như vậy cô đã được phép của gia đình chưa?

- Thưa… chưa.

- Thế thì không được, cô hãy trở về nhà ngay. Có lẽ giờ này chồng của cô đang nóng lòng chờ đợi.

Tôi ôm mặt khóc ròng:

- Thưa thầy, con đã khổ công tìm kiếm con đường này từ bao lâu nay rồi. Xin thầy rủ lòng thương xót…

- Không được, ta không thể thu nhận cô nếu không có sự đồng ý của gia đình cô.

- Nhưng nếu con trở lại với sự ưng thuận của gia đình thì sao?

- Đến khi đó sẽ hay, bây giờ cô phải trở về nhà ngay.

Biết không thể năn nỉ gì thêm được, tôi gạt nước mắt trở về nhà. Lúc đó trời đã vào thu, nhiệt độ bắt đầu lạnh nên Ryochan trùm mền ngủ kỹ. Thấy tôi về, hắn chỉ nhô đầu ra khỏi chăn hỏi: “ Em đã về đấy ư?”. Hỏi xong, hắn lại vùi đầu ngủ tiếp. Nhìn khuôn mặt vô tư của hắn, tôi động lòng trắc ẩn và tự hỏi liệu mình có thể từ bỏ Ryochan được không? Cho đến lúc đó tôi đã đóng vai một người mẹ, một người chị và một người yêu của hắn. Liệu tôi có can đảm từ bỏ tất cả để lên đường tìm đạo không? Ryochan sẽ nghĩ thế nào về quyết định của tôi? Tâm trạng tôi rối bời vì muôn ngàn ý nghĩ trái ngược nhau nhưng cuối cùng tôi biết mình không thể làm gì khác hơn là lên đường học đạo. Sau một thời gian chuẩn bị tư tưởng cẩn thận, tôi viết một lá thư dài cho Ryochan rồi lên đường đi Shikoku, nơi vị lão sư cư ngụ. Năm đó tôi vừa tròn hai mươi tám tuổi, và đã sống với Ryochan đuợc gần hai năm.

Vị lão sư sống trong một căn nhà nhỏ bé, khiêm tốn nhưng căn phòng chính có bầy một bàn thờ hết sức trang nghiêm đẹp đẽ. Ông mời tôi dùng trà và lên tiếng hỏi ngay:

- Cô đã được phép gia đình rồi chứ?

- Thưa vâng.

Tôi lo sợ không biết có được ông thu nhận hay không. Dù sao tôi cũng đã viết một lá thư cho Ryochan để giải thích việc này. Lão sư hỏi tiếp:

- Được lắm. Như vậy cô được phép đi trong bao lâu?

- Thưa một năm.

Tôi trả lời mà không suy nghĩ, trong thư viết cho Ryochan tôi đã đề cập đến thời gian học đạo khoảng một năm mặc dù trong tâm tôi quyết sẽ không trở

về với Ryochan nữa. Vị lão sư vui vẻ chấp thuận cho tôi trở nên học trò tại gia của ông.

Lão sư Meano Choji không những là một vị thầy nổi tiếng của Thần đạo (Shinto) mà còn là một danh thủ về Kiếm đạo (Jaijutsu) và Nhu thuật (Jujitsu) nữa. Ông có rất nhiều học trò và thường được mời đi diễn thuyết, giảng dạy ở khắp nơi. Cuộc sống của ông rất điều độ, giản dị; ngoài việc giảng dạy, ông dành nhiều thì giờ để tĩnh tọa trong một căn phòng riêng. Hàng ngày nhìn cử chỉ ung dung, điềm đạm của ông tôi thầm ao ước “Không biết mình phải tu tập thế nào mới đạt được cái nhân cách siêu phàm ấy?” Lão sư cho biết:” Khi còn nhỏ ta không khỏe mạnh lắm, lại mắc bệnh suyễn nên cha mẹ ta đã tìm đủ mọi thầy hay, thuốc giỏi để chữa nhưng không kết quả gì cho đến khi ta tu tập phương pháp tĩnh tọa Kannagara- no -michi. Chỉ một năm tu tập mà bao nhiêu tật bệnh tan hết, thân thể ta phát triển một cách tự nhiên. Từ đó đến nay ta không bao giờ bị bệnh cả, ngay cả những bệnh xoàng như nhức đầu, sổ mũi, cảm mạo cũng không bao giờ ảnh hưởng được đến ta”.

Phương pháp Kannagara – no – michi của Thần Đạo gồm ba phần chính là điều thân, điều khí và điều tâm. Phần điều thân là giữ cho tư thế ngồi thật vững vàng ngay thẳng. Người tập quì gối, ngồi lên trên bọng chân, giữ lưng cho thẳng, mắt nhắm lại và đặt hai tay lên trên đùi. Sau khi đã ngồi yên được một lúc thì chuyển qua việc điều khí, giữ cho hơi thở điều hòa tự nhiên, khi hít vào thì phình bụng ra và khi thở ra thì ép bụng vào. Sau khi hơi thở đã điều hòa thuần thục thì bắt đầu điều tâm bằng cách tập trung tư tưởng để phát ra âm thanh “oo-oo”. Trong khi phát âm, không được nghĩ đến bất cứ một thứ gì khác mà chỉ chú tâm vào việc phát âm thôi; tuyệt đối không mong cầu, ao ước thứ gì. Sau khi phát âm “oo-oo” đều đặn khoảng một lúc thì chuyển sang việc phát âm từng nguyên âm (a, e, i, o, u). Khác với âm “oo-oo”, việc phát âm những nguyên âm này đòi hỏi sự phối hợp của cả tinh thần lẫn thể xác; âm thanh phát ra phải rõ ràng, mạnh mẽ và thật sâu (deep chant). Lão sư cho biết tĩnh tọa là căn bản quan trọng nhất trong phương pháp tu tập của Thần Đạo.

Thần Đạo là một truyền thống đặc biệt của Nhật Bản có từ ngàn xưa nhưng theo thời gian đã thay đổi ít nhiều. Một phần vì chịu ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa (Khổng giáo và Phật giáo), nhưng một phần khác là do các yếu tố chính trị. Vào thời đại Tokugawa (1600 – 1867), trường Quốc học (Kokugaku) được thành lập với mục đích nghiên cứu các di sản văn hóa của Nhật. Nhờ biết áp dụng phương pháp nghiên cứu về cổ ngữ, các học giả lúc

đó đã phục hồi được nhiều sách vở tài liệu có giá trị, tưởng đã bị thất truyền. Một số học giả có tinh thần quốc gia cực đoan, chủ trương bài ngoại đã lợi dụng tình thế chính trị lúc đó (bế quan tỏa cảng) để phục hồi truyền thống Thần Đạo, không chịu ảnh hưởng của Phật giáo hay Khổng giáo, mà họ gọi là Kannagara-no-michi. Theo sự giải thích của tông phái này thì vào thời hoàng kim, tâm thức con người vốn chất phác và thuần hậu nên có thể giao cảm với tâm thức của các đấng thần linh (Kami). Vì hiểu rõ tâm thức của các vị thần nên tư tưởng, hành động của con người luôn luôn hòa hợp với sự biến chuyển của các định luật thiên nhiên và đời sống là một điều tốt đẹp thoải mái. Về sau con người sa đọa, bị dục tính lấp đi cái thiên tính thần hậu, vô tư ngày trước nên họ không thể giao cảm với thần linh được nữa. Vì bị ái dục chi phối nên tư tưởng, hành động của họ không còn hòa hợp được với các biến chuyển tự nhiên của thiên nhiên và đời sống trở nên một sự phấn đấu, đầy đau khổ và trắc trở. Truyền thống Kannagara-no-michi hay " Sống thuận theo ý chư thần" chủ trương phục hồi cái bản tính vô tư thuần hậu qua việc tẩy uế thân tâm, dẹp bỏ lòng tham dục, để tái lập mối liên lạc với chư thần linh trong thiên nhiên (Kami).

Ngoài việc học hỏi với lão sư, tôi còn tham cứu thêm các sách vở trong nhà, và tìm được một phương pháp để dẹp bỏ lòng tham dục qua việc tẩy uế thân tâm. Tôi thấy việc tĩnh tọa như lão sư chỉ dạy đòi hỏi một thời gian lâu dài nên tôi muốn tìm một lối tắt nhanh hơn. Sáng nào tôi cũng dậy thật sớm, tìm đến ngọn thác Kagami gần đó để tắm gội, tẩy uế bằng nước lạnh (Misogi). Tôi đứng dưới chân ngọn thác, mặc cho làn nước lạnh như băng xối lên người, tập trung tư tưởng và cầu nguyện các đấng thần linh phù hộ cho tôi. Tôi tin rằng nước có công dụng rửa sạch những ô uế trên thân thể tôi và nhờ sự thành tâm cầu nguyện, tâm hồn của tôi có thể mở rộng để đón nhận mặc khải của chư thần như tôi đã từng kinh nghiệm khi còn ở Hokkaido. Vì Thần Đạo không phân biệt tâm và thân, một thân thể trong sạch biểu lộ một tâm thức trong sáng nên việc tắm gội hành xác đối với tôi là một việc làm hết sức tự nhiên, Một hôm lão sư bắt gặp tôi làm việc đó, ông lắc đầu quát lớn:

- Cô tưởng rằng mình có thể ngộ được điều gì đó qua hành động bên ngoài như vậy hay sao?

Tôi không hiểu lão sư muốn nói gì vì lúc đó tôi không có một ý thức gì về danh từ "ngộ" (satori) cả. Tôi tin rằng nhờ thành tâm thực hành các phương pháp cổ truyền như việc tẩy uế bằng nước lạnh (Misogi) mà tôi có thể đạt được một quyền năng phi thường, hay một trạng thái tâm thức có thể giao

cảm được với chư vị thần linh. Tuy bị lão sư cảnh cáo nhưng tôi vẫn tiếp tục thực hành phương pháp đó một cách siêng năng, chuyên cần.

Thời gian trôi nhanh như bóng câu qua cửa sổ. Thoáng chốc tôi đã tu tập ở đây được đúng một năm. Hôm đó, sau buổi tĩnh tọa, lão sư hỏi:

- Hình như ngày mai cô lên đường về nhà thì phải. Cô đã ở đây tròn một năm rồi. Liệu cô đã sẵn sàng chưa?

Tôi bàng hoàng không biết phải nói gì. Lúc đầu tôi tưởng lão sư có ý muốn đuổi tôi đi vì tôi đã thực hành những phương pháp mà ông không thích nhưng tôi nhớ lại thời hạn một năm mà tôi đã trình bày khi xin thụ giáo năm xưa. Thật ra lúc đến học đạo, tôi chỉ nói bừa ra thời gian một năm chứ không hề có ý định sẽ trở lại với Ryochan. Tôi nghĩ mình đã đoạn tuyệt với quá khứ, đã dứt bỏ tất cả mọi sự, tôi không còn mặt mũi nào trở về để gặp Ryochan nữa. Mặc dù thấy tôi có vẻ ngần ngại, lão sư vẫn thản nhiên:

- Dù thế nào chăng nữa, đã đến lúc cô phải trở về nhà.

Tôi trở lại Nagoya với một tâm trạng hoang mang chán nản. Chưa muốn về nhà ngay, tôi ghé qua hàng xóm để tâm sự. Bà hàng xóm lắng nghe tôi giải bầy những nỗi khó khăn thì lắc đầu than:

- Nghiệp của cô nặng như thế thì làm sao mà tu cho được! Phải chăng cô vẫn còn yêu Ryochan nên không dám nói thẳng cho hắn biết ý định muốn từ bỏ tất cả để đi học đạo? Cô tưởng mình có thể đi theo ông thầy kia nhưng vì còn nặng nợ với Ryochan nên trước sau cô vẫn phải trở về. Theo tôi, cô không thể làm gì khác được đâu! Khi nào duyên nợ còn thì cô vẫn phải rán mà trả cho hết. Chúng ta mang kiếp người là mang cả một gánh nghiệp quả, nào là duyên với người này, nào là nợ với người kia. Có khi vừa là duyên vừa là nợ, chập chùng không biết đâu vào với đâu. Cô không thể chống lại cái nghiệp đó được; dù cố gắng lắm cô cũng chỉ có thể hành động theo ý mình một lúc thôi, việc phải đến vẫn xảy đến như thường. Thà cứ thuận theo nó còn hơn…

Tôi gật đầu ra vẻ đồng ý nhưng trong thâm tâm rất khó chịu. Tôi rủa thầm mình đã dại dột đem chuyện riêng tư ra kể cho người khác nghe và quyết định từ đây sẽ phải tránh cái thói nhi nữ thường tình này.

Khi tôi về nhà thì Ryochan đi làm chưa về. Tôi không biết sẽ phải nói sao với hắn. Liệu tôi có nên cho hắn biết ý định vẫn muốn tiếp tục trở về với lão

sư hay không? Tôi cố gắng chuẩn bị một thái độ nhưng tâm trạng cứ rối bời, không biết phải làm gì. Trong lúc thất vọng cùng cực, tự nhiên tôi nhớ đến một câu kinh quen thuộc:" Nếu có chúng sinh nào chịu mọi khổ não, một lòng xưng niệm tên hiệu Bồ Tát Quán Thế Âm, tức thì Bồ Tát Quán Thế Âm quán sát tiếng kêu cầu ấy, độ cho họ thoát khỏi khổ não". Tôi vội vã cung kính chắp tay thành tâm niệm lớn:" Nam Mô Đại Từ Đại Bi, Cứu Khổ Cứu Nạn Quán Thế Âm Bồ Tát". Tôi không biết mình đã niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm bao nhiêu lần, nhưng tự nhiên trước mắt tôi bỗng có một luồng sáng hiện ra sáng chói, giữa luồng ánh sáng đó có một dòng chữ lớn: "Con hãy tập yêu thương". Tôi cảm thấy toàn thân rung động mãnh liệt, như có một luồng điện ở đâu rót vào đầu óc u tối của tôi khiến nó bừng sáng. Tôi giật mình thảng thốt kêu lớn: "Phải rồi! Đó mới là giải pháp cho tình trạng hiện tại". Chỉ trong giây phút, tôi ý thức ngay rằng từ trước đến nay tôi đã nghĩ về mình quá nhiều; tôi chỉ quan tâm đến nỗi khó khăn của riêng mình mà chẳng bao giờ chú ý đến nỗi khổ tâm của người khác. Tôi chỉ muốn điều này hay điều nọ nhưng chẳng bao giờ tự hỏi hành động của tôi đã gây đau khổ cho người chung quanh như thế nào. Tôi đã làm cha mẹ tôi không hài lòng, đã làm cho chồng tôi bỏ đi, đã khiến cho hai đứa con của tôi phải chịu thân phận mồ côi chỉ vì tôi tham lam, ích kỷ quá. Tôi tưởng rằng tôi đã thay đổi nhưng thật ra tôi không hề đổi thay gì hết, vẫn chứng nào tật ấy. Tôi chưa bao giờ biết yêu thương, làm sao tôi có thể giúp đỡ ai khác khi không hề có tình thương? Tôi có cảm tưởng như gánh nặng trên vai đã được ai đó nhấc đi và đầu óc tôi trở nên thoải mái hơn bao giờ hết. Tôi ý thức rõ rệt những sai lầm mà tôi đã tạo, những phản ứng nhất thời mà tôi đã làm, tất cả chỉ vì muốn thay đổi mọi sự theo ý mình. Phải chăng đó là biểu hiệu của một lòng tham không đáy? Giờ đây tôi đã hiểu, tôi sẵn sàng hy sinh tất cả để lo cho Ryochan, tôi sẽ chờ hắn về để xin lỗi hắn, để kể cho hắn nghe những khát khao thầm kín vẫn nung nấu thâm tâm tôi. Tôi sẽ nói về quan niệm "chí tâm, thành ý" mà tôi đã học hỏi được; với một tình yêu chân thành, tôi sẽ tâm sự với hắn về những kinh nghiệm lạ lùng đã xảy ra cho tôi, và hắn sẽ hiểu, sẽ thông cảm…

Ryochan kiên nhẫn nghe tôi thổ lộ tâm sự rồi cười lớn:

- Này Satomi, em nghĩ rằng người ta có thể giải quyết được những nỗi khổ đó qua đức tin tôn giáo hay sao? Đó chỉ là một ảo tưởng! Tôn giáo chỉ là một trò bịp bợm, một thứ thuốc độc, một loại nha phiến cho những tâm hồn yếu đuối. Thời đại này mà em còn giữ những tư tưởng cổ hủ đó ư? Hãy mở mắt mà xem những tên tu sĩ lưu manh đang dọa nạt quần chúng bằng những danh từ như tội lỗi, hình phạt rồi kêu gọi đóng góp tiền bạc cho các cơ sở tôn

giáo để chuộc tội này nọ. Đó chỉ là một hình thức ăn xin; những kẻ ăn xin đó thì cứu giúp được ai? Con người không có ai xấu cả nếu họ có một đời sống vật chất đầy đủ. Họ xấu vì thiếu các điều kiện này nên mới phải làm chuyện sằng bậy. Để ta nói cho em nghe một trật tự mới trong xã hội, nhờ đó tất cả mọi người đều được sung sướng thực sự. Sở dĩ người ta thiếu thốn, đau khổ vì trong xã hội có kẻ giàu và người nghèo, có sự hơn kém thua thiệt. Nếu tất cả đều bình đẳng, đều giàu sang, đầy đủ như nhau thì đâu còn khổ đau nữa. Đó mới là giải pháp đúng đắn nhất và đó chính là chủ nghĩa xã hội. Những người theo chủ nghĩa này quyết tâm tranh đấu cho quyền lợi của quần chúng, sẵn sàng hy sinh tính mạng mình cho quyền lợi chung, đó mới là những bậc thầy đáng kính trọng. Chủ nghĩa xã hội chính là một tôn giáo mới mà mọi người đang mong đợi; những người theo chủ nghĩa này chính là những tu sĩ mới của thời đại hiện nay.

Tôi bàng hoàng trước những câu nói hùng hồn của Ryochan. Làm sao một kẻ thất học như hắn lại sử dụng được những danh từ mới mẻ, văn hoa như vậy? Hiển nhiên hắn đã học hỏi những trò này trong khi tôi vắng nhà. Ryochan đắc chí nhìn tôi nói tiếp:

- Này Satomi, em biết ta tôn trọng tự do riêng của em, nhưng ta không thể làm ngơ khi thấy em trở nên nạn nhân của những tên tu sĩ chuyên "bán nha phiến" đó được! Chúng và cái gọi là tôn giáo của chúng cần phải bị tiêu diệt càng sớm càng tốt… Từ nay ta cấm em không được bén mảng đến những nơi chốn đáng khinh bỉ đó. Nếu em không nghe lời ta thì đừng có trách…

Càng nói Ryochan càng trở nên hung dữ, cặp mắt hắn quắc lên như muốn ăn tươi nuốt sống một đối thủ vô hình nào đó. Hắn tiếp tục nói về chủ thuyết xã hội mà hiện nay hắn đang cố gắng cổ xướng trong giới nhân công nhưng tôi không còn muốn nghe nữa. Tôi tủi thân ôm mặt khóc tấm tức. Trước mắt tôi, Ryochan không còn là một cậu bé hiền lành nhút nhát ở gánh hát năm nào nữa. Hắn cũng không còn là một thanh niêm chăm chỉ đi phân phối báo cho các đại lý, mà đã trở nên một con người khác hẳn. Hiển nhiên hắn đã thay đổi nhờ những liên hệ với một tổ chức chính trị nào đó. Ryochan cho tôi biết hắn đã bỏ việc phân phối báo và trở nên ký giả một tập san thuộc nhóm xã hội. Hắn còn đảm nhận việc tổ chức các buổi học tập cho những người mới gia nhập tổ chức này.

Tôi im lặng nghe Ryochan hùng hồn diễn giảng, đáng lẽ ra tôi phải thất vọng lắm mới phải, nhưng không hiểu sao tôi lại thấy mình bình tĩnh một cách lạ thường. Tôi biết Ryochan đã thay đổi nhưng chính tôi cũng đã đổi thay, hiển

nhiên đời sống của chúng tôi không còn như xưa nữa mà bước vào một ngã rẽ mới.

Vì Ryochan đã bỏ việc phân phối báo cho các đại lý để dấn thân vào những hoạt động khác nên cuộc sống của chúng tôi trở nên túng thiếu hơn trước, phải dè xẻn lắm mới đủ ăn. Tuy nhiên tôi chỉ coi đó là một thử thách. Tôi biết mình không thể thay đổi được hoàn cảnh như ý muốn nhưng đồng thời cũng biết rằng mình có thể thay đổi được thái độ của mình đối với hoàn cảnh bên ngòai. Nếu giữa tôi và Ryochan có duyên nợ gì với nhau thì dĩ nhiên tôi phải trả cho hết, nhưng điều này không có nghĩa rằng tôi phải từ bỏ việc học đạo của mình. Ryochan không muốn cho tôi lui tới những nơi chốn có tính cách tôn giáo nhưng không thể cấm tôi tu học tại nhà. Không thể trở lại với lão sư nhưng tôi vẫn có thể thực hành những phương pháp tôi đã được học hỏi. Tôi dọn dẹp lại căn nhà, thiết lập bàn thờ chư thần (Kami), và tiếp tục tu tập phương pháp tĩnh tọa Kannagara-no-michi. Tôi thường tĩnh tọa rất lâu, có khi từ sáng đến tối, và cuối cùng phát âm những chữ a, e, i, o, u thật rõ ràng với tất cả mọi năng lực trong người. Lúc đầu việc tu tập của tôi làm nhiều người trong xóm hiếu kỳ xúm lại xem, trẻ con cũng bắt chước tôi kêu "aa, uu, oo" om sòm nhưng dần dần người ta quen đi và không làm phiền gì tôi nữa.

Ngoài việc tĩnh tọa, tôi còn nghiên cứu pho sách Kojiki của Thần Đạo, để tìm hiểu thêm những ẩn nghĩa trong đó. Tôi chú trọng vào việc phát triển định lực (Joriki) vì nó là một năng lực quan trọng, có thể giúp người ta thích ứng được với những hoàn cảnh thay đổi bên ngoài. Cuốn sách nói rõ rằng một người có định lực cao có thể hoàn toàn làm chủ được mình cũng như hoàn cảnh đời mình; bất cứ chuyện gì cũng không ảnh hưởng đến họ được. Tôi thực hành nhiều phương pháp khác nhau, từ việc nhịn ăn để kiềm chế thể xác, đến việc tẩy uế thân xác bằng nước lạnh. Vào mùa đông, dù tiết trời lạnh thế nào tôi cũng chỉ khoác trên mình một tấm áo mỏng. Khi thực hành nghi thức tẩy uế bằng nước lạnh (misogi), dù nước đã gần đóng thành băng tôi vẫn cố gắng chịu đựng, xối nước lên khắp người để tẩy uế những ô nhiễm đã bám vào thân thể tôi. Bất chấp mọi khó khăn cực nhọc, tôi kiên trì thực hành các nghi thức vì biết đường đạo là một hành trình rất gian nan, nếu không cố gắng, người ta không thể thành công.

Trước cửa nhà tôi có một mảnh sân hẹp mà trẻ con lối xóm thường tụ tập chơi đùa. Hằng ngày mỗi khi thờ cúng, thực hành các nghi thức tẩy uế (O Harae) xong, tôi thường mang lễ vật như oản xôi chia cho lũ nhỏ trong xóm. Gia đình bên cạnh nhà tôi có nuôi một con chó nhỏ tên Koro. Con chó này

cũng hay chầu chực trước nhà tôi để xin ăn. Ít lâu sau gia đình đó dọn đi nơi khác, bỏ con Koro lại. Con chó trung thành cứ chầu chực trước nhà chủ cũ, kêu lên những tiếng ảo não bi thương. Khi đói nó chạy qua bên nhà tôi để được cho ăn, nhưng ăn xong nó lại bỏ về trước cửa căn nhà cũ nằm rên rỉ. Một hôm không thấy nó đến như thường lệ, tôi kêu gọi mãi và hỏi lũ nhỏ trong xóm nhưng không ai biết con chó đã bỏ đi đâu. Vài hôm sau tôi đang tĩnh tọa thì nghe tiếng động và thấy con Koro ở đâu chạy vào ngoắc đuôi mừng rỡ. Tôi đưa tay bồng con chó vào lòng vuốt ve thì thấy trên cổ nó có một vết dao đâm rất sâu, chạy dài xuống bụng, dường như nó đã bị ai lột da, mổ thịt. Tôi thất thanh kêu lên: "Koro đã chết" và đột nhiên tỉnh lại. Thì ra trong lúc nhập định tôi đã nhìn thấy con Koro, có lẽ đã bị người ta bắt giết làm thịt. Vào lúc đó những con chó vô chủ, lang thang ngòai đường, bị bắt giết thịt không phải là một điều lạ. Hiển nhiên con Koro không ra ngoài số phận đó nhưng có lẽ nó nhớ đến ơn tôi nuôi nấng nên tìm đến báo tin. Tôi xúc động khóc lóc mất mấy ngày rồi mua hương hoa phẩm vật, tụng kinh siêu độ cho nó. Tôi tập trung định lực chân thành cầu nguyện và khi hoàn tất nghi thức cầu siêu, tự nhiên tôi có cảm tưởng rằng con Koro đã thoát kiếp chó. Đây là một sự kiện lạ lùng, không hiểu sao tôi lại "cảm biết" được như thế. Dường như có một cái gì đã cho tôi biết mà tôi không thể giải thích nhưng tôi biết đó không phải là sự tưởng tượng hay tự kỷ ám thị, mà là một "cái biết" đến rất tự nhiên.

Khoảng một tuần lễ sau, tôi đang tĩnh tọa thì thấy một người đàn ông lạ mặt ở đâu bước vào. Tôi biết cửa nhà đã khóa kỹ, người lạ không thể vào được trừ khi đó là kẻ gian. Lúc đó chúng tôi nghèo túng lắm, trong nhà chẳng có gì quí giá cả nên thay vì hốt hoảng, tôi tập trng định lực để đối phó. Có lẽ khả năng tập trung của tôi đã khá cao nên chỉ trong thoáng giây, tâm hồn tôi đã hết sức bình tỉnh. Tôi biết mình không ngủ mê hay gặp ảo giác mà thấy rõ đó là một người đàn ông trung niên, mặt mày sáng sủa, mặc kimono hiệu O-shima rất đắt tiền. Ông này đứng yên trước mặt tôi một lúc rồi lên tiếng:

- Thưa bà, tôi là cha của Tamataro. Khi còn sống, tôi làm nghề cho vay nặng lãi. Cái nghiệp xấu này ám ảnh tâm thức tôi rất nhiều nên khi qua đời, tôi phải sống trong một cảnh giới tối tăm, nặng trọc. Lúc nào tôi cũng có cảm giác như đang ở trong một vũng bùn nhầy nhụa, muốn ngoi lên nhưng không sao ngoi lên được, càng cử động thì càng bị lún sâu xuống. Thưa bà, khi còn sống tôi chẳng làm điều gì quá xấu nhưng cũng chẳng làm điều gì tốt đẹp nên sau khi chết, thần thức cứ vật vờ trôi nổi trong cảnh giới bùn lầy nước đọng này mãi. May thay nhà tôi là người hiền lương, thường tụng kinh niệm Phật, hồi hướng công đức cho tôi. Hàng ngày tôi nghe được lời kinh của nhà

tôi cầu nguyện nên bắt chước đọc theo, nhờ đó tôi hiểu được luật nhân quả và quyết tâm sám hối. Đến nay nghiệp xấu đã trả hết, tôi vừa thoát khỏi cái thế giới đen tối nhầy nhụa đó nên đến đây để nhờ bà chuyển lời cho nhà tôi rằng tôi sắp được siêu thoát lên cõi sáng. Chính nhờ công đức hồi hướng cao cả vô biên của nhà tôi mà tôi được thoát khổ. Tôi muốn nhắn nhà tôi rằng những món nợ người ta vay từ trước xin hãy bỏ qua, đừng tốn công đòi rồi gây phiền muộn cho người khác nữa. Tôi đã không công bình trong việc cho vay nặng lãi, tôi rất hối hận, xin hãy giúp cho tôi được yên tâm để siêu thoát.

Tamataro là một trong những đứa nhỏ hay chơi đùa trước cửa nhà tôi. Cha nó đã qua đời từ nhiều năm nay, mẹ nó ở vậy nuôi con. Bà làm nghề may, chuyên lãnh hàng từ các tiệm buôn về nhà để may cắt. Mặc dù bận rộn như thế nhưng hàng ngày bà vẫn khuya sớm tụng kinh rất chân thành. Khi nghe tôi kể lại câu chuyện, bà gật đầu chùi nước mắt:

- Quả đúng là chồng tôi rồi. Chồng tôi luôn luôn mặc áo kimono hiệu O-shima như vậy. Chồng tôi làm thương mại nên có tiền cho vay lấy lãi. Sau khi ông qua đời, tôi tìm được một rương chứa toàn giấy nợ chưa thanh toán. Xem xét kỹ, tôi thấy ông đã đòi một mức lời quá cao, thật không công bằng chút nào, do đó tuy còn giữ giấy nợ nhưng tôi vẫn ngần ngại không biết phải làm gì. Tôi là đàn bà chân yếu tay mềm, đâu biết đòi nợ ra sao. Chắc hẳn khi qua đời chồng tôi cũng lo lắng, bận tâm về việc này lắm nên mới không siêu thoát được như vậy, Nay nhờ bà cho biết thì tôi mang thùng giấy nợ đi đốt, để chồng tôi không còn phải bận tâm gì nữa.

Tôi ngạc nhiên về kinh nghiệm lạ lùng nay nên viết thư báo cho lão sư. Trước khi nhận được giấy hồi âm thì một sự kiện lạ lùng nữa đã xảy ra. Một hôm tôi có linh tính rằng ngoài tôi và Ryochan, hình như trong nhà còn có sự hiện diện của một người thứ ba nào đó nữa. Vài hôm sau, đang tĩnh tọa, cái cảm giác đó lại nổi lên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Tôi bèn tập trung định lực để quan sát thì thấy có một người đàn bà, vóc dáng gầy gò yếu ớt đang quanh quẩn trong nhà. Tuy tuổi không cao nhưng mặt bà đầy những vết nhăn, có lẽ vì quá ưu tư lo lắng. Bà nhìn tôi, miệng cứ mấp máy nửa như muốn nói, nửa lại sợ sệt không nói ra. Bà cứ quanh quẩn bên tôi nhưng mỗi khi tôi đến trước bàn thờ làm lễ thì bà lại biến mất. Dĩ nhiên tôi biết đó là một hồn ma nhưng tôi thấy nó không gây trở ngại gì cho nên tôi không quan tâm. Hôm sau trong lúc tĩnh tọa, tự nhiên tôi biết hồn ma đó không phải ai xa lạ mà chính là mẹ của Ryochan. Một lần nữa, cái cảm giác "biết" này làm tôi bối rối. Để kiểm chứng cái năng khiếu ấy, chiều hôm đó tôi hỏi Ryochan:

- Này Ryochan, khi còn sống mẹ anh là người thế nào? Sao không mấy khi anh nói gì về mẹ anh hết?

- Gia đình ta có bốn anh em, khi mẹ ta qua đời thì ta mới lên ba tuổi và đứa em nhỏ nhất mới được sáu tháng. Ta không biết gì nhiều về mẹ ta mà chỉ biết tên bà là Shigeko. Bà chết vì bị bệnh lao, năm đó bà mới ngoài hai mươi sáu tuổi...

Tôi suýt kêu lên: “Quả đúng là mẹ của Ryochan rồi”. Một người mẹ qua đời khi con cái còn thơ dại như thế thì làm sao có thể siêu thóat được! Chắc chắn bà đã lo lắng cho con cái nhiều lắm nên trông bà mới bơ phờ như vậy.

Qua hôm sau, tôi nhận được thư hồi âm của lão sư. Trong thư ông viết vắn tắt:” Con hãy trở về đây ngay, ta chấp nhận cho con được phép tiếp tục học đạo với ta”. Thật khó có thể diễn tả được nỗi vui mừng của tôi. Những điều mong cầu ao ước đã trở thành sự thật. Khi trước lão sư không nhận tôi vì tôi không được phép của gia đình, nhưng hiện nay mọi việc đã đổi khác, ông sẵn sàng thâu nhận tôi vô điều kiện. Tôi sung sướng nhủ thầm: Lần này mọi việc sẽ tốt đẹp. Buổi chiều tôi ngồi tĩnh tọa rất lâu nhưng khi vừa xuất định tôi đã thấy người đàn bà đó đứng trước mặt tôi, vẻ mặt đầy căng thẳng, lo lắng. Có lẽ bà đã biết tôi quyết định rời bỏ Ryochan để lên đường học đạo. Tôi bèn lên tiếng an ủi: “Mẹ Shigeko, xin mẹ đừng quá lo lắng như vậy. Con đã quyết lên đường học đạo nhưng con hứa khi học xong sẽ trở lại săn sóc cho Ryochan. Mẹ cứ yên tâm, hiện nay Ryochan đã lớn khôn, đã trưởng thành, tự lo lấy mọi việc được rồi, mẹ không phải quá lo lắng cho anh ấy nữa. Bây giờ mẹ hãy quay về lo cho chính mình thì hơn”. Tôi nói một cách hết sức chân thành vì dĩ nhiên người ta không thể nói dối một hồn ma được, ở cõi bên kia người ta đọc rõ tư tưởng của nhau như mở một cuốn sách. Sau khi tôi nói xong, tự nhiên hồn ma biến mất, từ đó tôi không hề gặp lại bà nữa.

Ít lâu sau, tôi lên đường trở lại Shikoku để học đạo với lão sư. Lần này tôi ra đi với một tâm trạng thoải mái, không vội vã hay luyến tiếc như lần trước. Trên xe lửa tôi có nghĩ đến Ryochan. Việc từ bỏ một đúa bé như Ryochan, lúc nào tôi cũng chỉ coi Ryochan như một đứa bé, khiến tôi tự hỏi về mối quan hệ giữa mình và hắn. Bất ngờ thay, trước mặt tôi bỗng hiện lên một hình ảnh rõ rệt như một cuốn phim được chiếu trên tường. Đó là một vùng đất hoang vu, cây cối mọc chằng chịt, trông như một khu rừng miền nhiệt đới. Tôi thấy một thanh niên, thân thể vạm vỡ, mặc quần áo may bằng da thú, đang khuân một cái chum lớn bằng đất nung vào một hang đá. Trong

hang có một người đàn bà cũng mặc quần áo may bằng da thú, đang chăm chú nhìn người đàn ông đó. Người đàn bà đó chính là tôi, và người đàn ông kia chính là Ryochan. Thì ra chúng tôi đã là hai chị em trong tiền kiếp. Tự nhiên tôi "biết" được sự liên hệ giữa hai chúng tôi như thế nào. Hình ảnh này hiện ra thật rõ ràng, trong lúc tâm hồn tôi đang tĩnh lặng, bình yên. Tôi thản nhiên uống tiếp ly trà nóng trên tay, nghe tiếng gió rì rào ngoài cửa sổ và "biết" rằng sự ràng buộc giữa tôi và Ryochan đã chấm dứt. Quả thật tôi đã phát triển được một khả năng đặc biệt khác thường. Dĩ nhiên cái khả năng này chỉ là kết quả của nhiều năm tu tập về định lực (Joriki) nhưng lúc đó tôi không phân biệt được rằng cái khả năng thần thông này và sự giải thoát là hai việc hoàn toàn khác hẳn nhau.

---o0o---

Chương 4

Khi tôi trở lại Shikoku thì lão sư đã dọn vào một căn nhà to tát đẹp đẽ hơn căn nhà trước, sau nhà có vườn hoa, ao thả cá kiểng và một hòn non bộ khá lớn. Lão sư không quan tâm gì nhiều về việc thay đổi này, ông vẫn ung dung như thường lệ; nhưng vợ ông thì hãnh diện về căn nhà này lắm. Cũng phải nói thêm rằng vợ lão sư là một người đàn bà kiêu căng hợm hĩnh, hay khinh rẻ mọi người. Bà xuất thân trong một gia đình danh giá nhưng khi bà trưởng thành thì gia đình đã sa sút nhiều, chỉ còn dư âm tiếng tăm mà thôi. Tuy nhiên bà vẫn tự phụ về truyền thống thế gia vọng tộc này và luôn luôn coi thường những người xuất thân hèn kém hơn. Bà đối xử với lão sư một cách tệ bạc, thỉnh thoảng lại so sánh ông với những người khác địa vị cao hay giàu có hơn. Đối với học trò của lão sư, bà có thái độ lạnh nhạt thờ ơ, ít khi nói chuyện với ai. Một số học trò thường gọi lén bà là "bà Socrates" vì ngày xưa hiền triết Socrates cũng có một bà vợ rất hung dữ, nổi tiếng trong lịch sử Hy Lạp. Người ta nói rằng những bậc hiền triết thường không mấy khi gặp được những người vợ tương đắc, hễ ông thiên về tinh thần thì gặp bà vợ chỉ biết đến vật chất. Cũng có người cho rằng chính nhờ những bà vợ hung dữ như vậy mà người chồng mới thành công trong nghệ thuật hàm dưỡng, tự chủ và trở nên một bậc hiền triết. Khi xưa tôi nghĩ quan niệm đầu có lẽ đúng nhưng về sau, hiểu biết hơn, tôi thấy giả thuyết sau có lý hơn. Tôi xin kể vì lý do nào mà tôi lại thay đổi quan niệm như vậy.

Lúc trước đến học đạo với lão sư, tôi chỉ là một trong mấy chục học trò chuyên tĩnh tọa và học các nghi thức của Thần Đạo. Vì bận rộn học hỏi nên ít khi chúng tôi có dịp tiếp xúc với bà vợ của lão sư. Thỉnh thoảng nếu có

những va chạm nhỏ thì đám học trò chúng tôi cũng rán chịu đựng rồi xầm xì với nhau về sự khó tính của bà mà thôi. Tuy nhiên lần trở lại Shikoku này sự việc xảy ra khác hẳn. Khi gặp lại lão sư, tôi nghĩ ông sẽ phải hài lòng về công phu tu tập đầy tiến bộ của tôi trong mấy năm qua nhưng trái lại, ông tỏ ra thờ ơ, chẳng hỏi han gì đến chuyện đó hết. Ông chỉ vắn tắt cho biết hiện nay ông đang cần một người giúp việc trong nhà và muốn tôi làm việc đó.

Ông nghiêm nghị:

- Hiện nay ta rất bận, chưa thể dạy riêng cho con được, nhưng ta muốn con phụ giúp vợ ta lo việc trong nhà. Con phải tuyệt đối vâng lời vợ ta, như thế ta mới vui lòng.

Thật không thể tưởng tượng được sự thất vọng của tôi lúc đó. Tôi lên đường trở lại Shikoku với hy vọng rằng mình sẽ được học riêng với lão sư. Tôi thầm ao ước rằng với công phu tu tập và quyền năng đặc biệt này, nếu tôi chẳng trở nên một trưởng môn đại đệ tử thì ít ra cũng được đãi ngộ xứng đáng. Chẳng bao giờ tôi lại nghĩ rằng mình biến thành một đứa ở lo quét dọn, cơm nước, hầu hạ mọi người trong nhà. Bà vợ lão sư sung sướng ra mặt khi tự nhiên có một đứa đầy tớ như tôi. Bà lập tức lên giọng sai bảo ngay để chứng tỏ quyền hành của bà:

- Satomi, đi mua cho ta hai miếng đậu phụ chiên.

- Thưa bà vâng.

- Khoan đã, ta không thích đậu phụ chiên. Ngươi mua cho ta hai miếng đậu phụ tươi vậy.

- Thưa vâng.

- Khoan đã, lúc này trời lạnh ăn đậu phụ tươi không được ngon, ngươi mua cho ta hai miếng đậu phụ nấu với nấm đông cô.

Khi trở về với bát đậu phụ nấu nấm thì bà lại đổi ý:

- Bây giờ ta không thích ăn đậu phụ nấu như vậy nữa, mi chạy ra chợ đổi lấy hai miếng đậu phụ chiên.

Suốt ngày bà sai tôi làm những việc vớ vẩn như vậy. Đã thế bà luôn luôn đổi ý, lúc thế này khi thế khác. Hễ trái ý thì bà quát tháo om sòm:

- Này Satomi, ngươi có điếc không đấy? Ta nói rõ như thế mà sao mi không hiểu?

Hoặc có khi bà lên giọng kẻ cả:

- Thật tội nghiệp, nghe nói mi xuất thân từ Hokkaido phải không? Thảo nào mi đần độn quá mất thôi. Những đứa quê mùa thất học như mi làm sao có thể khá được!

Là người bướng bỉnh, ít khi tôi chịu nhường ai nhưng không hiểu sao lần này tôi lại chịu đựng được những cơn thịnh nộ tai ác của bà vợ lão sư. Tôi nghĩ nếu lão sư căn dặn tôi phải tuyệt đối vâng lệnh thì mình phải tuân lời, chắc hẳn ông phải có chủ ý gì, biết đâu ông chẳng thử thách công phu tu tập của tôi? Tôi nghĩ nếu như vậy thời gian thử thách này chỉ kéo dài khoảng vài tuần lễ hay một tháng là nhiều nhưng tôi đã lầm: nó tiếp tục từ tháng này qua tháng khác và từ năm này qua năm khác. Lúc đầu tôi nghĩ đó là thử thách nên cắn răng chịu đựng; về sau quen đi nên tôi có thể cười thầm trước những hành động vô lý của bà nhưng theo thời gian, tôi dần dần thấy mình trở nên một người thụ động, ngu si, đần độn không phản ứng trước những lời chửi mắng vô lý đó.

- Này Satomi, con đần độn kia mau vào chùi cầu tiêu cho ta.

- Thưa bà vâng.

- Cái con ngu si kia, tại sao mi có thể để nhà bếp bẩn thỉu như vậy được. Mau lấy khăn chùi cho thật kỹ, ta không muốn thấy một hạt bụi nào dưới sàn nghe chưa?

- Thưa bà vâng.

Thời gian trôi nhanh, thoáng một cái, tôi đã trở thành đầy tớ cho gia đình lão sư được hơn bốn năm. Một hôm gia đình lão sư có khách đến thăm, tôi được lệnh luộc một nồi khoai mang lên. Trong lúc mọi người đang ăn uống ngon lành, tôi khoanh tay đứng hầu bên cạnh thì bà vợ lão sư, có lẽ vì thương hại tôi đói, lấy một miếng khoai luộc nhét luôn vào miệng cho tôi ăn. Tôi lung túng vì miếng khoai nóng, nửa muốn nhả ra nửa muốn nuốt vào nhưng không làm sao nuốt nổi. Tôi bối rối nhìn mọi người và có cảm tưởng mình là một con chó, được chủ thí cho miếng xương thừa. Tự nhiên cơn giận ở đâu bốc lên, tôi phải cố gắng lắm mới giữ được bình tĩnh, lủi thủi bỏ xuống nhà bếp. Chưa bao giờ tôi thấy chua xót, tủi nhục như lúc đó. Tôi cố gắng tập

trung tư tưởng nhưng nước mắt cứ trào ra. Tôi tự nhủ: “Mày thật yếu đuối, mới có một chút như vậy mà đã không giữ được bình tĩnh, công phu tu tập của mày bỏ đi đâu? Bao năm khổ hạnh luyện tập định lực mà sao chỉ một đụng chạm nhỏ nhặt như vậy đã nổi cơn bất bình”. Làm sao tôi có thể sửa đổi được những tư tưởng oán giận này? Sau một lúc suy nghĩ, tôi lấy ra một tờ giấy trắng và bắt đầu đánh dấu vào đó mỗi khi tôi thấy mình không tự chủ được. Vài tháng sau, coi lại tờ giấy, tôi thấy nó dầy đặc những vết gạch ngang dọc, tôi biết tuy mình có thể thi hành mọi mệnh lệnh một cách nghiêm chỉnh nhưng bên trong tôi vẫn khó chịu, bất mãn. Tóm lại, tôi vẫn chưa thay đổi gì nhiều. Khả năng tự chủ của tôi chưa tiến bộ được bao nhiêu. Đau khổ cùng cực, tôi liền đổi phương pháp. Tôi tìm mua bức tranh Mona Lisa, vẽ một người đàn bà đang mỉm cười, treo trên đầu giường và tự nhủ trong bất kỳ hoàn cảnh nào, ta cũng nên mỉm cười, bất chấp tất cả. Mỗi khi bà vợ lão sư quát mắng, tôi định tâm, hít một hơi thật dài rồi mỉm cười. Phương pháp này giúp tôi lạc quan hơn, bình tĩnh hơn và tự chủ hơn. Từ đó bất kỳ chuyện gì xảy ra, tôi cũng cố gắng kiểm soát hơi thở rồi mỉm cười. Mỗi khi trong lòng tôi nổi lên một niệm khởi gì, tôi tập trung tư tưởng, nghĩ đến nụ cười bất diệt của nàng Mona Lisa.

Khi đặt bút viết những giòng này thì tôi đã là một lão ni ngoài sáu mươi tuổi. Hơn ba mươi năm đã trôi qua, bao nhiêu nước đã chảy qua cầu, bao tang thương biến đổi nhưng lúc nào tôi cũng cảm ơn bà vợ lão sư đã dạy cho tôi một bài học quí giá về sự tự chủ. Chính cái kỷ luật khắc nghiệt của bà đã hun đúc cho tôi một tinh thần điềm đạm khiến tôi trở nên một con người khác hẳn khi trước. Khi trở lại với lão sư, tôi đang tự hào về định lực của mình; tôi tưởng mình đã là một cái gì ghê gớm lắm. Nhờ sự đối xử khắc nghiệt của bà vợ lão sư mà khi rời Shikoku, tôi đã trở nên một người khiêm tốn hơn, hiểu biết hơn. Mỗi lần nghĩ đến bà, tôi tin rằng chính bà mới là người giúp lão sư trở nên một vị thầy giỏi. Biết đâu công phu tu tập để thản nhiên, điềm đạm của lão sư chẳng nhờ bà vợ một phần nào?

Trước khi đi xa hơn, tôi xin nói qua về công phu tu tập của tôi. Kể từ khi tấm lòng chân thành của cha tôi cảm hóa được tôi thì tôi ý thức rất rõ về cái tính nết ích kỷ, xấu xa, kiêu ngạo của mình. Tôi cương quyết thay đổi, loại trừ những mầm mống tội lỗi này vì nó là những ô nhiễm đã ngăn cản tôi tìm hiểu chính mình. Qua sách vở thu thập được, tôi tin rằng người ta chỉ có thể tẩy uế những ô nhiễm này qua những phương pháp khổ hạnh, hành xác. Lúc bắt đầu thực hành, các tư tưởng xấu xa, ích kỷ không thể phát triển được vì tôi cố gắng kiểm soát thân và tâm kịch liệt. Tuy nhiên khi vừa ngưng tập luyện thì các thói xấu này trở lại ngay. Cuộc sống lúc đầu với Ryochan đã

phản ảnh điều này một cách rõ rệt. Càng thực hành, tư tưởng ích kỷ, xấu xa càng bị dồn nén nên khi có dịp phát động, chúng trở nên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Lúc đầu tôi nghĩ công phu tu tập của tôi chưa đủ nên tôi áp dụng thêm các phương pháp tẩy uế bằng nước lạnh (Misogi). Giữa mùa đông lạnh giá, tôi lấy nước mưa chứa trong các thùng lớn ngòai sân để tắm gội. Dĩ nhiên nước gần đóng thành băng rất lạnh nhưng tôi vẫn cương quyết xối lên khắp người. Tôi thầm mong nước lạnh làm cho đầu óc tôi trở nên tê cứng, khiến tôi rơi vào một trạng thái mê hoặc xuất thần (trance), các ý tưởng xấu xa ích kỷ kia cũng theo đó mà bị tiêu diệt. Tôi thực hành suốt mấy năm nhưng chẳng thấy mình rơi vào trạng thái mê hoặc xuất thần nào hết. Sau khi tắm rửa bằng nước lạnh, tôi xếp bằng trước sân nhà để tĩnh tọa, bất chấp thời tiết lạnh đến đâu. Việc áp dụng phương pháp này đã khiến cho tai, mũi, miệng của tôi bị trào máu. Hậu quả là tôi phải nằm liệt giường liệt chiếu mất mấy tháng. Tôi tưởng mình có thể chết và những ô nhiễm cũng tiêu theo nhưng rồi tôi lại hồi phục. Khi sức khỏe trở lại, tôi thấy lòng mình vẫn không thay đổi bao nhiêu. Qua năm sau, tôi lại tiếp tục thực tập như vậy một cách mãnh liệt hơn. Tôi tắm nước lạnh mỗi ngày hai lần và tĩnh tọa ngoài trời từ sáng đến tối. Hậu quả là tôi lại nằm liệt giường thêm mấy tháng nữa nhưng càng ngày khả năng tập trung định lực của tôi càng mạnh mẽ hơn trước.

Chính nhờ tu tập chuyên về định lực (Joriki) này mà tôi vô tình phát triển được năng khiếu tiếp xúc với vong linh thuộc thế giới siêu hình. Để có thể thường xuyên giao thiệp với cõi này, người ta cần phải diệt bỏ cái ý thức về bản ngã; nghĩa là phải biết quên mình, không ý thức gì về mình nữa, thụ động hoàn toàn để cho một quyền năng nào đó sai khiến. Đó cũng là lý do tôi được yêu cầu trở nên một người đầy tớ, chịu mắng chửi suốt ngày để dẹp bỏ lòng tự ái, bản ngã cá nhân, chịu sự sai sử tuyệt đối của người khác. Đây là phương pháp huấn luyện những người có tính thụ cảm để trở nên một cô đồng (Miko) của Thần Đạo. Dĩ nhiên tôi không biết gì về việc này mà vẫn nghĩ mình trở lại Shikoku để tiếp tục học đạo với lão sư. Tôi tin rằng mình đang đi trên một con đường chân chính, tu tập để trở nên một người sống thật với lẽ đạo, sống một cách chính tâm thành ý, thành thật với mình và với mọi người. Tôi không ý thức gì về con đường mình đang theo đuổi. Tôi nghĩ mình đã tìm được một vị thầy rất giỏi, nếu triệt để tuân theo lời chỉ dẫn của thầy thì chắc chắn sẽ đến đích. Tôi chưa biết phân tích, suy gẫm, tìm hiểu xem điều mình đang thực hành có dẫn mình đến mục đích chân chính hay không. Tôi cũng không tìm hiểu gì thêm về lão sư xem ông muốn gì mà chỉ tuyệt đối làm theo sự yêu cầu của ông. Tôi tin rằng sự trung thành với một vị

thầy là điều cần thiết mà không hề nghĩ rằng chính ông cũng đang lần mò đi tìm như tôi, và cũng không biết con đường đó sẽ đưa ông đến đâu.

Cũng phải nói thêm rằng tuy theo Thần Đạo nhưng lão sư không phải là người chuyên đào tạo các cô đồng (Miko) mà chỉ là một học giả thích tìm tòi nghiên cứu mà thôi. Ông đã từng học thiền với Hòa thượng Nantembo tại Kyoto, học Thánh Kinh với các nhà truyền giáo Tây phương, tập võ nghệ với các võ sư người Trung Hoa. Ông rút tỉa các tinh hoa thâu tập được và tổng hợp thành một đường lối riêng của mình. Ông không ưa phương pháp tẩy uế ô nhiễm, thanh lọc bản thân của Thần đạo vì cho rằng nó quá bạo động và phũ phàng. Ông chủ trương chỉ cần tĩnh tọa, đặt trọng tâm vào hơi thở, người ta có thể tẩy sạch được các ô nhiễm. Ông nói:" Khi tĩnh tọa một cách chính tâm thành ý, người ta có thể giao cảm được với chư thần (Kami) và khi mình và chư thần không còn là hai thực thể cách biệt nữa, chỉ cần một hơi thở nhẹ cũng có thể quét sạch được mọi ô nhiễm rồi". Việc hợp nhất với chư thần là mục đích tối hậu của Thần đạo, do đó việc giao cảm với chư thần qua một cô đồng (Miko) cũng là một cuộc thí nghiệm, để ông có dịp tìm hiểu thêm về con đường mà ông đang theo đuổi.

Về phần tôi chi có một mục đích duy nhất là tìm ra con đường có thể giúp tôi thay đổi những thói hư tật xấu, những kiêu căng ngã mạn, vẫn tiềm ẩn trong tâm thức của tôi. Tôi tin rằng với quyền năng sẵn có, nếu được lão sư chỉ dạy thêm ít lâu, tôi có thể đạt được mục đích này. Điều bất ngờ là không những lão sư chẳng chỉ dậy gì riêng cho tôi mà lại chỉ định tôi thành một đầy tớ, phục vụ cho bà vợ của ông. Vào lúc đó lão sư vẫn tiếp tục thu nhận học trò, vẫn có những buổi thực tập hay tĩnh tọa hay giảng giải học thuyết Thần đạo nhưng tôi không được phép tham dự. Tại sao lão sư không dạy thêm cho tôi? Tại sao ông lại đối xử với tôi như vậy? Tại sao ông lại viết thư gọi tôi trở lại rồi không dạy dỗ gì hết? Lúc đầu tôi nghĩ rằng ông muốn thử thách tôi một thời gian nhưng càng ngày tôi càng thất vọng và nghĩ có lẽ ông đã quên tôi hoặc nhận thấy tôi không có khả năng đi xa hơn nên chỉ coi tôi như một người đầy tớ.

Lão sư thường cấp chứng chỉ cho học trò khi họ đạt được trình độ nào đó. Cho đến nay, tôi vẫn không biết những chứng chỉ đó dựa trên căn bản nào nhưng lúc đó, tôi tin lão sư đã có những công thức bí mật mà ông chỉ dạy riêng cho từng người. Dĩ nhiên những học trò được cấp chứng chỉ không bao giờ nói về những điều mà họ đã được truyền dạy. Hàng ngày nhìn những người đến tu học với ông một thời gian rồi được cấp phát chứng chỉ, tôi thèm khát vô cùng và thầm ao ước cũng có được một chứng chỉ như vậy.

Morisan là một thiếu nữ trong số học trò của lão sư. Tuy mới theo học mấy năm mà cô đã được cấp chứng chỉ trình độ trung cấp. Cô thường dắt bạn bè đến đàm đạo với lão sư và luôn luôn được mời uống trà với ông ở vườn sau. Một hôm cô và một người bạn trẻ đến thăm lão sư gặp lúc ông đi vắng, tôi bèn mời họ ra vườn sau ngồi chờ. Đây là cơ hội ngàn năm một thuở để tôi tiếp xúc với những học trò đã được cấp chứng chỉ mà không có mặt lão sư tại đó, biết đâu họ chẳng thương tình tiết lộ cho tôi một vài điều gì chăng. Tôi dọn một mâm cơm thịnh soạn, khoanh tay đứng hầu, hy vọng có thể nghe lén được vài điều. Tôi chăm chú theo dõi từng cử chỉ của Morisan và thầm nghĩ:" Tại sao một người còn trẻ thế kia mà đã được vào trình độ trung cấp, chắc chắn cô ta phải sở hữu một kiến thức đặc biệt nào đó". Sau cùng lòng khao khát mãnh liệt thúc đẩy tôi buột miệng:

- Này chị Morisan, chân lý tối hậu là gì?

Người bạn của Morisan đang ăn bỗng quay qua nhìn tôi rồi nói:

- Là khi ăn biết mình ăn, khi uống biết mình uống. Chỉ có thế thôi!

Tuy nói thế nhưng anh ta vẫn nhồm nhoàm nhai thức ăn một cách thô bỉ, anh gắp lấy gắp để những thức ăn trên bàn như sợ ai giành mất. Ăn xong anh còn bưng cả bát canh húp một hơi dài khiến tôi thắc mắc không biết điều anh nói và việc anh làm có ăn nhập gì với nhau không. Morisan không trả lời, chỉ giữ thái độ im lặng trong suốt bữa ăn, Tôi khó chịu lắm vì nghĩ cô này không muốn chia sẻ gì với tôi, tự nhiên tôi nổi giận và nhủ thầm: "Nếu chúng mày không muốn chia sẻ với ta thì ta sẽ tìm cách khác".

Vài hôm sau tôi vào gặp lão sư:

- Thưa thầy quả là một phép lạ. Thầy biết pho tượng Địa Tạng bằng gỗ đàn hương dựng ở cửa nghĩa địa không? Pho tượng này linh lắm, có lúc nó nhẹ như bông, có lúc nó lại nặng như tảng đá ngàn cân. Chính con đã đến đó xem, một chú tiểu nhỏ có thể khuân pho tượng đó lên để lau chùi một cách dễ dàng, nhưng một gã phu xe khỏe mạnh lại không sao nhấc nó lên nổi.

Tôi nghĩ lão sư phải sốt sắng tìm hiểu về việc này, biết đâu ông lại chẳng buột miệng giải thích và nhờ đó, tôi tìm được cái chìa khóa bí mật mà ông vẫn cất giữ, chưa chịu truyền dạy. Tuy nhiên lão sư vẫn tỏ ra bình thản:

- Thế ư? Kể cũng lạ đấy nhưng việc đó chẳng có gì quan trọng.

Khi đó không hiểu sao tôi bạo miệng tự giải thích:

- Phải chăng nặng hay nhẹ cũng chỉ là một quan niệm của tâm thức nhị nguyên trái với nguyên lý "Vạn vật đồng nhất thể" và " Nhất bản tán vạn thù"?

Lão sư thản nhiên trả lời bằng một câu vô thưởng vô phạt:

- Ừ.

- Thế nhưng tại sao..?

- Đừng thắc mắc nhiều. Cái đó chẳng có gì đáng quan tâm hết.

Tôi thất vọng lắm nhưng không biết làm sao hơn nên đành tự an ủi rằng có lẽ thời cơ chưa đến, một ngày nào đó đủ duyên ông sẽ chỉ dạy cho tôi.

Thời gian tiếp tục trôi nhưng tôi vẫn không được ông chỉ dạy thêm một điều gì hết. Tôi bèn đổi chiến thuật, ngày ngày cố ý đi ngang qua phòng lão sư, làm một cử chỉ gì đó khiến ông phải chú ý đến nhưng lão sư vẫn ung dung, điềm đạm, dường như ngọai cảnh không ảnh hưởng gì đến ông được. Tôi nghĩ thầm có lý nào mình hầu hạ gia đình ông suốt bao nhiêu năm, chịu đựng trăm điều khổ cực mà chẳng được đối xử tử tế chi hết. Sự thất vọng dần dần chuyển qua tuyệt vọng. Một hôm không thể chịu đựng được nữa, tôi đã vào quì trước mặt lão sư, cương quyết:

- Thưa thầy, con là một đứa ngu độn không có một khả năng gì hết… Phải chăng một cục đất sét không bao giờ có thể trở nên vàng ròng được?

Lão sư thản nhiên trả lời:

- Đúng vậy! Làm sao một cục đất sét có thể trở thành vàng ròng được, nhưng nếu biết nhào nặn cẩn thận, một cục đất sét vẫn có thể trở nên một vật hữu dụng.

Tôi đau khổ khóc òa lên:

- Thưa thầy, một cục đất thì hữu dụng cái nỗi gì!

- Không đâu, khi một vật vô dụng trở nên hữu dụng, nó sẽ là một bảo vật quí giá của thế gian.

Lúc đó vì quá thất vọng nên tôi không hiểu được ý nghĩa lời khuyên của lão sư. Tôi lẩm bẩm: "Phải rồi, đất là đất, vàng là vàng, ta chỉ là một cục đất tầm thường vô dụng, dù có cố gắng đến đâu ta cũng không thể trở nên vàng ròng được. Lão sư đã xác nhận như vậy thì cố gắng cách mấy ta cũng không thay đổi được gì. Phải chăng ta đã lầm khi có ý đi tìm một con đường lý tưởng? Phải chăng chân lý chỉ là một ảo vọng, một trò chơi của những kẻ viển vông?"

Sau buổi tiếp xúc đó, sự kính trọng của tôi đối với lão sư đã giảm hẳn đi. Từ địa vị một vị thầy khả kính, lão sư đã biến thành một kẻ lợi dụng, một tên đạo đức giả, một người tồi tệ đáng khinh. Đúng vào lúc đó, tôi nhận được thư nhà gửi từ Hokkaido qua. Trong thư mẹ tôi cho biết, cha tôi đang lâm trọng bệnh sắp chết, căn nhà của chúng tôi bị hỏa hoạn cháy rụi, và đứa con gái của tôi đang chuẩn bị để lập gia đình. Mẹ tôi khẩn khoản gọi tôi trở về lo việc nhà, bà còn kèm theo một món tiền nhỏ làm lộ phí nữa. Tôi run rẩy đặt lá thư xuống bàn, nước mắt ràn rụa. Thì ra tôi đã xa nhà hơn mười sáu năm. Mười sáu năm dài đăng đẳng, mười sáu năm lang thang khắp các nẻo đường mà chẳng học hỏi được gì nên người hết. Tôi đã phụ lòng cha mẹ, chẳng làm gì cho ông bà có thể hãnh diện, và nay đến lúc cha tôi gần đất xa trời, tôi vẫn chưa báo đáp được công ơn dưỡng dục của ông trong muôn một. Liệu tôi còn mặt mũi nào trở về gặp mẹ cha? Làm sao tôi có can đảm gặp lại đứa con mà tôi chẳng hề săn sóc? Không những là một đứa con bất hiếu, tôi còn là một người mẹ thiếu bổn phận nữa. Làm sao một người tồi tệ như tôi dám trở về làng xưa? Dĩ nhiên tôi không có can đảm trở về nhưng trong hoàn cảnh khốn cùng hiện nay, tôi cũng không thể tiếp tục sống ở đây, chờ đợi lão sữ dạy dỗ thêm gì nữa. Sau nhiều đêm mất ngủ, tôi quyết định từ bỏ việc học đạo, trở về Hokkaido, sống đời một dân quê ngu muội, chỉ biết cày sâu cuốc bẫm vậy.

Chỉ sau khi quyết định khăn gói lên đường thì tôi mới khám phá rằng mình đã lầm và lầm rất lớn. Thật ra thời gian sống với gia đình lão sư không vô nghĩa như tôi tưởng nhưng là một sự rèn luyện âm thầm, một cách huấn luyện kỳ lạ của lão sư để phát triển khả năng tiếp xúc với cõi giới siêu hình của tôi. Biết tôi đã thực hành tĩnh tọa đến mức sở hữu được định lực, ông thấy không cần phải dạy các lý thuyết từ chương nữa. Đó là lý do ông không cho phép tôi tham dự các khóa tĩnh tọa, học hỏi lý thuyết như các học trò khác. Để diệt trừ bản ngã của tôi, ông đã lợi dụng bản tính khắc nghiệt, hung dữ của chính bà vợ mình, để huấn luyện tôi trở nên thụ động, tuyệt đối vâng

lời. Ông đã tính toán kế hoạch một cách kỹ lưỡng mà tôi nào hay biết. Ông âm thầm thử thách tôi, quan sát thái độ của tôi đối với bà vợ của ông, mà tôi nào có hay. Cho đến khi tôi xin phép được trở về quê, ông mới yêu cầu tôi làm một vài việc nhỏ để trắc nghiệm và khi tôi làm tròn một cách dễ dàng, ông mới xác nhận trình độ của tôi. Ông cho biết tôi đã đạt đến trình độ rất cao của Thần đạo, đã trở nên một cô đồng (Miko) với quyền năng đặc biệt có thể tiếp xúc với chư thần theo ý muốn. Tôi hết sức ngỡ ngàng và vô cùng xúc động vì kết quả bất ngờ này. Trước khi đi xa hơn, tôi muốn nói qua vài nét về vai trò của cô đồng (Miko) trong Thần đạo.

Cũng như mọi tôn giáo lớn. Thần đạo chia làm hai phần: Công truyền và Bí truyền. Phần Công truyền được tổ chức chặt chẽ qua kinh điển, sách vở, nghi thức, đền thờ và giáo sĩ. Phần Bí truyền không có tổ chức, không có sách vở, không có giáo sĩ, mà chỉ dựa trên sự tin tưởng và hiểu biết của một thiểu số. Đây là những phương pháp khẩu truyền bí mật được truyền riêng giữa thầy và trò. Danh từ cô đồng (Miko) vì thế cũng được chia làm hai loại: Các cô đồng thuộc nhóm Công truyền hay đồng đền (Shrine Miko) là những phụ nữ được huấn luyện để phụ tá cho các giáo sĩ trong các nghi thức cúng tế. Trong đền thờ Thần đạo, các cô đồng đền này phụ trách việc múa hát (kagura), dâng lễ vật, bày biện trang hoàng bàn thờ thần linh v.v.. Số người hành nghề này khá đông vì công việc không đòi hỏi gì nhiều. (Trong Thần đạo, giáo sĩ và cô đồng được coi là một nghề nghiệp có lương). Các cô đồng đền này được huấn luyện trong các khóa đào tạo, và khi tốt nghiệp được cấp chứng chỉ hành nghề. Trong khi đó, các cô đồng thuộc nhóm Bí truyền (Shamanie Miko) được huấn luyện trong vòng bí mật, bởi các vị thầy của Thần đạo, để trở nên một khí cụ trung gian giữa thần linh và người. Những cô đồng này sẽ tuân theo những nghi thức riêng để bước vào một trạng thái mê hoặc xuất thần, lúc đó chư thần (Kami) sẽ nhập vào họ, sử dụng xác thân của họ để tiếp xúc với thế giới loài người. Qua miệng của cô đồng, chư thần cho mọi người biết trước những điều hung cát, tiên đoán mùa màng, thời tiết, vận mệnh làng xã hay quốc gia, hoặc trả lời những câu hỏi có tính cách cá nhận của mọi người… Ngoài ra, những cô đồng này còn có thể yêu cầu các vong linh nhập vào họ để tiếp xúc với họ hàng thân quyến hoặc thực hành các nghi thức trừ tà, chữa bệnh v.v..

Từ xưa Thần đạo đã đóng một vai trò rất quan trọng trong lịch sử Phù Tang, trước khi ảnh hưởng của Trung hoa du nhập vào đây. Vào thời cổ sử, những người lãnh đạo các bộ tộc, các vị lãnh chúa đều có những cố vấn riêng là những cô đồng có khả năng giao thiệp với Thái Dương thần nữ (Amaterasu Omi Kami). Tại sao những người này thuộc phái nữ mà không thuộc phái

nam? Người Nhật tin rằng đấng sáng tạo hay Thái Dương thần nữ thuộc phái nữ, và chỉ người nữ mới có thể tiếp xúc được với người nữ một cách tương đắc mà thôi; người nam thường thô lỗ, dễ làm phật hòng Thần nữ. Do đó trong Thần đạo, tu sĩ thường là phái nam nhưng một người đồng (Miko) luôn luôn phải thuộc phái nữ. Trong hai cuốn cổ thư của Thần đạo, Kojiki và Nihon Shoki, có ghi rõ việc Hoàng đế xứ Chuai lập đàn cầu khẩn chư thần để hỏi ý về việc ông muốn xuất quân đi đánh xứ Kumaso, nằm ở phía đông xứ Chuai. Chư thần, qua miệng cô đồng, cho biết ông phải tiến quân về phía tây thì mới gặt hái kết quả tốt đẹp. Hoàng đế xứ Chuai nổi giận chỉ trích cô đồng nói láo vì phía tây là biển cả, đâu có xứ nào để chinh phục. Ông ra lệnh chém đầu cô đồng rồi đi về phía đông, đánh xứ Kumaso. Vì hỗn láo, miệt thị chư thần, nên vừa mặc giáp trụ để cầm quân thì tự nhiên Hoàng đế hộc máu ra chết. Các tướng lãnh thấy vua bị chư thần vật chết, vội lập vua khác rồi ra lệnh cho quân sĩ đóng thuyền bè để đi về hướng tây, mặc dù lúc đó không ai biết hướng này có gì. Vượt biển được hai ngày, họ đặt chân lên một mảnh đất trù phú đúng như lời mách bảo của chư thần, họ chinh phục xứ này, đặt ách thống trị trong nhiều thế kỷ. Mảnh đất này chính là xứ Triều Tiên (Đại Hàn) ngày nay. Cuộc chinh phục Triều tiên đã đưa địa vị cô đồng (Miko) lên một mức rất cao và sau đó, hầu hết các quyết định quan trọng đều dựa trên lời mách bảo của chư thần qua miệng những cô đồng. Lịch sử Nhật bản đã chép rõ vai trò của các cô đồng này có khi vượt hẳn quyền hạn của các tướng lãnh hay có khi cả hoàng đế nữa.

Đến triều đại Taika, ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa du nhập Nhật Bản mỗi ngày một mạnh; các quan văn, chịu ảnh hưởng Khổng giáo, không chấp nhận phái nữ (các cô đồng) xen vào quyền bính. Họ đòi cải tổ triều chính, rập khuôn theo tổ chức hành chánh của nhà Đường bên Tàu. Họ chủ trương hoàng đế (thiên tử) chính là một vị thần (Kami) rồi, mà đã là thần thì không cần phải hỏi ý kiến một vị thần linh nào hết. Họ dẹp bỏ các nghi thức cầu đảo trong triều đình, đưa Thần đạo xuống hàng tín ngưỡng bình dân, các cô đồng bị giới hạn tầm hoạt động, chỉ được thực hành các nghi thức cúng lễ trong đền thờ mà thôi. Từ đó khởi đầu cho vai trò của các cô đồng đến, chỉ biết múa hát, dâng lễ vật, thực hành nghi thức cúng tế chứ không có quyền năng. Dĩ nhiên vẫn có một số người cất giấu những phương pháp huấn luyện các cô đồng thời cổ, qua các phương pháp khẩu truyền nên truyền thống này vẫn được giữ gìn một cách giới hạn. Là nhà nghiên cứu, chủ trương tìm về nguồn cội, lão sư đã tìm được các tài liệu về việc huấn luyện các cô đồng và ông đã áp dụng vào tôi.

Cũng phải nói thêm rằng thời đại Minh Trị (Meiji) là một giai đoạn đặc biệt với những truyền thống cũ mới xung đột nhau mạnh mẽ. Khi trước, vào thời Tokugawa (1600 – 1867), các sứ quân nắm quyền cai trị và vai trò của hoàng đế rất lu mờ, nếu không nói là vô quyền. Để phát triển văn hóa, các sứ quân cho lập trường Quốc học (Kokugaku) để nghiên cứu văn hóa và phục hồi các truyền thống cổ xưa. Nhờ biết áp dụng các phương pháp nghiên cứu rất khoa học, các học giả của trường Quốc học đã phát hiện được rất nhiều tài liệu cổ, nhất là những tài liệu từ xưa, được cất giấu trong các chùa chiền, cổ mộ. Vào đầu thế kỷ 18, lúc phong trào bế quan tỏa cảng lên cao, các học giả chủ trương bài ngoại muốn dẹp bỏ các ảnh hưởng ngoại lai, nhất là ảnh hưởng của Trung Hoa, để phục hồi truyền thống quốc gia nên thiết lập ra học phái Kannagara-no-michi. Học giả Hirata Atsutane (1776 – 1843) là người cổ súy việc này. Ông chủ trương lấy Thần đạo làm quốc giáo, nhấn mạnh về vai trò Hoàng đế là một vị thần (Kami) con cháu của Thái Dương thần nữ. Theo ông, các sứ quân chỉ là kẻ tiếm vị, là người đã theo chủ thuyết Trung Hoa mà ông gọi là chủ thuyết của các quan hoạn, làm ô uế truyền thống cao đẹp cổ truyền của Thái Dương thần nữ. Dĩ nhiên các sứ quân triều đại Tokugawa không chấp nhận lời giải thích này nên Hirata bị bắt giam và đày biệt xứ, sách của ông bị tịch thu nhưng học trò của ông vẫn lén lút truyền bá học thuyết này. Ít lâu sau, lợi dụng tình hình chính trị sôi động về việc người Âu Mỹ bắn phá các hải cảng của Nhật, đòi tự do giao thương và truyền giáo, các nhóm chính trị đối lập đã hô hào dân chúng nổi lên, lật đổ chế độ sứ quân, đưa Thiên Hoàng trở lại địa vị tối cao. Một trong những điều đầu tiên của Minh Trị thiên hoàng là khôi phục lại truyền thống cũ, đưa Thần đạo lên hàng quốc giáo và dẹp bỏ ảnh hưởng của Phật giáo mà triều đình cho rằng đã ủng hộ các sứ quân khi xưa. Sự phát triển của Thần đạo đã vô tình phục hồi giai cấp võ sĩ đạo (Bushido) vốn bị các sứ quân thời Tekogawa hạn chế. Dưới danh nghĩa võ sĩ đạo, các nhà lãnh đạo quân sự đã đào tạo được nhiều sĩ quan có tinh thần quốc gia cực đoan, và hậu quả là đưa Nhật Bản vào cuộc chiến với Trung Hoa (1894 – 1895), Nga sô (1904 – 1905) và Thế chiến thứ hai (1937 – 1945).

Trước khi trở về Hokkaido, lão sư và tôi đã thực hành một nghi thức quan trọng mà qua đó tôi đã chứng tỏ quyền năng của một cô đồng như sau: Yoshida là một thiếu phụ ngoài ngũ tuần. Bà mắc một chứng bệnh lạ lùng mà các y sĩ đều bó tay. Sau khi đã chữa đủ mọi thầy hay thuốc giỏi mà vẫn vô hiệu, người ta mách bà tìm đến lão sư để xin ông giúp cho. Lão sư thiết lập một đàn tràng rất nghiêm trang tại một đền thờ Thần đạo gần đó. Sau khi tất cả mọi người tham dự chấp tay cầu nguyện một hồi lâu, tôi được mời ra ngồi quay lưng trước bàn thờ. Lão sư đứng trước mặt tôi cầm một tờ sớ dài

và bắt đầu đọc. Tôi ngồi yên, giữ hơi thở thật đều đặn và bắt đầu đọc thầm các câu thần chú bí mật có mục đích giữ cho tâm thật trống rỗng theo lời chỉ dẫn của lão sư. Khoảng mười phút sau, thình lình tôi thấy lồng ngực mình nóng ran lên, dường như có một cái gì to cỡ quả trứng gà nổi lên giữa lồng ngực; vật này di chuyển từ từ xuống đan điền rồi dừng lại ở đó. Tôi thấy toàn thân bỗng cứng đơ, dường như cái vật này đã làm chủ thân thể tôi một cách kỳ lạ. Tôi thấy mọi vật trước mặt mờ nhạt đi rồi tất cả như tan biến trong một biển ánh sáng quang minh kỳ lạ. Tôi không còn biết gì nữa, hình như tôi đã chắp hai tay giơ lên trán. Lúc đó lão sư thong thả lên tiếng hỏi ba lần:

- Vị nào đã về đó?

Sau khi hỏi xong, vẫn thấy hai tay tôi giơ trước trán, ông bèn đọc bài Khai Khẩu thần chú có công dụng giúp tôi lên tiếng được. Một giọng nói kỳ lạ dĩ nhiên không phải giọng nói của tôi, thốt lên qua miệng tôi:

- Ta là Thanh Xà đây.

Ngay lúc đó, trong biển ánh sáng lung linh đầu màu sắc tôi đã trông thấy một cái gì lạ lùng đang từ từ xuất hiện. Giọng nói kỳ lạ đó vẫn tiếp tục phát qua miệng tôi:

- Khi Yoshida còn là một đứa bé mười hai tuổi, ta chỉ là một con rắn nhỏ đang bò đi trên đường làng. Lũ nhỏ đi học về nhìn thấy, bèn lấy gậy thay phiên nhau đánh ta đến chết. Sáu đứa nhỏ con trai đã hành hạ ta trong khi Yoshida chỉ đứng nhìn. Trong lúc thân thể cực kỳ đau đớn, ta bỗng nhìn thấy ánh mắt xót thương của Yoshida, dường như cô không chịu nổi khi thấy ta đau đớn. Trước khi lìa đời, ta cần một nơi chốn nương tựa nên thu hết năng lực nhảy vào lưng của Yoshida... Ta đã sống tại đây nhiều năm và ngăn trở luồng sinh khí của Yoshida khiến nó bị tắc nghẽn, Khi Yoshida còn trẻ, luồng sinh khí còn mạnh nên nó tìm được chỗ rẽ để thoát đi, nhưng nay về già, luồng sinh khí đã yếu, không lưu chuyển được nữa nên tích tụ và gây ra bệnh tật. Ta cũng muốn thoát đi lắm nhưng không sao thoát được... Cách đây khoảng mười cây số về hướng nam, ở góc cánh đồng có một cổ thụ lớn, dưới gốc cây đó là nơi chôn xương cốt của ta. Nếu Yoshida đến đó thắp cho ta một nén hương, một bó hoa tươi và đọc kinh siêu độ thì may ra ta có thể thoát được hoàn cảnh này.

Ngay lúc đó tôi nhìn rõ cái vật lạ lùng đang xuất hiện chính là một con rắn nhỏ màu xanh lục. Tôi tự hỏi : « Phải chăng đây là con rắn năm xưa đã ẩn

náu trong thể phách Yoshida khiến bà mang bệnh ? » Lão sư thắp một nén hương và đọc một bài thần chú khác, tôi thấy lồng ngực càng lúc càng nóng ran, bứt rứt khó chịu vô cùng. Tự nhiên tôi nhảy nhổm lên múa tay múa chân cho đỡ nóng và cứ thế quay cuồng như không làm chủ được mình nữa. Lão sư quay qua đám đông hỏi lớn :

- Còn ai muốn hỏi điều gì nữa không ?

Một người bước ra nói :

- Kính thưa chư thần, hôm qua con bị mất cái xe đạp, liệu con có thể tìm lại được nó không ?

Dường như có một cái gì xui khiến, tôi quát lớn :

- Cái gì ? Xe đạp của ngươi ư ? Nó đã bị tháo gỡ ra thành nhiều mảnh để mang bán chợ trời rồi.

Khi miệng tôi thốt ra những câu đó thì trong biển ánh sáng kỳ lạ trước mặt tôi bỗng hiện ra chiếc xe đạp đang bị tháo gỡ như thế nào.

- Trời ơi, chiếc xe đó rất đắt tiền, tôi phải dành dụm mãi mới mua được. Thưa chư thần, kẻ cắp đó là ai vậy ?

- Đó là một người cùng xóm với ông.

- Nhưng kẻ đó là ai ? Tôi phải tìm ra... Nó là người thế nào?

- Trong hai tuần lễ nữa sẽ có một kẻ bị ngã què chân, đó chính là tên đã lấy xe đạp của ông.

Tôi không hiểu sao mình lại liên tiếp nói như một cái máy. Các hình ảnh này tự nhiên hiện ra rất rõ ràng trong cái biển ánh sáng kỳ lạ kia. Tuần tự hết người này đến người khác lên tiếng đặt câu hỏi và tôi trả lời họ một cách liên tục, không một chút do dự. Buổi lễ chấm dứt với những nghi thức hết sức trang nghiêm long trọng mà tôi thấy không cần phải viết ra đây. Chiều hôm đó, khi nghe lão sư kể lại những điều này, tôi không biết có nên tin hay không. Không lẽ tôi lại sở hữu được cái quyền năng mầu nhiệm như vậy hay sao? Tôi gật đầu cám ơn lão sư đã dạy dỗ rồi chờ đến lúc tĩnh tọa một mình trong phòng, vận dụng định lực để quán xét lại xem sự việc này xảy ra như thế nào. Lạ lùng làm sao, chỉ cần dụng công một chút, tôi đã thấy trước mặt

hiện ra một biển ánh sáng chói lọi và mọi câu hỏi đều được kiểm chứng một cách rõ rệt. Quả nhiên tôi đã phát triển được quyền năng của một người đồng (Miko), đúng như lời lão sư đã nói, tôi đã thành công.

Hôm sau tôi khăn gói lên đường trở về Hokkaido. Lão sư tiễn tôi ra tận trạm xe lửa. Tuy là người điềm đạm ung dung nhưng lần này ông đã bùi ngùi nói:

- Tuy con đã sở hữu được một quyền năng rất đặc biệt nhưng con phải nhớ kỹ những môn quy mà ta đã truyền cho con. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, con phải giữ gìn nghiêm cẩn những điều này, không được vi phạm. Quyền năng không phải là thứ mà ai cũng có thể sở hữu mà đó là do ý muốn của chư thần. Dù bất kỳ chuyện gì xảy ra, con phải luôn luôn biết ơn các ngài đã ban cho con cái quyền năng này. Đó là điều cuối cùng ta muốn nhắn riêng với con. Ta đã truyền cho con những điều mà từ trước đến nay ta chưa hề dạy ai và chưa chắc ta sẽ dạy cho ai nữa. Con là một người đặc biệt trong hàng trăm, hằng ngàn đệ tử của ta. Ta chúc con tìm được điều con muốn tìm.

Tôi hết sức cảm động trước lời nói chí thành của ông. Tuy nhiên lúc đó tôi vẫn còn ngỡ ngàng trước cái quyền năng kỳ lạ bất ngờ này. Tôi chưa thấy thoải mái hay tự tin về khả năng của mình bao nhiêu, dường như tôi có cảm tưởng mình chưa được đào luyện đúng mức. Tuy biết mình có thể giao tiếp với cõi âm, với các chư thần, nhưng không hiểu sao trong thâm tâm tôi vẫn có một cái gì đó không được ổn. Tôi không biết tại sao mình lại nghi ngờ như thế nhưng lúc đó tôi chưa đủ sáng suốt để nhận định kỹ lưỡng về con đường sắp tới của mình.

---o0o---

Chương 5

Người ta nói rằng làng tôi được dựng lên từ khi những người đi khẩn hoang đầu tiên đặt chân đến Hokkaido. Tuy nhiên phần lớn những người này không hề định cư tại đây, họ chỉ đến vì Hokkaido có nhiều rừng cây rất lớn. Họ phá rừng, xẻ núi để đốn gỗ, khai thác tối đa những hoa lợi này cho đến khi những rừng bao la biến thành bãi đất trơ trụi, hoang tàn, không còn gì để khai thác nữa thì bỏ đi. Chỉ còn những kẻ nghèo đói, tha phương cầu thực, những kẻ không thể sống ở đâu được, đành bám lấy mảnh đất này để mưu sinh. Mùa mưa đến, không có rừng cây giữ nước, nước lũ từ trên cao đổ xuống, cuốn sạch đi lớp đất mầu mỡ, chỉ còn trơ lại lớp đá sỏi khô cằn, việc trồng trọt đã khó khăn lại thêm khó khăn gấp bội. Dù cố gắng, dân làng chỉ có thể trồng trọt được ít rau trái qua loa trước mùa mưa lớn mà thôi, vì thế số

người bỏ làng ra tỉnh kiếm ăn càng ngày càng nhiều, làng tôi đã nghèo lại càng tả tơi hơn trước. Sau nhiều năm lang thang, tôi trở về làng xưa với một tâm trạng vui buồn lẫn lộn. Nhìn bãi đất cằn cỗi với lũ trẻ chăn trâu gầy còm, nhìn những người dân quê rách rưới cày cuốc lam lũ, nhìn những căn nhà dột nát hoang tàn, tự nhiên tôi động lòng và tự nhủ sẽ phải tìm cách khôi phục ngôi làng này.

Sau thời gian gặp gỡ thăm hỏi gia đình, tôi khởi sự hành nghề cô đồng (Miko) để kiếm sống. Đây là một thất vọng lớn cho gia đình tôi. Cha tôi giữ thái độ im lặng không nói gì nhưng nhìn mặt ông, tôi có thể đoán rằng ông không được vui lắm. Là người ít nói, mẹ tôi chỉ bày tỏ thái độ qua một câu ngắn ngủi: "Tưởng mày đi xa học được nghề nghiệp gì khá". Đứa con gái của tôi cũng giống tính bà ngoại nó, nhẫn nhục, chịu đựng, nên chỉ tỏ thái độ tiêu cực nhưng chồng nó thì không như vậy. Đứa con rể đã phản đối quyết liệt: "Mẹ nên biết chúng ta đang bước vào thời đại văn minh kỹ thuật, cái trò đồng bóng quàng xiên này đâu còn lừa bịp được ai!" Tôi thấy không cần phải giải thích lôi thôi. Bản tính ương ngạnh và lạnh lùng cố hữu của tôi đã thúc đẩy tôi tiếp tục chương trình đã định. Muốn tránh phiền phức cho gia đình, tôi dựng một chòi nhỏ trước miếu thờ chư thần ở đầu làng để hành nghề. Tôi vừa cúng tế chư thần vừa hướng dẫn những người gặp hoàn cảnh khó khăn, chỉ cho họ cách sống làm sao cho thuận với ý chư thần. Kết quả khả quan không ngờ nên số người tìm đến xin tôi hướng dẫn mỗi ngày một nhiều. Chỉ một thời gian ngắn tôi đã kiếm được một lợi tức khá, có thể giúp đỡ gia đình đang lâm vào cảnh túng quẫn. Tuy thành công nhưng tôi vẫn không tin vào tài nghệ của mình bao nhiêu. Nhiều lúc tôi tự hỏi phải chăng các chư thần (Kami) đã nhập vào tôi, mượn miệng tôi để hướng dẫn mọi người hay là một cái gì khác? Nỗi nghi ngờ này ngày một gia tăng khiến tôi cảm thấy áy náy khó chịu. Vào lúc đó, trong những cô đồng, nổi tiếng nhất là bà Yamamoto, một người có nhiều kinh nghiệm và quyền năng lạ lùng nên tôi liên lạc với bà này nhờ giúp đỡ. Bà đồng Yamamoto sống tại Sapporo, trong một căn nhà nhỏ trưng bày rất đẹp. Biết tôi là học trò chân truyền của lão sư nên bà tiếp tôi một cách niềm nở. Bà im lặng nghe tôi bày tỏ nỗi thắc mắc rồi nói một cách nhẹ nhàng:

- Việc gì mà em phải khổ tâm nghi ngờ như vậy? Đúng hay sai, tốt hoặc xấu hãy cứ để cho các thân chủ của em quyết định. Em được huấn luyện để làm một việc thì cứ theo đúng như vậy mà làm, thắc mắc làm gì cho mệt tâm trí!

- Nhưng thưa chị, nhiều lúc em có cảm tưởng như điều em nói không hoàn toàn đúng sự thật.

- Cái đó không phải là việc của em. Đúng hay sai là việc của các thân chủ.

- Nhưng phải chăng chúng ta là nghề này để giúp đỡ mọi người, chỉ cho học thấy rõ cách hành xử làm sao cho đúng với ý muốn của chư thần?

- Đúng thế, nhưng trong thiên nhiên có hàng trăm hàng ngàn vị thần, mỗi vị lại chỉ dẫn một cách khác nhau, làm sao em có thể biết được. Chân lý có thể giải thích bằng nhiều lối, không nhất thiết chỉ có một lối duy nhất. Một khi em đã hoàn toàn thụ động để các thần linh sử dụng thể xác, mượn miệng của em để chỉ dẫn cho mọi người thì đó là việc giữa chư thần và mọi người, em không có trách nhiệm gì trong đó cả.

- Nhưng nếu mình không nói đúng…

- Em đâu có làm chủ được những câu nói đó! Khi thụ động hoàn toàn, em không có một trách nhiệm gì cả. Nếu em không thụ động mà còn có một chút ý chí nào đó thì dĩ nhiên các chư thần sẽ không nhập vào em nữa và khi đó vấn đề sẽ hoàn toàn khác hẳn.

- Nhưng làm sao em biết đâu là ý muốn của chư thần, đâu là ý chí của mình?

- Cái đó là do công phu tu tập. Phải tuyệt đối giữ mình trong sạch, sống đúng theo ý muốn của chư thần và lúc nào cũng ý thức rằng mình chỉ là một công cụ cho một quyền năng cao cả nào đó sử dụng, đừng để bất cứ một thứ gì khác ảnh hưởng đến việc này.

Tôi đàm đạo với bà Yamamoto một lúc rồi xin cáo từ ra về. Tuy bà đã xác nhận rõ trách nhiệm của một người đồng (Miko) nhưng trong tâm tôi vẫn có một cái gì ray rứt không ổn mà tôi không thể nói ra được.

Như đã nói, khi trở về làng nhìn những thửa ruộng khô cằn, những căn nhà mục nát, tôi đã có ý định sẽ khôi phục lại ngôi làng này. Tôi suy nghĩ cẩn thận và thấy việc đầu tiên phải làm là làm sao thay đổi được lòng người đang chán chường, mệt mỏi để họ trở nên hăng hái, phấn chấn hơn. Nhưng làm sao khôi phục được lòng người ? Tôi thấy giải pháp tốt nhất là khôi phục lại niềm tin nơi con người qua một công cuộc chung, một kế hoạch chung mà tất cả mọi người đều góp phần xây dựng.

Cuối làng tôi có hai ngọn suối nhỏ chảy xuống phía dưới tạo thành một thác nước mà dân làng gọi là thác Phu Thê. Ngọn thác này đổ vào sông

Ashiribetsu, chạy dọc theo sườn núi rồi đổ vào một cái hồ hình bán nguyệt, chỗ đó gọi là thác Ashiribetsu, giòng sông còn uốn khúc qua một thung lũng nhỏ với nhiều ngọn thác nhỏ trước khi chảy ra biển. Ở cửa biển có một miếu thờ thần Fudo đã đổ nát hoang tàn. Tôi bèn nảy ra ý định lập miếu thờ chư thần ở quanh những ngọn thác đó cũng như trùng tu miếu thờ thần Fudo. Thứ nhất, việc lập miếu thờ sẽ đem lại niềm tin cho dân làng, giúp những người nghèo khó tuyệt vọng tìm được tương lai ; việc xây dựng miếu thờ sẽ giúp nhiều người có cơ hội làm việc chung với nhau, góp phần tái tạo tình thân hữu tương trợ. Ý định quyên góp tiền bạc để lập miếu thờ chư thần của tôi đang nhen nhúm trong đầu thì một hôm mẹ tôi đi xem bói để hỏi về tình trạng gia đình. Vị thầy bói đã nói :

- Gia đình bà có một nấm mộ tổ tiên xây đè lên bộ cốt của một con ngựa khiến nó không siêu thoát được nên nó oán. Vì thế ruộng nương của bà không tốt, hoa mầu không thất thu cũng bị sâu bọ phá hoại ; nhà cửa của bà có lớn lao đến đâu rồi cũng bị hỏa hoạn tiêu tan hết ; con cái bà dù thế nào cũng không thể ăn nên làm ra như những người khác. Con trai thì phải tha phương cầu thực, con gái thì chịu cảnh làm lẽ hoặc không chồng. Muốn thay đổi, bà phải đi lạc quyên đúng một ngàn người, mỗi người ít nhất một đồng, lấy tiền đó xây đền đức Quán Thế Âm Bồ Tát, hàng ngày cúng kiếng hương hoa cẩn thận, nhờ oai lực của ngài mà con ngựa kia được siêu thoát. Có như thế thì vận hạn, tai ương của gia đình bà mới chấm dứt được.

Tôi không biết ông thầy bói nói có đúng không nhưng điều này không quan trọng vì nó phù hợp với sở nguyện thầm kín của tôi. Vừa nghe mẹ tôi nói xong, tôi quyết định sẽ thi hành chương trình phục hưng ngôi làng mình. Tôi hội họp những người trong gia tộc để bàn về việc này. Mấy năm nay gia đình nào cũng gặp khó khăn nên nghe nói có giải pháp, ai nấy đều hết sức đồng ý. Thế là một mặt tôi xin phép hội đồng kỳ mục trong làng để lập đền thờ, mặt khác tôi hô hào dân chúng quyên góp công của để xây đền thờ đức Quán Thế Âm trên đỉnh đồi Ganseki gần đó. Như đã nói, làng tôi rất nghèo, chỉ sống nhờ trồng trọt rau trái trong mùa khô; vào mùa mưa vì nạn nước lũ, không mấy ai trồng trọt được gì nên số người thất nghiệp rất đông. Dân làng vì nghèo đói nên sinh ra lắm tệ nạn như cờ bạc, rượu chè, trộm cắp v.v..

Việc hô hào mọi người góp phần công quả xây nơi thờ phụng đức Quán Thế Âm là một việc hết sức mới mẻ, trọng đại đối với dân làng. Phần lớn đều tin rằng việc xây dựng đền thờ này sẽ đem lại cho họ những may mắn, những phước đức lâu dài, có thể cải thiện đời sống của họ. Trong hoàn cảnh tuyệt vọng, niềm tin dù là niềm tin gì chăng nữa cũng dễ khích lệ số đông nên chỉ

cần một người kêu gọi, hàng trăm người đã hưởng ứng, người giàu góp của, kẻ nghèo góp công nên chỉ trong một thời gian ngắn, đền thờ đã hoàn tất. Một pho tượng đức Bồ Tát Quán Thế Âm đứng trên tòa sen được đắp rất đẹp. Bên dưới tòa sen có khắc những câu kinh trong Phổ Môn : « Quán Âm sức trí diệu, hay cứu đời thoát khổ, đầy đủ sức thần thông, rộng tu trí phương tiện, các cõi nước mười phương, không cõi nào chẳng hiện ». Trước cửa đền thờ còn có một bia đá lớn với những câu : « Chúng sinh bị khốn ách, vô lượng khổ bức thân, nhờ sức niệm Quán Âm, liền được tiêu tan cả ».

Đến ngày khánh thành, chúng tôi gửi giấy mời người trong làng và làng mạc kế cận đến tham dự. Dân làng tổ chức lễ dâng hoa rất long trọng, số người kéo đến xem rất đông và sau này thành lệ, hàng năm cứ khoảng tháng tám dương lịch, làng tôi lại mở hội kỷ niệm ngày thành lập này rất lớn. Ngày nay đền thờ đức Quán Thế Âm tại đồi Ganseki là một thắng cảnh nổi tiếng của Hokkaido, quanh năm số người đến lễ bái rất đông, dĩ nhiên họ phải nghỉ chân tại đây nên hàng quán và khách sạn được xây cất, đem lại việc làm cho một số người không ít trong làng.

Sau khi việc xây đền thờ đức Quán Thế Âm thành công, tôi bắt đầu khởi xướng việc xây cất đền thờ chư thần và trùng tu lại miếu thờ thần Fudo. Cũng như lần trước, số người hưởng ứng việc này rất đông. Vì sông Ashiribetsu chảy qua nhiều làng nên việc này lôi kéo dân chúng ba bốn ngôi làng quanh đó cùng chung sức làm việc. Tuy đây là chương trình do tôi vạch ra nhưng tôi đã khôn khéo mời hội đồng kỳ mục của mấy làng cùng đứng ra chủ xướng nên chỉ trong vòng một năm, hai đền thờ đã được hoàn tất tốt đẹp. Tôi mời các giáo sĩ Thần đạo đến làm lễ, tổ chức các khóa tu học và tẩy uế thân tâm bằng nước lạnh (Misogi) tại thác Fudo. Chỉ trong vòng vài năm, số người tham dự các khóa tu này đã lên đến cả ngàn người. Ngày nay nghi thức tẩy uế bằng nước lạnh tại thác Fudo đã trở nên một ngày hội lớn, lôi cuốn rất đông người tham dự. Sự thành công này vô tình đưa tên tuổi tôi lên một địa vị quan trọng. Tôi được quần chúng tín nhiệm như một vị thầy của Thần đạo (Shinto). Tôi hoạt động không ngừng, hết tổ chức các khóa lễ nơi này lại đến các khóa tu tại nơi khác. Số người đến nhờ tôi giúp đỡ ngày càng nhiều, dần dần tôi trở nên tự tin, bạo dạn hơn trước.

Vào lúc đó, sức khỏe của cha tôi đã suy kém nhiều nhưng vì bận rộn công việc nên tôi không có thì giờ chăm sóc cho cha tôi mấy. Mối quan hệ giữa tôi và gia đình càng trở nên lạnh nhạt. Đứa con rể tôi tỏ ra khó chịu và thường chống đối tôi ra mặt nhưng lúc đó tôi nghĩ : Mục đích của cuộc đời là gì nếu không phải để giúp đỡ người khác ? Dĩ nhiên khi làm việc lớn thì

gia đình phải chịu hy sinh. Tôi đã phục hồi sinh khí cho ngôi làng nghèo nàn, lập đền thờ, chấn hưng kinh tế, giúp nhiều người tìm được công ăn việc làm, và tôi không thể làm gì khác hơn thế được. Tôi tiếp tục lăn xả vào các hoạt động xã hội, bất chấp một thiểu số người trong đó có con rể tôi, chê trách. Họ đã rêu rao là tôi « háo danh như loài chồn hoang, bất hiếu, bất nghĩa, đáng khinh », nhưng tôi thầm nghĩ : Bất cứ việc gì cũng đều có thử thách; việc càng lớn, thử thách càng nhiều. Khi làm việc lớn, phải biết bỏ qua các tiểu tiết, vấn đề chính là mình có thoải mái với chính mình không mà thôi.

Mặc dù nghĩ như thế nhưng trong thâm tâm tôi vẫn nhen nhúm một điều gì khắc khoải kỳ lạ không thể diễn tả. Càng ngày nỗi ray rứt này càng gia tăng khiến tôi bắt đầu lo sợ. Ban ngày khi bận công việc, nó ít quấy rầy nhưng về khuya, trong lúc tĩnh tâm, nó là cả một trở ngại lớn cho việc tập trung tư tưởng. Nghĩ rằng mình đã xao lãng công phu, tôi quyết định dậy thật sớm, dành nhiều thì giờ để tĩnh tâm ; ngoài ra tôi còn cố gắng học hỏi thêm các sách vở, tài liệu về Thần đạo. Tôi nghiền ngẫm đủ thứ sách vở không thiếu cuốn nào vì nghĩ rằng cái khoảng trống vắng trong tâm đó chẳng qua chỉ là một thiếu thốn về trí thức mà người ta có thể lấp đầy bằng kiến thức được. Hàng ngày tôi lăn xả vào các hoạt động xã hội, xây trường học, tân trang bệnh xá, tổ chức các khóa tu học cho thanh thiếu niên... Tên tuổi của tôi càng ngày càng được nhiều người biết đến. Tôi được mời đi diễn thuyết về Thần đạo, lúc đầu trong các làng mạc kế cận, về sau ra đến tận tỉnh thành, cuối cùng chẳng có nơi nào tại Hokkaido mà tôi chẳng được mời đến. Nhưng dù hoạt động hăng hái thế nào, trong tâm tôi vẫn có một nỗi trống vắng, một cảm giác thiếu thốn kỳ lạ khiến tôi lo sợ không yên.

Sự khủng hoảng này mỗi ngày một thôi thúc dữ dội, lúc đầu còn ít về sau mỗi lúc một nhiều. Lúc trước nó xảy ra trong lúc tôi tĩnh tâm nhưng về sau nó quấy phá tôi ngay cả những lúc tôi bận rộn làm việc. Sau cùng chịu không nổi, tôi bèn rút vào một am thất trên núi, tập trung tư tưởng để quán sát chính mình. Tôi tập trung định lực tĩnh tâm suốt mấy ngày đêm rồi tự hỏi : « Mình muốn gì bây giờ ? Liệu mình đã tìm được điều mình muốn chưa ? » Tuy thành công trong việc tu tập, đã trở nên một cô đồng nổi tiếng, đã phục hồi ngôi làng, đã giúp đỡ nhiều người nhưng tôi vẫn chưa giải quyết được động năng đã thúc đẩy tôi đi tìm đạo. Tôi chưa sống thoải mái được với chính mình. Đây là một khám phá bất ngờ vì tôi vẫn nghĩ mình đã sống thuận theo ý chư thần, đã sống một cách chính tâm, thành ý qua các phương pháp tu thân. Điều này đã được lão sư xác nhận rõ rệt thì lẽ ra tôi phải thoải mái, không thắc mắc mà an vui tự tại kia chứ? Phải chăng còn một điều gì

khác nữa mà tôi chưa ý thức được? Tôi cố gắng quán xét mọi tư tưởng, hành động của mình trong thời gian qua. Tôi thấy mình đã áp dụng rất kỹ các phương pháp được lão sư chỉ dạy. Hiển nhiên nếu không như vậy thì làm sao tôi trở nên một cô đồng với các quyền năng đặc biệt được! Nhưng nếu đã sống hợp với lẽ đạo thì tại sao tôi vẫn cảm thấy bứt rứt, khắc khoải không yên? Tự nhiên một ý nghĩ kỳ lạ nổi lên trong trí tôi. Biết đâu lão sư đã chẳng dạy sai? Biết đâu con đường tôi đang theo đuổi không thực sự mang lại cho tôi sự bình an thoải mái như tôi muốn? Tôi cố gắng loại bỏ những ý nghĩ điên rồ này nhưng càng ngày tôi càng thấy con đường này không mang lại cho tôi sự an nhiên thảnh thơi như tôi vẫn nghĩ. Dần dần những giá trị mà tôi xây dựng bao lâu nay bỗng dưng sụp đổ nhanh chóng như một lâu đài trên cát ướt.

Nhờ công phu quán sát, tôi ý thức rằng nằm sâu trong tiềm thức, các tính xấu như tham lam, ích kỷ, sân hận vẫn tiếp tục chi phối tôi. Dù đã trở nên một bậc thầy của Thần đạo nhưng lòng tôi vẫn đầy rẫy những thắc mắc, hoài nghi dưới những hình thức tế nhị nhất. Dù đã tiên đoán được nhiều điều hung cát, dù đã biết được quá khứ vị lai của người khác nhưng tôi vẫn chưa thực sự biết gì về mình. Đối với mọi người, tôi là kẻ sáng suốt nhưng với chính mình, tôi vẫn chưa biết rõ mình như thế nào. Càng quán sát sâu xa tôi càng thấy rõ một sự thực rằng điều mà tôi mong muốn không phải là trở nên một cô đồng với các quyền năng đặc biệt mà là một cái gì khác. Tôi có cảm tưởng như mình bị cột vào một sợi dây dài, cứ chạy quanh quẩn trong phạm vi của sợi dây đó, tưởng mình tự do nhưng thực sự không phải. Tôi đã đi theo hết môn phái này đến môn phái khác, học hết lý thuyết này đến lý thuyết kia, theo hết thầy này đến thầy nọ, nhưng tôi vẫn chưa tìm được điều tôi muốn.

Cho đến lúc đó, danh từ « giải thoát », « tự do tuyệt đối » mới bắt đầu có ý nghĩa đối với tôi. Sống thuận theo ý chư thần, đặt tất cả vận mệnh vào vòng tay của chư thần là một quan niệm không rõ rệt của Thần đạo; nó khiến con người trở nên thụ động, nhu nhược và mù quáng. Thực hành các nghi thức cúng tế, áp dụng các quy tắc tĩnh tâm cũng chỉ đem lại những giải pháp nhất thời, xoa dịu các nỗi đau khổ, ưu tư trong chốc lát nhưng không chữa được gốc rễ căn bệnh. «Chính tâm, thành ý» (Makoto, Kokoro) là một lý thuyết rất hay nhưng người ta phải áp dụng như thế nào mới đúng ? Hiển nhiên mỗi vị thầy có một lối giải thích khác nhau, ai cũng cho mình đúng, và đến lúc đó tôi mới bắt đầu đặt câu hỏi về công phu tu tập của các vị thầy đó. Liệu họ đã thực sự đạt đến tâm trạng thoải mái, an nhiên bất động đó chưa ? Bề ngoài họ có tác phong của một vị thầy, ăn nói giảng giải như một vị thầy

nhưng bên trong họ như thế nào? Ngay như tôi vẫn được quần chúng tín nhiệm như một vị thầy nhưng đã mấy ai biết rõ được lòng tôi bối rối hoang mang như thế nào đâu? Phải chăng đó chỉ là một «trò chơi» của trí thức? Một cuộc «thí nghiệm về tôn giáo» của những người được coi là học giả? Một sự dối gạt trắng trợn chính mình ?

Sau khi suy gẫm kỹ lưỡng, tôi quyết định: nếu con đường này không mang lại cho tôi sự thoải mái thì tôi phải thay đổi và tìm kiếm lại từ đầu. Dĩ nhiên việc này không dễ. Tôi đang là vị thầy về Thần đạo, đang được mọi người kính nể, đang là một cô đồng nổi tiếng tại Hokkaido, nếu từ bỏ tất cả để làm lại từ đầu thì người ta sẽ nghĩ như thế nào? Tôi có thể tưởng tượng ra lời đàm tiếu của dân làng, những người từ trước đến nay không thích tôi, hiển nhiên họ sẽ vô cùng thỏa thích. Tôi nghĩ đến đứa con rể tôi, nó vẫn khó chịu với tôi và thường nói với mọi người rằng tôi chỉ là một «loài chồn hoang», một thứ «đồng bóng ăn nói quàng xiên», một người «lạnh lùng, ích kỷ, không có tình cảm», có lẽ nó cũng có lý phần nào. Càng suy gẫm, tôi lại càng không chịu nổi. Những nỗi khổ đau dằn vặt từ xưa vẫn nằm yên trong đáy lòng nay lại nổi lên mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Bất ngờ tôi ý thức được một sự thật rằng cái động năng đã thúc đẩy tôi làm tất cả những việc trên chẳng qua chỉ là một hình thức hết sức tế nhị của bản ngã. Tôi nghĩ rằng mình đã diệt được nó nhưng thực ra nó vẫn tiềm ẩn dưới một hình thức vi tế không ngờ. Cái công phu tu tập để diệt ngã, cái ý định quên mình tuyệt đối để vâng lời một quyền năng nào đó, đã không đánh tan được bản ngã mà chính là một hình thức che đậy của bản ngã, một thứ ngụy trang khéo léo của bản ngã dưới các danh xưng tốt đẹp. Rốt cuộc tôi vẫn bị bản ngã đánh lừa. Như được một tia sáng rọi vào tâm trạng hoang mang u tối, tôi nhận thấy người ta không thể đi tìm một lối thoát bằng các phương pháp tẩy uế tâm hay các hình thức bên ngoài được; vấn đề là ở bên trong nên người ta cần tìm một phương pháp tu tập nội quán hòng giải quyết những khắc khoải để đời sống không còn là một sự tranh đấu, mâu thuẫn nữa. Mọi sự áp chế nhằm kiểm soát thân tâm cũng như sở hữu một quyền năng nào đó chỉ là những giải pháp tạm thời, theo thời gian nó sẽ là những chướng ngại nhiều hơn là cứu cánh. Ý thức được điều này, tôi quyết định chấm dứt ngay việc hành nghề cô đồng, từ chối lời mời gọi của quần chúng và cắt đứt mối liên hệ với Thần đạo. Tôi tự nhủ đã đến lúc mình phải đi tìm một con đường khác, một con đường có thể giúp tôi chấm dứt cái tình trạng dằn vặt đầy đau khổ này.

Trong lúc đang tuyệt vọng, tôi được biết Hòa thượng Tomomatsu Entai vừa mở khóa tu học và giảng Kinh Pháp Cú (Dhammapala) tại chùa Kandadera.

Tôi vội vã đáp xe lửa đi ngay đến đó với hy vọng sẽ tìm được lối thoát cho tình trạng hiện tại. Đó là một ngôi chùa mới được xây cất, kiến trúc rất đẹp. Trước chùa có một hồ sen lớn, hương thơm ngào ngạt. Muốn vào chùa phải đi qua một cây cầu uốn cong rất thẩm mỹ. Nghe tiếng gõ cửa, một vị tăng trẻ tuổi bước ra :

- Bà muốn gì?

- Tôi muốn ghi tên tham dự khóa tu của Hòa thượng Tomomatsu Entai.

- Sau các khóa lễ công cộng Hòa thượng thường thuyết pháp, đâu cần phải ghi tên.

- Không đâu, nghe nói Hòa thượng Entai mở khóa tu trong ba ngày, tôi muốn ghi tên vào khóa tu đó.

Vị tăng trẻ nhìn tôi từ đầu đến chân rồi lắc đầu cười lớn :

- Này bà nội ơi, khóa tu chỉ dành cho những người trẻ thôi.

- Tôi không cần, trẻ hay già gì cũng được, tôi chỉ muốn tham dự khóa tu.

- Đâu được, đây là khóa tu học dành cho những người trẻ mà.

- Nhưng tôi muốn ghi tên tham dự.

- Bà già này lộn xộn quá! Những người như bà chỉ nên theo các khóa lễ và tụng kinh gõ mõ thôi. Làm sao bà có thể theo các khóa tu dành cho giới trẻ được! Bà biết gì mà tham dự! Ngoài ra đài truyền hình địa phương sẽ đến thu hình, một bà già gần xuống lỗ ngồi chung với tụi trẻ làm sao mà coi cho được !

- Đâu có sao, chú làm ơn giúp giùm.

- Không!

Chú tiểu đóng sập cánh cửa lại một cách tàn nhẫn. Tôi thất vọng bước ra về, bất chợt thấy bóng mình phản chiếu trên mặt hồ và bàng hoàng trước hình hài quá tiều tụy của mình. Hai tháng ẩn mình trong am thất trên núi để quán xét nội tâm đã biến tôi thành một con người khác. Dưới bóng nước phản chiếu lung linh, tôi thấy một người gầy gò, hai mắt quầng sâu, má hóp

lại, mặt đầy những vết nhăn, lưng còng hẳn xuống, quần áo rách rưới như một bó giẻ. Dĩ nhiên hình ảnh một bà già hom hem như vậy không thể thích hợp với khóa tu dành cho những người trẻ tuổi được. Nước mắt tôi tự nhiên trào ra, tôi đã già đến vậy hay sao? Tôi khóc và khóc mãi không thôi, tôi tiếc cho thời gian mấy chục năm lang thang tìm đạo một cách vô ích của mình.

Lúc đó cha tôi đã già yếu lắm rồi. Ông thường nằm yên trên giường, hai mắt nhắm nghiền, thỉnh thoảng lại thở dài não nuột. Họ hàng thân thích đều xì xào rằng ông buồn và thất vọng vì có một đứa con bất hiếu không ra gì như tôi. Tôi không thể phủ nhận điều này. Một buổi sáng mùa đông, khí sắc của cha tôi bỗng trở nên tiều tụy thấy rõ, linh tính báo cho tôi biết một sự chẳng lành. Tôi bước lại ngồi bên cạnh ông. Nghe tiếng động, cha tôi mở mắt nhìn tôi và hỏi:

- Này Matsuno, hoa anh đào trên núi đã nở chưa?

- Thưa cha, hôm qua trời mưa tuyết, bông tuyết bám đầy những cành cây như những bông hoa thật đẹp.

- Không đâu, ta muốn hỏi những bông hoa anh đào kìa!

Tôi im lặng không biết phải nói gì. Cha tôi nhìn tôi rồi cố gắng thều thào :

- Này Matsuno, đôi khi có những bông hoa quên cả thời tiết nên không chịu nở, nhưng nếu hoa không chịu nở thì làm sao có trái... Thôi, sự thể đã như thế thì đành vậy...

Nói xong, cha tôi nhắm mắt trút hơi thở cuối cùng. Tôi hiểu rõ điều ông muốn nói, cho đến khi chết ông vẫn nghĩ đến tôi. (Ghi chú : Truyền thống Nhật khi đó cho rằng người phụ nữ như một bông hoa phải nảy nở và kết trái; nói một cách khác, phải lập gia đình, thờ chồng và nuôi con, giữ gìn truyền thống thờ cúng tổ tiên. Việc một phụ nữ không có gia đình là một điều đáng xấu hổ).

Sau khi chôn cất cha tôi xong, tôi dọn dẹp lại căn phòng của ông và bắt gặp chiếc áo nâu cũ đã sờn vai. Chiếc áo này nhắc nhở cho tôi một kỷ niệm thời thơ ấu. Đó là một ngày đẹp trời, cha mẹ tôi vừa đi ăn giỗ về, lúc đó tôi còn nhỏ nên cha tôi cõng tôi trên vai. Ngồi ngất ngưởng trên vai ông, nghe tiếng ông vui vẻ nói chuyện, thỉnh thoảng lại bật lên một tràng cười sảng khoái, đáng lẽ ra tôi phải cảm thấy thoải mái, hạnh phúc lắm mới phải. Không hiểu sao lúc đó tôi lại có cảm giác cô đơn kỳ lạ, một cảm giác như mình đang

sống trong một thế giới nào khác, tách biệt hẳn với cái thế giới ấm áp, đầy tình thương yêu nồng nàn kia. Tại sao ngay từ khi còn nhỏ tôi đã có những ý nghĩ lạ lùng như vậy ? Phải chăng đó là số phận của tôi? Phải chăng đó là định mạng, một thứ định mạng khắt khe nào đó? Tôi có cảm tưởng như mọi người đều là những cây có cành, có rễ, bám chắc vào lòng đất nhưng riêng tôi lại là một thứ bèo bọt, nổi trôi trên sóng nước, mặc cho giòng đời lôi cuốn xô đẩy. Không thể được, tôi phải tìm cách bám chặt vào đâu đó, ít ra tôi cũng cần một hy vọng nào đó để sống còn.

---o0o---

Chương 6

Ở ngoại ô thành phố Sapporo có một thiền viện thuộc dòng Tào Động (Soto) tên là Chuoji, thường mở những khóa tu thiền vào lúc cuối tuần. Thất vọng với việc đi tìm đạo một cách viển vông của mình, tôi quay trở về với Phật giáo như một «giải pháp cuối cùng» và tự nhủ nếu không tìm được con đường giải thoát, tôi sẽ không còn muốn sống nữa. Vào lúc đó cuộc thế chiến thứ hai cũng vừa bắt đầu.

Khóa tu tại chùa Chuoji được vị sư trụ trì hướng dẫn có khoảng ba mươi người tham dự. Khác với những vị thầy mà tôi đã gặp, thường giảng giải về lý htuyết, vị trụ trì tại đây lại chú trọng đến sự thực hành. Ông quan niệm việc tọa thiền (zazen) là chính, mọi thứ khác chỉ là phụ. Ông nói :

- Tọa thiền là ngõ vào con đường giải thoát, chỉ có công phu tọa thiền mới làm cho tâm sáng suốt để nhận thức được chân tánh của nó. Ngày xưa đức Phật Thích Ca đạt đạo giải thoát cũng nhờ ngồi thiền, trước khi hoằng pháp tổ Bồ Đề Đạt Ma cũng ngồi diện bích suốt chín năm, hiển nhiên quí vị thấy tọa thiền quan trọng như thế nào. Do đó quí vị phải chăm chỉ tọa thiền.

Tôi không lạ gì việc ngồi tĩnh tâm theo phương pháp Kannagara-no-michi và phát âm bằng nội lực của mình, nhưng vị trụ trì lại dạy chỉ ngồi trong yên lặng, theo dõi hơi thở và tuyệt đối không làm gì khác. Tôi thắc mắc :

- Thưa thầy, ngồi yên lặng như thế thì được ích lời gì. Ít ra phải có một cái gì khác nữa chứ ?

- Lúc đầu người ta chỉ cần theo dõi hơi thở để làm lắng dịu tư tưởng đã. Đừng tưởng ngồi yên lặng như thế là dễ đâu, bà hãy tập ngồi làm sao cho

thật trang nghiêm, ngồi vững vàng như trái núi, ngồi làm sao để tâm và thân được nhất như thì mới thực sự gọi là tọa thiền.

Phương pháp ngồi thiền khởi đầu bằng việc đếm số hơi thở (sổ tức) như sau: lúc đầu thiền sinh hít vào và đếm thầm «một», khi thở ra thì đếm «hai», cứ thế cho đến số mười thì bắt đầu trở lại. Dĩ nhiên trong lúc đó những ý niệm vẩn vơ có thể nẩy sinh làm sao lãng tâm trí nhưng điều quan trọng là thiền sinh không được áp chế nó, chận đứng nó, theo đuổi nó hay bám vào nó; mà cứ để cho nó tự động đến và đi một cách tự nhiên. Thiền sinh được dạy rất kỹ rằng chỉ nên tập trung năng lực vào việc đếm hơi thở ra vào thong thả mà thôi. Sau khi tọa thiền một thời gian thì các thiền sinh được nghỉ ngơi vài phút để xoa bóp cho giãn gân cốt rồi đứng dậy đi thiền hành chung quanh thiền đường. Sau khi việc đếm hơi thở như trên đã thuần thục thì thiền sinh đổi cách đếm, chỉ tập trung tư tưởng để đếm mỗi khi thở ra mà thôi. Mỗi số đếm tương ứng với cả lúc hít vào và thở ra, cho đến số mười thì bắt đầu trở lại từ số một. Sau khi đã thực tập thuần thục cách đếm này thì họ lại đổi cách đếm, tập trung tư tưởng để đếm mỗi khi hít vào. Đây là giai đoạn khó khăn hơn vì mọi hoạt động tinh thần lẫn thể xác thường được thực hiện khi người ta thở ra nên hầu hết mọi người đều vấp váp trong lúc này. Mặc dù đã từng tu tập phương pháp tĩnh tâm rất thuần thục nhưng cũng phải mất một thời gian tôi mới có thể đếm hơi thở một cách thoải mái, tự nhiên theo phương pháp này.

Ngoài việc tọa thiền, vị trụ trì còn khuyên các thiền sinh nên tham cứu thêm hai cuốn sách thiền là Bích Nham Lục và Vô Môn Quan. Bích Nham Lục là cuốn sách do thiền sư Tuyết Đậu soạn ra và sau được thiền sư Viên Ngộ chú giải thêm. Cuốn sách gồm một trăm công án được sắp đặt theo thứ tự nhất định : khởi đầu là lời dẫn (Thùy thị), kế đến là công án (Tắc) với những lời bình chú (Cử), bình xướng (Kệ), và bình giải. Thiền sư Đạo Nguyên (Dogen), người sáng lập dòng thiền Tào Động ở Nhật, đã mang cuốn sách này từ Trung Hoa về để làm tài liệu giảng dạy cho học trò của ông. Vô Môn Quan là cuốn sách do thiền sư Huệ Khai (1183 – 1260) soạn ra. Cuốn sách này sắp đặt giản dị hơn Bích Nham Lục rất nhiều, gồm bốn mươi tám công án thiền (Tắc) và lời bình giải. Theo truyền thuyết, thiền sư Huệ Khai nhờ công án «Vô» của Triệu Châu mà chứng đắc, do đó ông đưa công án này lên hàng đầu trong cuốn Vô Môn Quan. Ông viết trong phần mở đầu: «Tất cả những lời dạy của Phật đều lấy Tâm làm tông, lấy không cửa (Vô môn) là lối vào đạo. Đã là không cửa làm sao mà vào được? Há không nghe cổ nhân nói: «Nếu có cửa mà vào chẳng phải là đồ quí, do duyên mà có rồi trước sau cũng thành hoạt». Những kẻ nào tìm lý trong lời, chẳng khác gì vác gậy

khều trăng. Có gì liên quan đến sự thật đâu? Khi làm Thủ Chứng ở Long Tường, nhân được chư tăng thỉnh giảng pháp, ta bèn đem công án của cổ nhân làm viên gạch dộng cửa, tùy căn cơ mà dẫn dắt người học. Ta sao lục những lời bình giải lại thành một tập sách đặt tên là Vô Môn Quan. Nếu là kẻ liều lĩnh, không kể mất còn, một mình một kiếm bước thẳng vào chỗ thù địch, dù cho Bát Tí Na Tra cũng không cản nổi. Ngay cả hai mươi tám vị tổ ở Tây Thiên, sáu vị ở Đông Độ, chỉ nghe phong thanh cũng đủ cầu xin tha mạng. Nếu chần chờ, ngần ngại không dũng mãnh thì chẳng khác nào đứng cạnh cửa sổ mà canh chừng kỵ sĩ, chỉ trong chớp mắt y đã chạy mất rồi. Do đó có bài tụng rằng: «Đường lớn không cửa. Có nghìn lối vào. Qua được cửa này. Càn khôn lẻ bước ». Theo vị trụ trì chùa Chuoji, hai cuốn sách trên và cuốn Chứng đạo ca của thiền sư Huyền Giác là ba cuốn sách quan trọng, không thể thiếu của bất cứ người tu thiền nào. Hôm nay khi đặt bút viết đến đây tôi xin ghi lại một nhận xét riêng cho những người muốn bước vào cửa thiền.

Mặc dù tông chỉ của thiền là «Bất lập văn tự», nhưng một số người, thường thuộc hạng trí thức, lại thích bình luận về thiền một cách sôi nổi. Họ thường dẫn cứ những giai thoại về thiền như tổ Đơn Hà chẻ tượng Phật làm củi đốt, tổ Lâm Tế mạnh bạo nói «Phùng Phật, sát Phật» rồi từ đó họ suy luận rộng ra và diễn giải thiền tông theo ý riêng của họ. Đây là một trở ngại rất lớn cho người mới bước chân vào cửa thiền, những người ham thích những gì kỳ lạ, đầy kịch tính, hơn là tọa thiền. Họ đã vô tình biến pháp môn «Bất lập văn tự» thành một trò chơi chữ nghĩa với những câu nói ngông cuồng, bắt chước chư tổ như «Ba lạng vải gai», «Cây phướn trước sân», hoặc «Nói được, ba chục gậy. Không nói được, ba chục gậy». Cùng một câu nói đó nhưng một vị thiền sư đã giác ngộ, một vị tổ, có thể nói được; còn với những kẻ chưa ngộ, chưa hề có kinh nghiệm tâm linh, thì đó chỉ là một sự nhắc đi nhắc lại như con vẹt, một sự ngông cuồng, ngu xuẩn, không những gây trở ngại cho mình mà còn làm hoang mang những người khác. Tôi xin ghi lại đây một sự kiện xảy ra trong khóa tu thiền lúc đó. Trong các khóa tu thường có một số người thích tham dự để bàn luận nhiều hơn là tu tập. Họ thường mang kiến thức ra khoe khoang như một cơ hội để phô trương bản ngã. Khóa tu tại chùa Chuoji cũng có vài người như vậy nên vị trụ trì thất vọng nói :

- Nếu quí vị chểnh mảng việc tọa thiền thì làm sao có thể đi xa hơn trên đường giải thoát được?

Một học viên tên Yamato đã biện luận việc chểnh mảng tọa thiền của mình bằng giai thoại về thiền như sau :

- Khi còn tu tại núi Hoành Nhạc, Mã Tổ chăm chỉ tọa thiền ngày đêm không mỏi mệt. Một hôm thầy ông là hòa thượng Nam Nhạc hỏi : «Con tọa thiền như thế để làm gì?». Mã Tổ trả lời: «Con cố gắng ngồi để được thành Phật». Nam Nhạc không nói gì, chỉ lấy một miếng ngói rồi mài đi mài lại trên hòn đá gần đó. Thấy lạ, Mã Tổ bèn hỏi: «Thầy mài ngói để làm gì vậy?». Nam Nhạc thản nhiên trả lời: «Để làm gương soi mặt». Mã Tổ lắc đầu: «Làm sao mài ngói mà có thể thành gương được!» Nam Nhạc cũng nói ngay: «Làm sao ngồi mãi mà có thể thành Phật được?».

Nghe Yamato nói vậy, vị trụ trì đã trả lời :

- Các ông chỉ ham thích những lý luận suông mà không hiểu Nam Nhạc biết rõ căn cơ của Mã Tổ lúc đó đang bị mê hoặc, cho rằng Phật tánh là một cái gì ở bên ngoài mà ông có thể tìm được qua việc tọa thiền, nên mới dạy như vậy để ông này tỉnh ngộ. Thật ra Nam Nhạc đâu có nói việc tọa thiền là vô ích như mài ngói không thể thành gương mà chỉ nhấn mạnh rằng làm sao Mã Tổ có thể thành Phật qua việc ngồi, nếu ông không bắt đầu là một ông Phật trước đã. Nói một cách khác, tọa thiền không mang đến cho ta Phật tánh, nó chỉ giúp cho tâm ta tĩnh lặng để ý thức được rằng Phật tánh vốn hiện hữu trong ta. Nếu tâm ta hoàn toàn an tĩnh thì một phút ngồi thiền chính là một phút làm Phật, còn như ngồi mà tâm vọng động, mong cầu thì có ngồi bao lâu cũng chỉ là vô ích thôi. Nếu lúc tọa thiền thì các ông ngủ gật nhưng sau buổi tọa thiền lại hăng say lý luận giảng giải lung tung như thế này thì đừng nói tu một kiếp, nếu có tu hành hàng trăm kiếp cho đến ngày đức Phật Di Lặc ra đời vẫn chẳng hiểu được gì hết. Các ông phải cố gắng công phu, chớ sinh tâm nghi ngờ hay chấp vào những giai thoại thiền mà các ông chưa hiểu rõ, để rơi vào ma đạo, trôi nổi trong sinh tử luân hồi, không giải thoát được.

Nghe vị trụ trì nói vậy, tôi cảm thấy yên tâm và cố gắng chăm chỉ tọa thiền theo phương pháp chỉ dẫn.

Trước khi đi xa hơn, tôi muốn nhắc qua về lịch sử Thiền tông Nhật Bản. Thiền tông du nhập vào xứ tôi từ lâu, có lẽ từ khi đạo Phật truyền vào đây. Lịch sử ghi nhận vào năm 552, quốc vương xứ Triều Tiên đã cho người mang triều cống Nhật Bản một số kinh sách, tượng Phật và sau đó Hoàng đế Nhật đã gửi người qua Triều Tiên, Trung Hoa để hỏi thêm về Phật pháp. Vào năm 654, ngài Đạo Chiêu (Dosho), một đệ tử của ngài Huyền Trang bên Trung Hoa, đã qua Nhật giảng dạy về thiền tại thành phố Nara. Sau đó các thiền sư khác như Đạo Tuân (Dosen), Nghĩa Không (Giku), Đạo Long

(Doryu), Tố Nguyên (Sogen), Nhật Ninh (Ichinei) đều lần lượt được mời sang giảng dạy về thiền nhưng lúc đó Thiền tông vẫn chưa phát triển được bao nhiêu. Có người cho rằng các thiền sư trên chỉ đến giảng dạy một thời gian rồi trở về nước chứ không có ý định xây dựng, phát triển Thiền tông tại đây. Cũng có dư luận cho rằng phương pháp giảng dạy của các thiền sư Trung Hoa lúc đó không phù hợp với phong hóa Nhật Bản nên không được quần chúng đón nhận nhiệt thành. Phải chờ đến khi hai vị sáng tổ của Thiền tông Nhật Bản là ngài Vinh Tây (Eisai) và Đạo Nguyên (Dogen) qua Trung Hoa tu học, trở về hoằng pháp thì thiền tông mới phát triển mạnh mẽ, ảnh hưởng đến mọi sinh hoạt của người dân xứ này.

Tổ Vinh Tây (Eisai Myoan 1147 – 1215) là một vị cao tăng tu ở núi Hiei, một trung tâm Phật giáo nổi tiếng của Nhật Bản lúc đó. Trước khi qua Trung Hoa ông đã là một luận sư rất giỏi. Ông nghiên cứu nhiều kinh điển nhưng không thỏa mãn với lời giải thích của các danh sư đương thời nên qua Trung Hoa tìm thầy học thêm. Ông du hành nhiều nơi, theo học với các cao tăng của Thiên Thai Tông, Chân Ngôn Tông, Tịnh Độ Tông, nhưng vẫn không thỏa mãn cho đến khi gặp các thiền sư thuộc dòng Lâm Tế tại núi Thiên Đồng thì bao nghi ngờ đều được giải đáp cả. Ông sống tại đây nhiều năm để học hỏi thêm, hàng ngày theo chư tăng làm các công việc thường nhật như chẻ củi, giã gạo, canh tác theo đúng tinh thần thiền môn là «một ngày không làm là một ngày không ăn». Núi Thiên Đồng còn là nơi nổi tiếng sản xuất các loại trà (hai loại trà Long Tỉnh và Thiết Quan Âm đều phát xuất từ đây) nên hiển nhiên ông đã học được cách trồng trà. Khi trở về Nhật, ngoài việc giảng dạy thiền, Vinh Tây còn mang hạt giống trà về trồng và khởi xướng nghệ thuật uống trà tại đây, do đó người Nhật đã coi ông như tổ sư khai sáng dòng Lâm Tế Nhật Bản và cha đẻ ra nghệ thuật trồng trà, uống trà.

Vinh Tây là người có công rất lớn trong việc phát triển thiền học tại Nhật. Ông chủ trương thiền học chính là phương pháp khai phóng sức mạnh của dân tộc. Ông soạn thảo bộ Hưng thiền hộ quốc để làm tài liệu giảng cho học trò. Theo ông thì đạo Phật không giới hạn trong phạm vi của các tu viện mà phải thể nhập vào đời sống của đại chúng. Một quốc gia sở dĩ hưng thịnh được là nhờ những người trong đó biết tu tỉnh, biết sống trong tỉnh thức, biết ý thức tinh thần trách nhiệm và đạo đức. Ông chủ trương từ giai cấp lãnh đạo cho đến thứ dân đều phải thực tập thiền định, ngay các hiệp sĩ (Samurai) cũng phải biết tự chủ qua phương pháp thiền tập. Ông viết : «Nhờ làm chủ được mình mà mọi ý nghĩ, hành động của họ đều phản ảnh phần nội tâm phong phú, nhân cách điềm đạm, đo đó người hiệp sĩ có thể tìm thấy 'hành trong vô hành, động trong bất động', ung dung tự tại trước ngoại vật, ngay

cả cái chết cũng không thể làm họ nao núng được ». Cuốn Hưng thiền hộ quốc trở nên cuốn sách gối đầu giường của giai cấp hiệp sĩ lúc đó và mở đường cho phong trào võ sĩ đạo (Bushido) sau này. Ngoài ra người ta còn thấy ảnh hưởng của Vinh Tây trong văn học, thi ca, kịch nghệ, hội họa, nghệ thuật cắm hoa, uống trà nữa. Chính nhờ Vinh Tây mà Thiền tông đã gắn liền với đời sống của người dân xứ này và chính nhờ biết thực tập thiền định mà người dân xứ này đã hun đúc được một lý tưởng quốc gia dân tộc mạnh mẽ đến ngày nay.

Tổ Đạo Nguyên (Dogen 1200 – 1253) xuất thân trong một gia đình quí tộc. Khi nhỏ, ông đã tỏ ra là người thông minh dĩnh ngộ. Lúc lên bốn tuổi đã đọc được thơ văn Trung Hoa và năm lên chín đã bắt đầu soạn thảo tài liệu về Phật học bằng tiếng Trung Hoa. Vì cha mẹ mất sớm khi ông còn nhỏ nên ông đã sớm suy gẫm về lý vô thường của cuộc đời. Các tác phẩm ông viết năm lên mười tuổi đã phản ảnh rõ ràng tâm trạng này. Năm mười hai tuổi, ông thọ giới xuất gia tại một ngôi chùa ở núi Hiei. Mặc dù còn nhỏ nhưng ông đã có những nhận xét xác đáng. Khi thấy phần lớn các tăng sĩ chỉ chú trọng vào việc cầu siêu, cầu an hoặc ủng hộ các gia đình thế gia vọng tộc chứ không chú tâm vào việc tu hành để giải thoát, ông đã đặt những câu hỏi mà các tăng sĩ lớn tuổi trong tu viện không thể trả lời. Năm mười lăm tuổi, ông thắc mắc: «Nếu như kinh đã nói, nếu chúng sinh đều sẵn tánh Bồ Đề, thì tại sao chư Phật phải nỗ lực mới đạt ngộ?» Vì không một vị sư nào ở núi Hiei lúc đó có thể giải thích thỏa đáng câu hỏi trên nên Đạo Nguyên lên đường đi khắp Nhật Bản tìm các danh sư khác để tham vấn. Lúc đó Tổ Vinh Tây ở Trung Hoa trở về, đang truyền bá giáo lý Lâm Tế ở chùa Kenninji nên ông tìm đến. Cuộc gặp gỡ giữa hai vị tổ Thiền tông của Nhật Bản diễn ra như sau :

Đạo Nguyên bước vào xin gặp Vinh Tây và đặt ngay câu hỏi. Vừa nghe xong, Vinh Tây ung dung trả lời: «Không Phật nào biết, chỉ có hàng thô lậu biết mà thôi », ngụ ý chư Phật không còn nghĩ đến có hay không có bản tánh Bồ Đề, chỉ có hạng người mê hoặc mới nghĩ đến những điều như thế. Vừa nghe xong, bao thắc mắc từ bấy lâu nay đều tiêu tan cả nên Đạo Nguyên sụp xuống lạy và xin được ở lại chùa Kenninji tu học dưới sự hướng dẫn của Vinh Tây. Cuối năm đó tổ Vinh Tây qua đời, Đạo Nguyên tiếp tục tu học dưới sự hướng dẫn của các đệ tử lớn của Vinh Tây. Ông đã hoàn tất một số công án và được thiền sư Myozen, vị kế nghiệp của Vinh Tây, ấn chứng cho. Mặc dù được thế, Đạo Nguyên vẫn cảm thấy trong lòng có nỗi bất an nên ông tìm đường qua Trung Hoa học hỏi thêm.

Ông đi khắp Trung Hoa, dừng chân ở các thiền viện nổi tiếng, tu tập dưới sự dẫn dắt của rất nhiều vị thầy nhưng vẫn chưa hoàn toàn thỏa mãn cho đến khi ông gặp Thiền sư Như Tịnh (Nyojo) thuộc dòng Tào Động chỉ cho ông phương pháp Chỉ Quán Đả Tọa (Shikan – Taza), một hình thức tọa thiền không tham công án cũng không theo dõi hơi thở. Ông chăm chỉ thực hành phương pháp này ngày đêm không mệt mỏi. Một hôm trong buổi thiền tập, Như Tịnh bắt gặp một vị tăng đang ngủ gật, ông bèn quở trách vị này không hết lòng cố gắng rồi quay qua tăng chúng trong thiền đường, khuyên: «Các ông phải dùng tất cả sức mạnh của mình, ngay cả hy sinh mạng sống nữa, muốn giác ngộ hoàn toàn, các ông phải xả bỏ thân tâm». Khi nghe đến cuối câu này, Đạo Nguyên bỗng liễu ngộ. Ông cảm thấy trong lòng sảng khoái, hoan hỉ lạ thường; bao thắc mắc, các nỗi bất an đều tiêu tan cả. Hôm sau, ông bước đến phòng thầy đốt một nén nhang và quì lạy. Như Tịnh vốn đã biết rõ căn cơ Đạo Nguyên, nay nhìn thấy học trò mình đã đại ngộ qua cách đi đứng, quì lạy nên giả vờ hỏi: «Tại sao con lại thắp nhang?» Đạo Nguyên đáp:«Kính thưa thầy, con đã xả bỏ thân tâm». Như Tịnh bèn lập lại: «Con đã xả bỏ thân tâm. Thân tâm thực đã xả bỏ». Đạo Nguyên bèn trách: «Xin thầy đừng ấn chứng cho con một cách dễ dàng như vậy». Như Tịnh thản nhiên: «Ta có ấn chứng dễ dàng thế đâu». Đạo Nguyên lắc đầu: «Xin thầy chỉ cho con thầy không ấn chứng dễ dàng». Như Tịnh đáp: «Đây là xả bỏ thân tâm». Đạo Nguyên cảm động quì sụp xuống lạy thầy một lần nữa. Như Tịnh hài lòng gật đầu và nói: «Đó là xả bỏ cái xả bỏ». Mặc dù đã được thầy ấn chứng nhưng Đạo Nguyên vẫn tiếp tục tu học với Như Tịnh thêm hai năm nữa trước khi từ giã thầy lên đường về nước.

Tuy được coi là người đã mang giáo lý Tào Động từ Trung Hoa về truyền bá tại Nhật nhưng thật ra Đạo Nguyên không hề có ý định thành lập môn phái. Nếu nghiên cứu kỹ các bài giảng của ông, người ta thấy ông không hề bị ràng buộc vào giáo lý Tào Động. Ông đã sử dụng nhiều phương pháp khác nhau, và nếu cần, sẵn sàng vay mượn phương pháp của các dòng khác như Lâm Tế, Hoàng Bá, Ngưu Đầu. Ông chủ trương «tùy bệnh cho thuốc», tùy căn cơ học trò mà giảng dạy. Ông cho rằng người tu thiền có thể tạm chia ra làm bốn loại. Loại thứ nhất là những người không có lòng tin tưởng sâu xa nhưng nhờ duyên nghiệp mà đến với thiền. Loại thứ hai là những người chỉ mong nhờ tu thiền mà cải thiện sức khỏe, cả thể xác lẫn tinh thần. Loại thứ ba là những người có lòng tin, muốn đi theo con đường của đức Phật, và loại thứ tư là những người không những đã có lòng tin mà còn có tinh thần dũng mãnh, quyết tâm thực hiện chân ngã của mình, để đạt đến giác ngộ giải thoát. Tùy học trò thuộc loại nào mà ông giảng dạy cho họ phương pháp tọa thiền nào thích hợp nhất cho từng người.

Đạo Nguyên là một trong những thiền sư siêu việt nhất của Nhật Bản. Ông dạy đạo một cách mãnh liệt nhất bằng chính thái độ sống của mình. Ông viết bộ Chánh pháp nhãn tạng (Shobogenzo) đề cập quan niệm sống, từ những việc nhỏ nhặt, giản dị nhất như cách thực hiện phương pháp vệ sinh trong tu viện đến những quan niệm lớn lao, trừu tượng hơn như sự tương quan giữa con người với thiên nhiên, vũ trụ. Khi được triều đình mời vào giảng dạy, ông hăng say cổ súy việc tu tập thiền định tại đây. Khi thấy những người cầm quyền chỉ coi thiền như một thứ giải trí, ông lập tức bỏ đi và than: «Phật pháp là thực hành, không phải để nói suông». Vào lúc đó, phần lớn các tăng sĩ đều dựa vào thế lực của triều đình, việc được mời đến giảng dạy cho vua chúa là một vinh dự rất lớn, có thể đưa đến việc triều đình cấp ruộng nương, đất đai để lập tu viện. Thái độ bất khuất, thẳng thắn của ông đã khiến cho các tu viện lúc đó ngần ngại không dám chứa chấp ông. Một số tăng sĩ còn lên tiếng chỉ trích ông nữa nhưng người ta càng chỉ trích ông bao nhiêu, danh tiếng của ông lại càng nổi lên như cồn bấy nhiêu. Ông đến tỉnh Echizen, đích thân quyên góp tiền bạc của dân chúng để dựng một cảnh chùa riêng, không cần đến sự giúp đỡ của triều đình. Số người kéo đến xin tu học với ông rất đông. Ông thường nói: «Đừng chờ lúc khát mới đào giếng, đừng chờ lúc già mới học đạo, mà phải nỗ lực tinh tấn tu hành ngay trong lúc này. Nếu kiếp này không ngộ thì còn chờ đến kiếp nào?» Thấy uy tín của ông mỗi ngày một lớn, triều đình cho người cầm chứng thư đến phủ dụ, trong thư hứa sẽ cấp rất nhiều đất đai, ruộng nương cho ông nhưng ông từ chối. Nhờ thế danh tiếng của ông lại càng nổi hơn, số người kéo đến xin xuất gia với ông rất đông nhưng ông nói: «Không phải vào chùa mới là tu mà phải biết tu trong mọi hoàn cảnh». Cũng như Vinh Tây, Đạo Nguyên chủ trương thiền phải được thể hiện ngay trong đời sống hàng ngày và trong kinh nghiệm cá nhân. Khi sứ quân Tokiyori hỏi ông có cách nào giảng về thiền một cách thật ngắn và thật dễ hiểu không, ông đã trả lời: «Đi, đứng, nằm, ngồi đều là thiền cả». Có thể nói nhờ Đạo Nguyên mà sự giản dị, thanh khiết và thành thật đã ảnh hưởng rất nhiêu đến người dân xứ này.

Ngày nay một số người thường phân biệt phương pháp giảng dạy giữa hai dòng Tào Động và Lâm Tế. Họ cho rằng Tào Động chú trọng về tọa thiền trong khi Lâm Tế chủ trương tham công an. Thật ra cả hai phái đều chú trọng đến sự tọa thiền cũng như tham công án. Tổ Đạo Nguyên trước khi qua Trung Hoa đã từng tu học với Tổ Vinh Tây, đã từng tham công án trong tám năm và được ấn chứng bởi các thiền sư Lâm Tế. Sau khi học được phương pháp Chỉ Quán Đả Tọa của phái Tào Động tại Trung Hoa, ông đã trở về Nhật giảng dạy cho các môn đệ của mình nhưng ông đã mang theo bộ Bích Nham Lục, gồm một trăm công án làm tài liệu giảng dạy thêm. Ngoài

ra ít lâu sau ông còn soạn thêm cuốn Niêm bình tam bách tắc (Nempyo Sambyaku Soku) gồm ba trăm công án nữa để làm sáng tỏ phương pháp giảng dạy của mình. Ngay trong bộ sách Chánh pháp nhãn tạng của ông cũng chứa đựng rất nhiều công án, do đó không thể nói phái Tào Động chỉ chú trọng đến tọa thiền mà thôi. Có lẽ vì phương pháp Chỉ Quán Đả Tọa là một phương pháp rất cao, thuộc Tối Thượng Thiền (Saijojo), những kẻ thiếu nhiệt tâm khó lòng tu tập nên các thiền sư dòng Tào Động đã phương tiện dẫn dắt người mới nhập môn tập đếm hơi thở (sổ tức) để cho tâm được hợp nhất, sau đó họ giảng dạy cách tham công án để phá tung các vướng mắc của lý trí, tư tưởng, quan niệm, thành kiến, và sau cùng mới dạy Chỉ Quán Đả Tọa để kiến tánh.

Chỉ Quán Đả Tọa (Shikan Taza) là một phương pháp thực hành của phái Tào Động mà tổ Đạo Nguyên đã mang từ Trung Hoa về. Đây là cách tọa thiền không đếm hơi thở cũng như không tham công án, mà chỉ tập trung nỗ lực vào việc ngồi mà thôi (đả tọa). Dĩ nhiên điều này rất khó vì tâm dễ bị xao lãng nếu không được tập trung vào sự đếm hơi thở hay vào công án. Đả tọa là cách ngồi sao cho thật ung dung, không vội vã, ngồi thoải mái vững vàng như núi và linh mẫn như nước. Nói một cách khác, đó là một tâm trạng tập trung cao độ nhưng không quá căng thẳng và dĩ nhiên không giải đãi. Tổ Đạo Nguyên đã diễn tả tâm trạng này như sau: «Đó là tâm trạng của một kiếm sĩ đang thủ thế trước một địch thủ lợi hại, ông ta phải hết sức đề cao cảnh giác, không ngừng theo dõi từng bước đi, từng cử động nhỏ của đối thủ. Mỗi người đều chuẩn bị xuất chiêu và sự thiếu cảnh giác, dù chỉ trong giây phút thôi, cũng đem lại cái chết. Trong lúc đó có một đám đông người tụ tập theo dõi cuộc đấu kiếm. Dĩ nhiên vì mắt không mù nên kiếm sĩ nhìn thấy họ rất rõ; vì tai không điếc nên kiếm sĩ nghe rõ những lời khen chê của họ, nhưng ông ta phải biết làm chủ tâm mình, không để ngoại cảnh chi phối dù chỉ trong phút chốc, vì sai một giây thôi cũng đủ mất mạng rồi. Do đó một kiếm sĩ phải biết sử dụng kiếm một cách ung dung, không quá gắng sức, chỉ khi cần thiết mới nỗ lực xuất chiêu thôi. Chỉ Quán Đả Tọa là thế đó. Lúc mới tập ai cũng gắng sức và căng thẳng nhưng khi công phu đã chín muồi thì sự căng thẳng từ từ biến đi và thay bằng sự ung dung thoải mái, dĩ nhiên vẫn có sự chú tâm đầy đủ. Giống như bực kiếm sư sử dụng kiếm không hề gắng sức, không hề suy tính chiêu thức vì kiếm và người đã là một, thân và tâm đã nhất như thì Chỉ Quán Đả Tọa cũng như thế, không còn phương tiện, không còn cứu cánh mà tất cả chỉ là một. Do đó chư Phật quá khứ cũng như vị lai đều thực hành phương pháp này vì nó biểu lộ sự sống tuyệt đối, sự sống trong các hình thức tinh khiết nhất. Nó không dính dáng gì đến việc phải nỗ lực, cố gắng để đạt ngộ giải thoát hay bất cứ một đối tượng nào

khác. Nó hoàn toàn vô cầu, vô niệm. Thực hành thiền như thế chính là thể hiện Chân tánh không hề ô nhiễm của mình và đó chính là Thiền Tối Thượng Thừa ».

Vì chùa Chuoji chỉ mở các khóa tu thiền vào lúc cuối tuần nên một người bạn đã nói với tôi rằng người ta không thể tiến bộ gì nhiều nếu chỉ tu một cách «tài tử» vào lúc cuối tuần như vậy. Theo bà, muốn tiến nhanh hơn, người ta cần phải tham dự những tuần lễ Nhiếp Tâm (Zazen Sessin) vì trong tuần lễ này, thiền sinh phải nỗ lực công phu, ngày cũng như đêm, vượt qua những trở ngại để chứng ngộ. Tôi được biết tại Maruyama có một thiền viện thuộc dòng Lâm Tế, thường mở những tuần lễ nhiếp tâm mỗi năm hai lần. Trong tuần lễ này, thiền sinh nỗ lực tham cứu công án và được Thiền sư Joten, một trong những thiền sư nổi tiếng của phái Lâm Tế lúc đó, hướng dẫn. Có ba cách tu tập : Thính tham (Sosan) là những buổi giảng chung mà các thiền sinh phải tham dự để nghe các thiền sư dạy về phương pháp tu tập. Độc tham (Dokusan) là sau khi nỗ lực tu tập, thiền sinh được đưa đến gặp riêng các thiền sư vào những giờ phút qui định trước, để trình bày kiến giải của mình cho thầy nghe. Đặc tham (Naisan) là bất cứ lúc nào học trò cần trình bày kiến giải hay có những nghi tình, thắc mắc khẩn cấp cần phải vào gặp riêng thầy vào những giờ phút không qui định trước. Mùa thu năm ấy, tôi ghi tên tham dự tuần lễ nhiếp tâm tại chùa Zuryuji thuộc tình Maruyama.

Đó là một ngôi chùa cổ nằm ở ngoại ô thành phố, mái phủ đầy rong rêu, trước cổng có treo một tấm bảng gỗ nét chữ đã phai mờ, phải nhìn kỹ mới thấy được chữ « Zuryuji ». Thiền đường trần thiết giản dị với một tượng Phật bằng gỗ, nét khắc đơn sơ mộc mạc, trên vách có một bức tranh lớn vẽ tổ Bồ Đề Đạt Ma đang quảy chiếc dép đi về phương tây. Quanh vách là những bục gỗ được đóng cao lên để thiền sinh tọa thiền. Chúng tôi được vị tri khách tăng chỉ dẫn cẩn thận về cách thức đi đứng, sinh hoạt trong tuần lễ nhiếp tâm:

- Quí vị nên biết, đây là một cơ hội hiếm có mà trong đó quí vị sẽ cố gắng để đạt đến giác ngộ (Satori). Thời gian sắp đến rất quan trọng và đòi hỏi nỗ lực phi thường, do đó tôi yêu cầu quí vị hãy nghỉ ngơi sớm để sáng mai khi khóa nhiếp tâm bắt đầu, quí vị sẽ có đủ sức theo đuổi. Nếu quí vị không cố gắng trong khóa tu này thì quí vị còn chờ đến bao giờ? Trong tuần lễ này, tất cả mọi người phải tuyệt đối giữ im lặng, không được nói chuyện hay gây tiếng động, làm phiền người khác. Thời khóa tu tập đã được ấn định, giờ

giấc ăn ngủ, nghỉ ngơi đều có ghi rõ trong lịch trình tu học và sẽ có chuông báo, quí vị phải tuyệt đối tuân lệnh những vị tăng phụ trách...

Khóa Nhiếp Tâm (Zazen Sassin) bắt đầu từ sáng sớm với nghi thức phổ thông trước khi chuyển qua phần thính tham (Sosan). Thiền sư Joten, người hướng dẫn khóa tu, là một vị tăng có nét mặt oai nghi và nghiêm khắc. Ông im lặng chờ mọi người an tọa rồi mới đưa mắt nhìn quanh thiền đường như để nhận diện từng người một trước khi lên tiếng :

- Trong khóa tu này quí vị phải cố gắng tìm hiểu về thiền. Có lẽ quí vị đã từng nghe, từng đọc, từng đàm luận về thiền rồi nhưng cái thứ thiền trên sách vở, trên đầu môi chót lưỡi đó chẳng có ích lợi gì cho quí vị cả. Càng nói nhiều về thiền, quí vị càng dễ đắm đuối. Càng nghe nhiều về thiền, quí vị càng thêm nhức óc nếu quí vị không thực sự tự mình cố gắng tìm hiểu xem thiền là gì. Người ta không thể hiểu Phật pháp qua kiến văn quảng bác hay các lý luận cao siêu được. Nếu lý luận có thể giải thích được thì đó chỉ là một mớ kiến thức chứ chẳng phải Phật pháp. Nếu quí vị không nhất quyết một lòng tu tập thì chẳng bao giờ quí vị có thể giải thoát được.

Ông im lặng một lúc như để lời nói ăn sâu vào tâm thức mọi người rồi mới tiếp tục :

- Trong tuần lễ Nhiếp tâm này, chúng ta sẽ bắt đầu bằng công án «Vô» của Triệu Châu như sau: Một tăng sĩ đến gặp Triệu Châu và hỏi: «Thưa thầy, con chó có Phật tánh không?» Triệu Châu trả lời: «Vô». Bây giờ quí vị hãy chuyên tâm vào chữ «Vô» này và tìm hiểu xem ý nghĩa của nó như thế nào. Dĩ nhiên nghĩa đen của nó là «không» nhưng thực ra lời giải đáp của Triệu Châu không nằm ở chỗ đó. Quí vị phải cố gắng tham cứu công án để tìm ra cái cốt tủy của chữ “Vô” này. Quí vị sẽ thấy rằng mọi lý luận, phân tích bằng lý trí đều vô hiệu vì ý nghĩa đích thực của nó không thể tìm kiếm được bằng lý trí. Quí vị hãy xếp bằng, thở hít thật đều đặn và thầm đọc chữ «Vô» ở trong tâm. Hãy cố gắng tập trung mọi năng lực trong người vào chữ «Vô» này, đừng nghĩ đến ý nghĩa của nó, đừng tìm hiểu bằng lý luận, hãy tập trung nỗ lực để trở thành một với nó đã. Chỉ khi nào hòa nhập được với «Vô» rồi thì quí vị mới bắt đầu tự hỏi : «Vô là gì hay nó có thể là cái gì?» và sau đó tập trung mọi năng lực trong người vào câu hỏi đó cho đến khi nó bùng vỡ ra và từ đó mọi sự sẽ tự nó giải quyết. Khi đó quí vị sẽ vào độc tham với tôi để chứng minh một cách đích thực rằng quí vị đã hiểu «Vô» là gì. Trong khi tu tập, điều quan trọng nhất là quí vị phải giữ công án này trong tâm, ngày cũng như đêm, sáng cũng như tối, đi, đứng, nằm, ngồi đều

phải chú tâm nơi công án, không được nghĩ bất cứ một điều gì khác. Phải sử dụng tất cả mọi năng lực trong người để giữ nó trong tâm, tuyệt đối không được xao lãng vì một phút ngập ngừng là hỏng hết công phu rồi. Chỉ một giây lơ đễnh quí vị có thể đi xa cả ngàn dặm, do đó trong việc tham công án, quí vị phải hết sức đề cao cảnh giác. Phải biết gạt bỏ mọi vọng niệm mà chỉ chuyên nhất vào chữ «Vô» mà thôi.

Một tiếng chuông vang lên báo hiệu phần thính tham đã chấm dứt. Các thí sinh xếp bằng quay mặt vào vách và bắt đầu việc tham công án. Vì đã từng tọa thiền từ trước nên tôi cảm thấy thoải mái ngay với cách ngồi này nhưng không phải ai cũng như vậy. Nhiều người không quen cứ phải thay đổi cách ngồi, co chân duỗi tay, gây trở ngại không ít cho việc tập trung của người khác. Sau khi hơi thở đã điều hòa, tôi bắt đầu tập trung tư tưởng vào công án. Vì đây là lần đầu tham công án nên trí óc của tôi chưa thuần thục, nó cứ xoay chuyển tìm đủ mọi cách để giải công án này qua sự suy luận quen thuộc của nó nhưng vì đã được cảnh cáo trước nên tôi cố gắng loại bỏ những tư tưởng xáo trộn này. Thoạt nghe thì tưởng dễ nhưng thật ra đâu là việc không dễ chút nào, tôi cứ phải phấn đấu để loại bỏ những lý luận này mãi nên chỉ một lúc sau mồ hôi của tôi đã toát ra như tắm. Bình thường tôi có thể ngồi thiền khá lâu, nhưng lần này chỉ khoảng tàn một nén nhang tôi đã cảm thấy mệt mỏi vô cùng. Tôi cố gắng tập trung định lực vào chữ «Vô» nhưng không hiểu sao đầu óc của tôi cứ muốn nổ tung lên. Mọi ngày khả năng tập trung của tôi rất mạnh, nhưng lần này nó không theo mệnh lệnh của tôi nữa. Hơi thở của tôi tự nhiên tán loạn, đầu óc của tôi trở nên mơ hồ. Đúng vào lúc tôi cảm thấy gần như không kiểm soát nổi thì có tiếng gió rít ngang tai và chiếc Tỉnh Thức Côn bằng gỗ đã đập mạnh vào lưng tôi. Tiếng vị tăng kiểm soát (Godo) vang lên :

- Hãy cố gắng tập trung, đừng tách rời công án dù chỉ một thoáng giây.

Lạ lùng thay, cái đánh bằng Tỉnh Thức Côn có một mãnh lực kỳ lạ làm tôi như thoát khỏi cơn mê. Tôi vội ngồi thẳng người lên, hít một hơi dài để lấy sức rồi tiếp tục tập trung tư tưởng vào chữ «Vô». Về sau này tôi nghe nhiều người phàn nàn về việc bị đánh bằng chiếc gậy này khi họ ngủ gật hay xao lãng tâm thân, có người đã tỏ ra bất mãn khi bị đánh như vậy. Theo tôi thì đây là một phương pháp rất hay nhằm mục đích làm thức tỉnh những năng lực đang bị tán loạn hoặc hôn trầm khiến người tu tích cực trong việc tu tập hơn. Một số nhà phê bình người Âu cho việc đánh bằng Tỉnh Thức Côn là dã man, hung bạo, không hợp với tinh thần từ bi của Phật giáo, nhưng thật ra điều này không đúng. Tỉnh Thức Côn chỉ là cây gậy gỗ dài khoảng một

thước, một đầu dẹp trông giống như mái chèo, được chế tạo bằng gỗ mềm nên dù có đánh mạnh cũng không thể gây thương tích cho ai được. Nên nhớ mục đích của cây gậy này không phải để trừng phạt mà chỉ để thức tỉnh người đang buồn ngủ, khuyến khích kẻ đang mệt mỏi, và cảnh tỉnh một người đang xao lãng thân tâm. Vị tăng sử dụng Tỉnh Thức Côn thường là một người nhiều kinh nghiệm, được huấn luyện cẩn thận để làm việc này và ông rất ý thức mỗi khi vung gậy lên đánh chứ không hung hăng gây bạo hành như nhiều người thường nghĩ. Thông thường người bị đánh chắp tay giơ lên để tỏ lòng biết ơn và vị tăng đi kiểm soát cũng cúi đầu đáp lễ trong tinh thần tương thân tương kính.

Một tiếng chuông vang lên báo hiệu buổi thiền tập đầu tiên đã chấm dứt, tôi nghe có nhiều tiếng thở phào nhẹ nhõm. Theo sự hướng dẫn của vị tăng, mỗi người thong thả xoa nắn chân tay cho đỡ mỏi một lúc rồi sắp hàng để đi kinh hành (Kihin) quanh thiền đường. Sau buổi kinh hành, chúng tôi được nghỉ ngơi khoảng nửa giờ trước khi vào thiền đường tiếp tục tham cứu công án. Vì là tuần lễ Nhiếp Tâm nên mỗi ngày có tất cả bảy buổi thiền tập như vậy từ sáng đến khuya, trong khi các khóa thiền tập khác thường chỉ có khoảng ba hay bốn buổi thiền tập là nhiều. Ngoài các thời khóa công phu, mọi người được nghỉ ngơi, ăn uống hay tắm rửa nhưng họ được căn dặn phải giữ tuyệt đối yên lặng và chú tâm vào công án. Trong ngày đầu đa số chưa quen nên ai nấy đều mệt lả nhưng bước sang ngày thứ hai, tôi thấy nhiều người đã cố gắng tu tập một cách kiên trì và đến ngày thứ ba thì thiền sinh chia làm hai nhóm rõ rệt, một nhóm chăm chỉ gắng sức tham công án bất kể mệt mỏi và một nhóm chỉ cố gắng làm sao để có thể theo kịp các thời khóa mà thôi. Về phần tôi tuy không gặp khó khăn trong tư thế ngồi nhưng lại gặp trở ngại trong việc tham công án, hàng trăm ý tưởng kỳ lạ cứ nảy sinh trong đầu óc khiến nhiều lúc tôi cảm thấy mệt mỏi, chỉ muốn bỏ cuộc. Đây là một sự lạ vì tôi là một người đã có khả năng tập trung khá cao nhưng có lẽ cũng chưa quen với lối tọa thiền tham công án này. Việc đưa ra một đề tài đã kích thích khả năng lý luận của tôi, khiến đầu óc tôi cứ khổ công phấn đấu để loại bỏ các tạp niệm này. Sự tranh chấp giữa các ý niệm lăng xăng khiến tôi cảm thấy vô cùng mệt mỏi, nhưng lần nào cũng thế, mỗi khi sắp sửa xao lãng thì vị tăng cầm tỉnh thức côn đã bước đến đập nhẹ vào vai tôi :

- Bà phải cố gắng chiến đấu mãnh liệt thêm nữa.

Tôi thầm nghĩ tại sao tọa thiền lại là một sự chiến đấu? Người ta há chẳng nói thiền là ngồi yên tĩnh hay sao? Tôi đã từng ngồi yên tĩnh lặng được kia

mà, tại sao trong lối tu này lại phải chiến đấu như thế? Đang mải mê suy nghĩ thì vị tăng bước lại ghé sát vào tai tôi nói lớn:

- Đừng mất thì giờ thắc mắc làm gì, hãy tập trung vào «Vô» thôi. Đó là điều duy nhất cần làm lúc này, chỉ vậy thôi.

Cứ thế mỗi ngày chúng tôi tiếp tục tham công án như vậy nên đầu óc của tôi mỗi lúc một căng thẳng, hơi thở của tôi không còn nhẹ nhàng thoải mái mà trở nên hổn hển gấp rút khác thường. Tuy nhiên tôi không phải là người duy nhất vì hầu như ai nấy đều gặp khó khăn tương tự. Khắp thiền đường đầy những hơi thở dồn dập nặng nề, thỉnh thoảng lại có người kêu lớn «Vô», «Vô» như mê sảng. Vị tăng cầm tỉnh thức côn càng ngày càng mệt nhọc hơn trước, ông đi hết chỗ này đến chỗ khác để nhắc nhở và tùy hoàn cảnh mà ông nhắc mỗi người một cách khác nhau. Có khi ông nói nhẹ nhàng nhưng cũng có khi ông quát lớn và đến những ngày cuối thì gần như ai nấy đều mệt lả, không thể kiểm soát được nữa. Thiền đường trở nên một «bãi chiến trường» với những tiếng kêu gần như tuyệt vọng: «Vô», «Vô»... Ai nấy đều cố gắng giữ tư thế để tránh khỏi gục xuống sàn vì kiệt sức. Tôi cố gắng tập trung tư tưởng nhưng không thể bám víu vào chữ «Vô» được vì hầu như nó và tôi vẫn còn một khoảng cách kỳ lạ nào đó. Tôi nắm chặt hai tay lại, vận dụng tất cả sức bình sinh để giữ công án trong tâm nhưng càng cố gắng bao nhiêu nó càng tuột ra bấy nhiêu. Mồ hôi toát ra như tắm, tôi nghiến chặt răng lại nhưng năng lực trong người tôi dường như biến đâu mất hết. Tôi cảm thấy như đang rơi vào một trạng thái kỳ lạ, không còn kiểm soát được mình nữa.

Một tiếng chuông vang lên báo hiệu buổi tập thiền đã chấm dứt, mọi người vội vã xoa bóp chân tay và chuẩn bị cho phần độc tham (Dokusan). Vì là lần đầu còn bỡ ngỡ, tôi không biết phải làm gì hay thu xếp để trình bày sự hiểu biết của mình như thế nào. Chúng tôi đi dọc theo hành lang ra hậu liêu rồi chắp tay chờ đến lượt vào độc tham với thiền sư Joten. Tôi chẳng biết mình đã chờ đợi bao lâu vì lúc đó đầu óc tôi hết sức mệt mỏi vì tập trung quá độ, thân thể kiệt quệ thiếu điều đứng không nổi nữa. Vị tăng phụ trách ra hiệu cho tôi bước vào một căn phòng nhỏ ở cuối dãy. Dưới ánh nến leo lét, tôi thấy thiền sư Joten đang ngồi yên lặng chờ đợi. Lúc đó tôi không biết phải làm gì hay tuân theo một nghi thức nào. Bao nhiêu điều được dặn dò trước khi vào độc tham tôi đều quên hết nhưng dường như có một động năng nào đó thúc giục, tôi thu hết can đảm bước thẳng đến chỗ thiền sư Joten ngồi và nói lớn:

- Bạch thầy, tâm chính là đạo.

Vừa thốt xong câu đó tôi bỗng giật mình không hiểu tại sao mình lại nói như vậy. Đó không phải là một câu nói ngẫu nhiên, nhưng là điều mà tôi đã cảm nhận được khi thực hành những nghi thức tẩy uế bằng nước lạnh (Misogi) ở Hokkaido. Tôi nghĩ rằng đó là một kinh nghiệm về sự giác ngộ (Satori) qua công phu tu tập nhiều năm mà tôi vẫn ấp ủ trong đáy lòng nhưng chưa có dịp bày tỏ. Không hiểu sao trong giây phút bất ngờ, tôi lại thốt ra như vậy. Vừa nghe tôi nói thế, thiền sư Joten đã nghiêm nghị trả lời ngay:

- Đó là một lý thuyết sai lầm.

Câu nói lạnh lùng làm tôi chưng hửng như vừa bị dội một gáo nước lạnh lên người. Có thể như vậy sao? Tôi toan cãi rằng đó không phải là một lý thuyết nhưng là sự cảm nhận, trực ngộ qua công phu tu tập từ trước của tôi nhưng trước ánh mắt nghiêm trang của thiền sư Joten, không hiểu sao tôi lại giữ thái độ im lặng. Thiền sư chăm chú nhìn tôi như chờ đợi phản ứng nhưng không thấy tôi nói gì, ông khoát tay ra hiệu cho tôi lui ra. Tôi đã thất bại trong việc trình bày kiến giải của mình về công án «Vô». Tôi bước trở về thiền đường trong một tâm trạng chán nản và tuyệt vọng cùng cực. Tôi không biết phải làm gì hay thế nào nữa đây. Công phu tu tập và sự cảm nhận vẫn ấp ủ trong lòng từ trước đến nay bỗng dưng bị gạt bỏ một cách phũ phàng không thương tiếc. Tại sao thiền sư Joten không an ủi hay ban cho tôi một câu nói khích lệ hơn? Phải chăng thiền sư Joten, giống vị lão sư của Thần Đạo chỉ là những người ích kỷ, lạnh lùng đầy những mưu toan, tính toán? Tôi cảm thấy mệt mỏi rã rời, mọi sinh lực trong người gần như mất hết. Tôi cố gắng không lộ vẻ xúc động, bước về chỗ ngồi của mình và giữ im lặng nhưng không hiểu sao công án «Vô» lại tiếp tục ám ảnh đầu óc tôi. Hình như có một cái gì đang phát triển trong tôi, một cảm giác rất vi tế mà tôi không thể hiểu. Tuần lễ nhiếp tâm chấm dứt với một khóa lễ phổ thông. Sau khóa lễ, thiền sư Joten kết thúc bằng một buổi nói chuyện ngắn:

- Trong tuần lễ nhiếp tâm này, một số lớn quí vị chưa nắm vững được ý nghĩa của công án «Vô». Có lẽ quí vị chưa cố gắng hết sức, chưa một lòng một dạ để sống chết với công án này. Một vài người trong quí vị đã tỏ ra hài lòng với kinh nghiệm nhỏ nhặt đạt được trong lúc tu tập nhưng đó chỉ là những chướng ngại mà thôi. Tu thiền phải biết đi đến chung cuộc, phải đạt chứng ngộ mới được chứ không thể có việc đi nửa chừng. Một là quí vị ngộ, hai là không ngộ chứ không thể lưng chừng ở giữa được. Do đó quí vị phải biết chuyên tâm vào công án, dù các vọng niệm nổi lên cứ mặc nó mà chỉ

chú tâm vào công án thôi. Một số quí vị đã mắc lỗi lầm thông thường là cố gắng đè nén các vọng niệm đó xuống, quí vị sẽ không thể thành công như vậy được. Chư tổ đã dạy «Cố đạt đến cái tĩnh bằng cách dẹp cái động thì cái tĩnh lại càng quấy động hơn nữa, càng nỗ lực đè nén cái động bao nhiêu thì kết quả lại càng ngược lại bấy nhiêu». Cái «Vô» của Triệu Châu đối với người chưa quán triệt là một bức tường dày bằng sắt nung đỏ, không ai dám đâm đầu vào đó nhưng nếu dũng mãnh, cố gắng tham công án ngày này qua ngày khác không một phút ngưng nghỉ, thì quí vị sẽ thấy nó chẳng có gì ghê gớm cả...

Vừa nghe đến đó tôi bừng tỉnh và nghĩ rằng có lẽ thiền sư Joten đã nói riêng cho tôi về phương pháp tham công án. Suốt mấy ngày qua tôi chẳng đã nỗ lực đè nén những vọng niệm xuống hay sao, có lẽ vì thế nên tôi rất mệt, nhưng hiện nay tôi đã hiểu và biết đâu tôi chẳng chứng ngộ được trong một thời gian ngắn. Tự nhiên tôi nghĩ việc gì phải chờ đợi đến khóa nhiếp tâm sang năm như vậy, tôi sẽ về nhà tập trung năng lực để giải công án này rồi tới độc tham với thiền sư Joten để vị này ấn chứng cho. Tôi rời chùa Zuiryuji với tâm trạng phấn khởi lạ lùng và chuẩn bị ngay một thời khóa công phu tu tập riêng cho mình. Tôi nghĩ một khi đã nắm được bí quyết thì thời gian chứng ngộ chẳng còn bao lâu, chắc chỉ vài tuần hay vài tháng là nhiều. Để tham cứu công án một cách yên tĩnh, không bị ai quấy phá, tôi quyết định tìm lên một hang động trên núi để tĩnh tu. Gia đình tôi rất ngạc nhiên và khó chịu. Đứa con rể phàn nàn: «Mẹ đã già rồi, sao không tu ở nhà cho thoải mái, bỏ lên núi làm gì cho mệt! Không chừng gặp loài chồn hoang rồi trở lại việc lên đồng nhập cốt thì mệt lắm». Tôi biết thằng con rể vẫn nghi ngờ động năng tu hành của tôi nhưng bất chấp mọi lời khuyên cản, tôi nhất định cắt bỏ mọi ràng buộc với gia đình để tìm đạo. Tôi thương lượng với một người tiều phu mua lại căn lều đổ nát của ông trên núi mà ông không dùng nữa. Đó là một căn lều cỏ dột nát, bẩn thỉu, chỉ trơ trụi một tấm mền rách và một cái bếp bằng đất thấp lè tè nhưng tôi thầm nghĩ: «Đức Phật ngày xưa chỉ có độc một tấm bồ đoàn, ngồi dưới gốc cây bồ đề mà thành đạo được thì một túp lều rách với một cái bếp cũ còn tiện nghi chán». Tôi lập thời khóa công phu để tọa thiền ba lần mỗi ngày, thời giờ còn lại tôi vào rừng nhặt củi mang xuống chợ bán, với số tiền bán củi tôi có thể mua thực phẩm và không phải nhờ cậy gì đến gia đình nữa.

Lúc đầu tôi nghĩ mình có thể chứng ngộ trong vòng một tháng nhưng một tháng trôi qua mà tôi vẫn chưa tiến bộ được chút nào. Tôi cố gắng nỗ lực nhiều hơn nữa, thay vì mỗi ngày ba buổi tọa thiền, tôi gia tăng lên bốn buổi rồi năm buổi. Thời gian tiếp tục trôi, một năm, hai năm đã qua mà tôi vẫn

chưa thấy có sự thay đổi gì. Tôi có ý định trở lại tham dự khóa nhiếp tâm để hỏi thiền sư Joten cho ra lẽ nhưng không hiểu sao tôi lại nghĩ: «Mình đã từng tham dự khóa nhiếp tâm rồi, cũng chẳng có gì lạ, có mỗi công án «Vô» mà giải chưa xong thì tham dự thêm mấy khóa nữa cũng chẳng lợi lộc gì». Tôi nhất định không đến Zuiryuji mà chờ đến khi tự mình chứng ngộ được sẽ đến độc tham với thiền sư Joten. Thời gian cứ tiếp tục trôi. Thấm thoát tôi đã tham công án được bốn năm mà vẫn không thấy tiến bộ gì so với khi trước. Hơn lúc nào hết, tôi bắt đầu sợ hãi và mất niềm tin. Nhiều lúc tuyệt vọng, tôi đã nghĩ đến việc tìm cái chết. Sau cùng tôi tạm ngưng việc tham công án cho đầu óc bớt căng thẳng rồi kiểm điểm lại hành động của mình trong bốn năm qua. Tôi thấy mình đã có cố gắng nhưng không hiểu sao vẫn không thể hòa nhập được với «Vô». Tôi đành kết luận có lẽ nghiệp của mình quá nặng, không thể tu hành tiến bộ được, và muốn tiếp tục tôi phải tìm cách giải trừ các nghiệp chướng này. Tôi không nhớ đã đọc được ở đâu một phương pháp gọi là Lục Độ Ba La Mật (Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí huệ) trong đó hạnh bố thí đứng đầu và làm căn bản cho tất cả những Ba La Mật kia. Để tiêu trừ túc nghiệp, người tu phải lập hạnh Bố thí bằng việc cho đi tất cả những gì mình có như quần áo, thực phẩm, nhà cửa, tài sản, và nếu cần cả thân thể của mình nữa. Trong việc tu thiền, có năm chướng ngại là tham lam, giận tức, hôn trầm, trạo cử và nghi hối. Nhờ thực hành bố thí mà người tu diệt trừ được lòng tham lam. Nhờ phát tâm bố thí một cách trong sạch mà người tu sẽ nhẫn nhục, diệt trừ được sự giận tức. Nhờ phát tâm cầu đạt đạo giải thoát mà người tu siêng năng bố thí do đó diệt trừ được sự lười biếng, hôn trầm. Nhờ khởi tâm trong sạch, kính trọng mọi chúng sinh, chú ý đến hành động của mình để không tạo thêm nghiệp nữa mà người tu diệt trừ được trạo cử. Nhờ biết bố thí như trên mà người tu đạt được phước báu vô lượng, càng được nhiều phước càng vững tin vào sự bố thí mà người tu diệt trừ được nghi hối.

Biết bố thí là căn bản cho mọi hạnh khác. Tôi bèn quyết định thực hành bố thí qua việc chia xẻ những cái mình có với những người chung quanh. Mặc dù sống bằng nghề nhặt củi, lợi tức chẳng bao nhiêu nhưng tôi cố gắng ăn thật ít, để chia xẻ thực phẩm cho những người nghèo và những đứa trẻ thiếu ăn trong xóm. Vào lúc đó, cuộc thế chiến thứ hai đang bước vào giai đoạn trầm trọng, hầu như mọi hoạt động đều đổ dồn vào chiến tranh. Các hãng xưởng sản xuất khí giới hoạt động mạnh, mọi người bị động viên vào việc sản xuất cho chiến tranh, chỉ trừ những người già yếu, bệnh tật hay trẻ nhỏ mà thôi. Tôi gặp Kimura, một cựu quân nhân đã phục vụ trong mặt trận Mãn Châu trở về. Ông này bị nội thương rất nặng thường thổ huyết, không thể làm ăn gì được. Vợ ông lại mang bầu sắp sinh cũng không thể đi làm. Hai vợ

chồng đã bán tất cả những gì họ có, từ đồ đạc, nhà cửa, ruộng nương để mua thực phẩm nuôi thân và sau cùng khi không còn gì nữa, họ gạt lệ rời bỏ căn nhà hương hỏa đã lọt vào tay kẻ khác, cất một cái chòi nhỏ ở chân núi, sống bằng cách đi mót rau trái ngoài ruộng để sống qua ngày. Mùa mưa đến, ruộng ngập nước không còn rau trái để mót, họ đành sống bằng cách đi ăn xin nhưng trong tình trạng chiến tranh, ai ai cũng đói khổ, nên họ thường đói nhiều hơn no. Biết rõ tình cảnh, tôi thường đến chia sẻ số thực phẩm ít oi của mình với họ. Hôm đó khí trời giá lạnh, tôi bước vào căn lều dột nát trơ trụi không có đồ đạc và thấy bà Kimura đang ôm bụng nằm rên la trong ổ rơm dưới đất. Tôi động lòng trắc ẩn nghĩ đến cái chăn bằng nỉ đã cũ nát của mình. Dù sao cái chăn cũ cũng còn ấm hơn nằm ổ rơm, hơn nữa bà Kimura lại sắp sinh, làm sao một đứa bé sơ sinh có thể chịu đựng được thời tiết lạnh cắt ruột như thế này. Tôi nảy ý định cho bà Kimura cái chăn cũ của mình nhưng khi trở về lều, nhìn cái chăn rách tôi lại có ý tiếc không muốn cho. Ngay lúc đó tôi thấy rõ hạt giống tham lam, bỏn xẻn vẫn còn ở trong tôi và quyết định: «Ta phải cương quyết diệt trừ tính tham lam này». Tôi vơ vội chiếc chăn rách và mấy cái áo cũ mang qua lều tặng cho bà Kimura. Trên đường trở về tôi thấy trong lòng nhẹ nhõm, thoải mái khác thường. Một cảm giác ấm áp lạ lùng dường như nảy sinh trong tâm khiến tôi suýt kêu lớn: «Bây giờ có lẽ ta sẽ đạt ngộ được rồi». Tôi vội vã xếp bằng tập trung tư tưởng vào công án «Vô» và thầm nghĩ có lẽ lần này mình sẽ thành công nhưng rồi một năm lại trôi qua, tôi vẫn không thấy mình tiến bộ chút nào.

Tôi đã khóc hết nước mắt, tôi đã thao thức nhiều đêm để tìm hiểu về số phận hẩm hiu của mình. Tôi tự hỏi tôi đã làm gì nên tội, tại sao công phu tu tập siêng năng như vậy mà không đạt được kết quả nào? Không lẽ nghiệp của tôi lại nặng đến như vậy hay sao? Tự nhiên ý định tìm đến cái chết bỗng nảy sinh trong đầu óc hoang mang, tuyệt vọng của tôi. Tôi lấy một sợi dây thừng treo lên cành cây gần đó toan thắt cổ tự tử nhưng may mắn thay khi vừa treo xong sợi dây, tôi lại nghĩ: «Nếu ta chết đi thì sự đau khổ này có chấm dứt không? Chắc chắn là không, nó sẽ tiếp tục theo đuổi ta qua những kiếp sau. Nghiệp chướng đâu thể thay đổi bằng cái chết. Người ta phải gặt hái những gì mà người ta đã gieo, không thể trốn chạy được. Có nợ thì phải trả và phải trả cho đến hết mới thôi. Chắc chắn trên thế gian này thiếu gì những kẻ cũng gặp khó khăn như ta, biết đâu hoàn cảnh của họ lại chẳng bi đát hơn ta nữa. Đi tìm cái chết chỉ là một hành động nhất thời không giải quyết được gì hết. Giải pháp duy nhất là phải nhẫn nhục chịu đựng để trả hết nghiệp. Khi hết nghiệp thì chắc chắn sẽ giải thoát được. Dù thế nào chăng nữa ta cũng phải đạt ngộ giải thoát, nếu không được trong kiếp này thì kiếp sao hay kiếp sau nữa». Nghĩ thế tôi bèn bỏ ý định tự tử và từ đó trở đi, dù trong hoàn cảnh

tuyệt vọng nào, không bao giờ tôi nghĩ đến việc tìm cái chết nữa. Tôi vất bỏ sợi dây thừng rồi thắp một nén nhang, thành tâm xin xám hối những tội lỗi đã tạo và cương quyết phát nguyện sẽ tu hành để đạt đạo giải thoát, bất chấp mọi khó khăn trở ngại. Tôi không nhớ rõ mình đã làm những gì nhưng tôi biết chắc chắn tương lai của tôi sẽ phải thay đổi từ khi phát nguyện này. Tôi thành kính niệm hồng danh chư Phật, xin xám hối những lỗi lầm đã phạm và tôi đã khóc cho đến khi ngất đi lúc nào không biết.

Tôi không biết mình mê hay tỉnh nhưng trước mắt tôi bỗng hiện ra một làn hơi mờ đục, tụ lại thành một hình bóng vật vờ bay lượn. Hình bóng này từ từ đông đặc lại thành một con vật lông lá xù xì, trông như con dã nhân. Con vật này vươn mình lên cao và cao mãi cho đến khi đầu nó đụng vào những lớp mây đang bay trên trời. Tôi tự hỏi tại sao lại có hiện tượng kỳ lạ như vậy. Tôi đã từng có dịp tiếp xúc với các cõi giới vô hình nhưng điều này vượt ra ngoài giới hạn mà tôi hiểu biết. Tôi bèn cố gắng tập trung tư tưởng để quán xét hiện tượng này và bất ngờ thay tôi bỗng thấy mình chính là Thái Dương Thần Nữ. Tôi nắm rất vững quan niệm về sự giao tiếp với các thần linh trong thiên nhiên và đã từng làm như vậy nhiều lần trong khi hành nghề cô đồng (Miko) nhưng lần này tôi không còn thấy mình là một dụng cụ để các vị thần nhập vào nữa, mà trở nên là một với các thần linh. Ngay lúc đó, tôi biết mình đang kinh nghiệm được một trạng thái đặc biệt, tối cao của Thần Đạo: Trạng thái hợp nhất với đấng Sáng Tạo hay Thái Dương Thần Nữ. Một sự an lạc lạ lùng xâm chiếm trọn tâm hồn tôi. Phải chăng đây chính là trạng thái mà lão sư vẫn thường nói đến, trạng thái đạt đại đạo? Tôi thấy mình tan biến trong một biển ánh sáng lạ lùng. Trước mắt tôi hàng ngàn hình ảnh kỳ lạ đầy màu sắc hiện ra chói lọi. Phải rồi, tôi đang chiêm ngưỡng sự tạo thiên lập địa của Thái Dương Thần Nữ. Không ! Chính tôi là người đang sáng tạo, giữa tôi và Thái Dương Thần Nữ không còn gì cách biệt mà là một với nhau. Tôi thấy mình sinh hóa ra muôn loài, ra các chư thần, ra chính tôi, chính tôi đã sinh ra tôi. Tôi đã kinh nghiệm được mình trước khi được sinh ra. Phải chăng đó là điều mà công án «Bộ mặt thật trước khi sinh ra» đã đề cập đến? Trong khoảnh khắc đó, mọi sự bỗng trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết. Tôi reo lớn: «Ngộ rồi (Satori), ta đã chứng ngộ rồi!» Tôi choàng dậy trong một cảm giác kỳ lạ không thể diễn tả. Tôi thấy mình chạy nhảy chung quanh căn lều và reo lớn như đứa trẻ được quà: «Satori! Satori! Satori!» Tôi có cảm tưởng như toàn thế giới đang tràn ngập một niềm vui không kể xiết và rồi tôi cười, cười mãi không thôi.

Không bút nào có thể diễn tả được cảm giác sung sướng mà tôi đã kinh nghiệm được lúc đó. Cái thế giới đầy phiền muộn vẫn quấy phá tôi từ trước

đến nay bỗng dưng thay đổi một cách bất ngờ. Tôi thấy trong người nhẹ nhõm thoải mái như vừa trút được một gánh nặng. Phải chăng tôi đã chứng ngộ? Phải chăng ngộ là như thế? Dĩ nhiên tôi muốn được ấn chứng về kinh nghiệm tâm linh này. Lúc đó vào đầu mùa đông, phải đợi đến cuối xuân mới có khóa nhiếp tâm tại Zuiryuji nhưng tôi không thể chờ đợi lâu như thế được. Tôi vội vã lấy xe lửa đi Maruyama để gặp thiền sư Joten ngay. Ngồi trên xe tôi đã thảo một bài thơ ngắn trình bày kiến giải của mình với hy vọng sẽ được thiền sư Joten ấn chứng cho. Khi xe lửa đến gần Maruyama, tôi lo lắng tự hỏi không biết thiền sư Joten có chịu tiếp tôi không? Trong các khóa nhiếp tâm, người ta có thể xin đặc tham được nhưng hiện nay không phải tuần lễ nhiếp tâm. Phần lớn các thiền sư đều tĩnh tu, không dễ gì có thể gặp các ngài nếu không có hẹn trước. May mắn thay, khi vừa đến trước cửa chùa Zuiryuji, tôi gặp thiền sư Joten đi đâu về, đang chuẩn bị mở cổng bước vào. Tôi vội vã bước đến :

- Bạch thầy, cách đây hai năm con đã từng tham dự khóa nhiếp tâm với thầy.

Thiền sư Joten nhìn tôi tỏ vẻ ngạc nhiên :

- Thế ư?

- Đúng thế. Con đã được thầy trao cho công án «Vô» nhưng lúc đó con đã không giải được.

- Thì ra thế, có lẽ bà đã thay đổi nhiều nên tôi không nhận ra...

Tôi vội vã rút bài thơ trong túi ra trao cho thiền sư Joten:

- Bạch thầy, từ đó đến nay con vẫn tiếp tục tham cứu công án và có bài thơ này, xin thầy coi qua để thẩm xét trình độ cho con.

Thiền sư Joten nhận bài thơ từ tay tôi, chăm chú đọc rồi gật đầu :

- Khá lắm! Khá lắm! Bà đã đạt được một trình độ khá cao rồi đó nhưng...

- Nhưng làm sao? Con chưa ngộ hay sao?

Thiền sư Joten ngạc nhiên nhìn tôi như không hiểu tôi vừa nói gì. Tôi hỏi dồn :

- Như vậy là thế nào? Phải làm sao mới ngộ được?

Thiền sư Joten im lặng không trả lời. Tôi vội hỏi:

- Con vẫn nghe nói phải cắt bỏ mọi tư niệm để đạt đến trình độ vô ngã, phải chăng tất cả mọi tư niệm đều là vọng hết?

- Không hẳn thế.

- Thế là sao? Nếu chỉ dẹp bỏ một số tư niệm thì làm sao người ta biết được cái nào cần giữ, cái nào cần bỏ? Làm sao người ta có thể biết được cái nào là chân cái nào là vọng? Làm sao có thể phân biệt được những tư niệm nào là đúng hay sai, thiện hay ác, xấu hay tốt?

Tôi liên tiếp hỏi hết câu này đến câu khác, dường như bao thắc mắc vẫn tích lũy trong tâm tôi từ trước đến nay bỗng được dịp tuôn ra như suối :

- Tại sao người ta cứ phải niệm chữ «Vô» mãi trong tâm, như thế có được ích gì?

- Điều đó cũng giản dị thôi. Khi muối dưa người ta thường phải nén lên hũ dưa một cái cối đá nặng để đè dưa xuống...

- À con hiểu rồi, khi người ta nhấc cái cối đá nặng đó lên thì bao nhiêu sức mạnh bị đè nén bỗng bật lên một cách bất ngờ chứ gì?

- Phải rồi, như thế đó.

Nói xong thiền sư Joten quay lưng bước vào chùa rồi tiện tay đóng luôn cánh cửa lại như không muốn cho tôi làm phiền ông nữa. Tôi đứng sững trước cánh cửa đã đóng chặt, tự hỏi: Như vậy là sao? Ông có xác nhận trình độ của tôi không? Tại sao ông lại có thái độ kỳ lạ như thế? Tại sao đang nói chuyện với tôi ông lại quay lưng bỏ đi rồi đóng cửa lại như vậy? Rõ ràng ông đã không xác nhận trình độ của tôi nhưng hình như ông cũng không phủ nhận nó, như vậy là thế nào?

Không tìm được câu trả lời, tôi đành lủi thủi quay về với một tâm trạng vô cùng hoang mang, chán nản.

Vài hôm sau tôi trở lại Zuiryuji một lần nữa xin đặc tham với thiền sư Joten nhưng người ta đã từ chối lời yêu cầu của tôi một cách lễ phép. Cái cảm giác

hân hoan sung sướng vừa đạt được của tôi bỗng dưng tắt ngúm như ngọn đèn trước gió. Niềm an lạc dễ chịu chợt tan rã như mây khói, tôi lại rơi vào trạng thái dằn vặt khó chịu như cũ. Phải chăng tôi lại đi lầm đường một lần nữa? Phải chăng nghiệp của tôi quá nặng, không thể thoát ra được? Tôi thấy mệt mỏi, chán nản về việc theo đuổi sự Chứng ngộ (Satori) của mình. Tại sao có người chỉ tham dự một khóa nhiếp tâm mà đã chứng ngộ trong khi tôi khổ công suốt mấy năm trường mà kết quả chẳng đi đến đâu? Tôi đã tìm đủ mọi cách để đạt ngộ mà sao kết quả cứ mịt mù như vậy?

Ít lâu sau tôi được tin thiền sư Joten mở khóa nhiếp tâm tại chùa Zuiganji thuộc tỉnh Matsushima, tôi tìm đến đó xin được đặc tham. Lần này ông chấp thuận lời yêu cầu của tôi nhưng một lần nữa, dù tôi cố gắng thu xếp tư tưởng để trình bày sự hiểu biết của mình thế nào, tôi vẫn không làm sao ăn nói trôi chảy được, dường như vẫn có cái gì vướng mắc, không thông suốt trong tâm tư tôi.

---o0o---

Chương 7

Thất vọng về việc tham cứu công án không mang lại kết quả như ý muốn, tôi đành tìm đến nhà Hayakawa, một người bạn mà tôi đã quen khi tham dự các khóa lễ tại chùa Honganji. Hayakawa là một phụ nữ bình dân, trình độ học vấn chưa hết bậc tiểu học nhưng khả năng về Phật học lại rất thâm sâu. Trong các buổi đàm luận, bà thường đưa ra nhiều lý luận sâu sắc khiến mọi người phải thán phục. Sở dĩ Hayakawa có một kiến thức rộng rãi như vậy là nhờ sự học hỏi suốt mấy chục năm với giáo sư Shibata Fuguan, một học giả rất nổi tiếng về Phật học lúc đó. Nghe tôi than thở về việc tu hành không kết quả của mình, bà đã an ủi và rủ tôi đến thăm nhà học giả này.

- Tôi nghĩ giáo sư Shibata có thể giúp chị được. Có lẽ chị cần một vị thầy không quá nghiêm khắc như những người mà chị đã gặp.

Giáo sư Shibata sống trong một căn nhà nhỏ tại Toyochira-cho, thuộc ngoại ô thành phố Sapporo. Tuy chỉ là cư sĩ nhưng ông sống không khác gì một nhà tu. Ông không lập gia đình, ăn chay trường và dành trọn đời nghiên cứu kinh điển Phật giáo. Mặc dù tuổi đã ngoài bảy mươi lại thêm bệnh suyễn, nói năng khó khăn nhưng ông vẫn vui vẻ tiếp đón chúng tôi. Sau khi nghe tôi kể về trường hợp đi tìm đạo của mình, ông khoan thai nói:

- Bà muốn tìm kiếm con đường giải thoát nhưng tôi thấy hình như bà chưa biết rõ mình phải đi theo con đường nào một cách rõ rệt. Bà sống bằng trực giác nhiều quá, bà cảm thấy cần phải tu, phải đi theo con đường tâm linh, phải làm thế này hay thế khác, mà không thực sự nắm vững mục đích con đường của mình nên cứ trôi giạt từ nơi này đến nơi khác, từ lý thuyết này đến lý thuyết khác, từ thầy này đến thầy nọ…

- Giáo sư nói rất đúng. Tôi biết mình không thể sống một cách phiêu bạt hồ đồ mãi như thế được, đời người thì ngắn mà phiền não lại quá nhiều, tôi muốn tìm kiếm con đường thoát khổ. Xin giáo sư thương tình giúp cho.

Giáo sư từ tốn lắc đầu:

- Tôi không thể giúp cho bà được, chính bà phải tự giúp bà bằng cách tu học để giải thoát. Tôi chỉ có thể trình bày cho bà thấy con đường mà đức Phật đã chỉ dẫn nhưng bà phải tự cất bước mà đi. Bà nên biết, đạo Phật là một tôn giáo hết sức thực tiễn, đề cao sự giải thoát bằng nỗ lực cá nhân chứ không trông cậy vào một năng lực nào đến từ bên ngoài. Do đó người ta không thể đến với đạo Phật bằng cách trông chờ một đấng nào đó cứu giúp cho hay một tu sĩ nào tu giùm cho mình được mà phải tự cất bước. Muốn thế người ta cần phải học và hiểu những điều đức Phật đã dạy trong kinh chứ không thể tụng kinh mà không hiểu ý được.

Đây là lần đầu tiên tôi nghe có người chủ trương phải học hỏi kinh điển. Các vị thầy tôi gặp trước kia chỉ khuyên tín đồ đọc thật nhiều kinh nhưng không mấy ai giải thích ý nghĩa kinh điển ra sao hoặc nếu có giảng thì họ cố tình giảng giải theo ý kiến riêng của họ.

Giáo sư Shibata nói tiếp:

- Đọc tụng kinh điển là điều rất hay nếu người ta hiểu được ý nghĩa những câu kinh, còn nếu không thì được lợi ích gì nếu chỉ đọc suông như một con vẹt? Do đó bà phải chú trọng vào vấn đề học nhưng phải học trong tinh thần tự do tuyệt đối, không nên lệ thuộc vào sự giải thích của bất cứ ai. Phải có óc hoài nghi, vừa học vừa phân tích cẩn thận, xem đúng sai như thế nào. Chỉ khi nào thấy đúng hãy tuân theo. Sự tu hành mà thiếu yếu tố học hỏi này dễ đưa người ta đến lòng cuồng tìn, mù quáng, hẹp hòi cố chấp, và như thế là không đúng với giáo lý đề cao việc phát triển trí tuệ của đức Phật.

Tôi dè dặt đặt câu hỏi:

- Thưa giáo sư, phải chăng khi theo Phật giáo, tôi đã không đi lầm đường?

Giáo sư Shibata nhìn tôi một cách ưu ái rồi nói:

- Đạo Phật không phải là một lý thuyết hay một mớ tín điều nhưng là một lối sống vì đức Phật, người khám phá ra những chân lý này, đã minh chứng nó một cách linh động và hùng hồn bằng chính đời sống của ngài. Ngài đã can đảm dứt bỏ địa vị cao sang, quyền quí để quyết tâm tìm đạo giải thoát. Ngài chủ trương không ỷ lại bất cứ một năng lực bên ngoài, như một đấng nào hay một vị thầy nào, mà chỉ hoàn toàn trông cậy vào khả năng sẵn có của mình. Sau khi chứng ngộ, ngài không nhập Niết Bàn ngay mà còn mang những điều mình biết ra chỉ dẫn để giúp nhân loại giải thoát khỏi những khổ đau hệ lụy của họ. Theo sự hiểu biết của tôi thì đạo Phật chính là con đường giải thoát mà bà vẫn tìm kiếm từ bao lâu nay. Tuy nhiên bà không thể nhắm mắt đi càn mà cần phải nghiên cứu, học hỏi để hiểu cho thật rõ điều đức Phật đã chỉ dẫn vì giáo pháp của ngài bao trùm tất cả mọi ngành, từ khoa học đến triết học, từ văn chương đến nghệ thuật, càng học hỏi người ta càng thấy nó bao la, cao siêu và mầu nhiệm vô cùng.

- Thưa giáo sư, vậy tôi phải bắt đầu như thế nào?

- Bà có thường tụng kinh không?

- Tôi vẫn thường tụng kinh và niệm hồng danh chư Phật.

- Bà có hiểu ý nghĩa của việc tụng niệm không?

Thấy tôi lúng túng ngập ngừng không trả lời, giáo sư Shibata gật đầu cười:

- Phần lớn mọi người đều lúng túng như vậy cả vì tụng niệm là một truyền thống, đến chùa thì tụng kinh. Cha mẹ trước làm thế thì con cháu sau cũng làm theo, nhưng không mấy ai chịu tìm hiểu ý nghĩa của việc tụng niệm. Tụng là đọc, niệm là suy tưởng đến lời dạy của đức Phật để làm phương châm cho đời sống hàng ngày và giao hạt giống giải thoát vào tâm thức. Do đó người ta cần phải hiểu thật rõ lời dạy của đức Phật thì mới có ích. Nếu chỉ đọc mà không hiểu gì hết thì chỉ như ca hát vu vơ chứ có ích lợi gì. Khi biết thật thấu đáo, không còn chút nghi ngờ nào thì mới được. Đối với đạo Phật, đức tin chỉ đến sau khi người ta đã tự mình chứng nghiệm nó bằng chính năng lực bản thân thì đức tin đó mới vững vàng, không thể lay chuyển. Lòng tin đúng với tinh thần Phật giáo không có sự mù quáng, vì càng hiểu thấu đáo nó bao nhiêu, người ta càng thấy lời dạy của đức Phật giản dị và rõ ràng

bấy nhiêu. Một khi đã hiểu thật rõ thì đâu thể hành động khác với lời dạy của chư Phật được. Tóm lại, tụng niệm chính là việc ôn lại những lời dạy bảo này, gieo nó vào tâm thức mình để chuyển hóa tâm và thân. Tụng niệm là phương thức huân tập tâm thức rất tốt, giúp cho người tụng kiềm chế được thân, khẩu, ý, không để cho nói năng bừa bãi, buông lung theo thói quen nữa và nhờ thế giảm bớt được các nghiệp chướng, tai họa. Theo ý tôi, việc đầu tiên bà nên làm là học hỏi Phật pháp và tôi sẵn sàng giúp bà trong bước đầu này.

Tôi hết sức cảm động trước lời chỉ dẫn đầy ưu ái, chân thành của giáo sư. Từ đó mỗi tuần tôi đều theo Hayakawa đến đây học hỏi. Giáo sư Shibata là người làm việc theo phương pháp khoa học. Ông thu xếp các bài giảng ra từng phần rõ rệt, bắt đầu từ những bộ kinh ngắn dễ hiểu và sau đến các bộ kinh lớn, hàm súc hơn. Sau buổi học, ông đúc kết các bài giảng ra những bài ngắn để học sinh có thể mang về nhà tham cứu thêm. Trong mỗi bài viết, ông đều có mục lục tham khảo để học sinh có thể tìm kiếm thêm tài liệu. Cho đến nay tôi chưa thấy ai có phương pháp làm việc quy củ, cẩn thận như ông. Giáo sư thường nói:” Khi xưa tôi đã đi khắp nơi tìm thầy học đạo. Tôi đã trải qua nhiều khó khăn trở ngại, có lúc muốn bỏ cuộc nên rất thông cảm tâm trạng của những người tìm đạo. Tôi chỉ muốn làm sao để người đi sau gặp hoàn cảnh tốt, có thể phấn khởi tu học nên không quản công lao, đúc kết những điều đã thâu tập được thành từng bài viết ngắn để những người đến đây học hỏi, nếu không hiểu gì nhiều thì cũng có cái cầm về nhà, sau này có dịp đọc lại biết đâu chẳng hiểu thêm ra”.

Giáo sư Shibata không mở những khóa tu mà chỉ dạy riêng cho từng người hay từng nhóm nhỏ, giới hạn khoảng hai ba người mà thôi. Ông chủ trương “tùy bệnh cho thuốc”, tùy tâm trạng mỗi người mà giảng dạy một cách khác nhau. Lúc đầu tôi đến học với ông mỗi tuần một lần, nhưng về sau tôi đến thường xuyên hơn, hai lần rồi ba lần một tuần, và sau cùng tôi dọn xuống Sapporo để có thể thăm viếng giáo sư hàng ngày. Hayakawa xin cho tôi vào làm công cho một gia đình khá giả gần đó. Công việc quét dọn, lau chùi nhà cửa này không đến nỗi bận rộn nên tôi có thể tham dự các khóa học một cách thường xuyên.

Trong suốt bảy năm liền, tôi đã theo học với giáo sư một cách chuyên cần, nhờ đó mà tôi vỡ lẽ ra được nhiều điều từ trước đến nay tôi không hề để ý đến. Tôi đã đọc nhiều sách vở của Thần Đạo cũng như của các tôn giáo khác nhưng giáo sư Shibata đã dạy cho tôi cách phân biệt lý thuyết nào là của Phật giáo, lý thuyết nào là của Thần Đạo hay của các tôn giáo khác. Ông cho

biết:” Truyền thống nước ta (Nhật Bản) kính ngưỡng mọi sự thiêng liêng, từ các đấng thân linh (Kami) đến Bồ Tát và Phật. Trên nguyên tắc, chư thần (Kami) thuộc về Thần Đạo (Shinto) trong khi Bồ Tát và Phật thuộc về Phật giáo nhưng trải qua hàng ngàn năm, hai truyền thống này đã hợp lại nên rất khó phân biệt. Gần như ngôi chùa nào tại Nhật cũng có đền thờ chư thần (Kami). Đối với người dân thường thì không hề có sự khác biệt giữa các đấng thiêng liêng nhưng trong việc học hỏi, người ta phải biết phân biệt thật rõ giáo lý nào là của đức Phật và điều nào không phải. Thần Đạo tin rằng có một đấng hóa công sáng tạo mọi vật và đấng này cai quản vô số thần linh xuất hiện khắp nơi. Truyền thống Nhật Bản có rất nhiều giai thoại về các đấng thần linh này. Theo thời gian, con số thần linh tiếp tục gia tăng. Lúc đầu chỉ là hòn đá, gốc cổ thụ; về sau vua chúa, tướng sĩ đều được tôn làm thần hết. Điều này thực ra không có gì xấu vì các vị thần chỉ tượng trưng cho những lý tưởng cao thượng tốt lành, nhưng về sau người ta đã hạ thấp nó xuống thành một thứ thần quyền có thể ban phúc, giáng họa rồi lồng vào đó những nghi thức mê tín dị đoan khiến cho con người trở nên nhu nhược, ỷ lại, chỉ biết xin xỏ chứ không biết làm gì khác hơn. Phật giáo không chấp nhận có một đấng hóa công hay một vị thần linh nào có thể ban phúc, giáng họa mà giải thích mọi vật qua lý duyên khởi. Đây là một đặc điểm để phân biệt Phật giáo với các tôn giáo khác. Phật giáo chủ trương ”chư hành vô thường’ nghĩa là mọi hiện tượng trong trời đất luôn luôn thay đổi, không bao giờ thường trụ bất biến, có sinh ắt có tử, có thành ắt có hoại. Mọi hiện tượng đều trải qua bốn thời kỳ: phát sinh, tồn tại, thay đổi và tiêu diệt (sinh, trụ, dị, diệt). Con người sinh ra, trưởng thành, già yếu và chết đi. Cây cối cũng có bốn mùa: xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn. Tuy nhiên có chết đi thì mới lại sinh ra. Cây cối héo úa rụng lá trong mùa đông thì đến mùa xuân lại đâm chồi nẩy lộc. Con người có chết đi thì mới lại sinh ra vì chết không phải là hết mà là điều kiện cần thiết để tái sinh. Vì không hiểu lý vô thường, cho rằng mọi vật không thay đổi mà vững bền nên con người mới bám chặt vào những danh lợi phù du, đến khi sự việc thay đổi, không như ý thì họ đau khổ, tạo nghiệp và đọa lạc trong luân hồi sinh tử. Phật giáo chủ trương “chư Pháp vô ngã”, nghĩa là mọi cái mà ta tưởng là có thật đều chỉ là huyễn hóa, do duyên hợp lại mà thôi. Có duyên thì thành, hết duyên thì hoại, cứ thế thành trụ, hoại diệt mãi mãi không ngưng. Ngay thân xác chúng ta cũng do Tứ Đại (đất, nước, gió, lửa) gặp duyên mà hợp thành; khi hết duyên, chúng tan rã thì đâu còn gì nữa, đó là sự chết. Thế nhưng đa số con người cứ chấp vào một cái ngã trường tồn nên mới bị mê vọng chi phối. Vì nghĩ rằng có một cái Ngã nên người ta mới lo tô điểm cho nó bằng các danh xưng, địa vị, đồ ăn thức uống, rồi làm nô lệ cho nó và bị chính sự tưởng tượng của mình chi phối. Vì có Ngã nên mới nảy sinh ra tham, sân, si rồi tạo nghiệp hay điều

kiện trói buộc vào trong sinh tử luân hồi. Đạo Phật chủ trương "Niết Bàn tịch tịnh" nghĩa là chuyển mê khải ngộ, phá cái Ngã chấp kia, diệt cái nhận thức mê lầm thì sẽ thoát khổ. Khi đã thoát khổ thì giải thoát, không bị chi phối bởi luân hồi, vượt khỏi phiền não, đạt đến giải thoát tuyệt đối hay Niết Bàn".

Từ khi học hỏi giáo sư Shibata, tôi bắt đầu sống thoải mái hơn. Phải nói thật, lúc đầu tôi cũng do dự lắm vì thâm tâm tôi vẫn không thích những gì thuộc về lý thuyết trừu tượng. Tánh tôi vẫn không ưa những người ăn nói thật hay nhưng lại hành động khác hẳn; nhưng về sau tôi thấy giáo sư không phải một học giả chỉ chuyên về chữ nghĩa mà còn có một nội tâm hết sức phong phú nữa. Mỗi lời nói của ông đều có một sức mạnh truyền cảm phát xuất từ kinh nghiệm sâu xa do công phu tu tập chứ không hời hợt như những người khác. Giáo sư khuyên chúng tôi tiếp tục đi chùa, tụng kinh, và thực tập thiền quán nhưng phải ý thức thật rõ những điều mình làm, đừng để thói quen chi phối. Nhờ sự hướng dẫn của ông mà tánh tôi bắt đầu thuần ra. Nhờ việc dạy dỗ công phu của ông mà tôi đã hiểu được nhiều điều lợi ích trong kinh điển. Phải nói, nếu không nhờ công ơn dạy dỗ của giáo sư, có lẽ ngày nay tôi vẫn trôi giạt trong những quay cuồng điên đảo không biết ra sao!

Giáo sư cho biết khi còn trẻ ông say mê triết học Tây phương, chịu ảnh hưởng các triết gia Hy Lạp và tận tình nghiên cứu các lý thuyết này nhưng sau nhiều năm học hỏi, ông đi đến chỗ bế tắc. Không như các người khác chấp nhận các lý thuyết một cách dễ dãi và mù quáng, giáo sư thường đặt câu hỏi để đào sâu sự việc và ông không chấp nhận những gì có tính cách bắt người khác phải tin tưởng hay các điều siêu hình viển vông, không thực tế. Thất vọng với triết học Tây phương, ông quay về Á đông, nghiên cứu Ấn Độ giáo, Khổng giáo trước khi chuyển qua Phật giáo. Ông đã tìm được điều ông muốn trong kinh điển của đức Phật và nhờ siêng năng học hỏi mà ông đã mở được con mắt Tâm khi nghiên cứu bộ kinh Duy Ma Cật. Ông cho biết, một khi con mắt Tâm đã mở thì tất cả đều trở nên sáng sủa, không còn chút nghi ngờ nào nữa. Từ đó ông có thể giảng dạy kinh điển một cách dễ dàng, thông suốt nhưng không bao giờ ông bắt buộc học trò phải tin những điều ông nói. Trái lại, ông thường đặt câu hỏi và bắt học trò phải suy gẫm, tìm câu trả lời. Ông luôn luôn nhấn mạnh rằng:" Những gì người khác nói chỉ là kinh nghiệm của họ, không có lợi gì cho mình nếu mình không thực sự kinh nghiệm được nó. Phật giáo không phải là một lý thuyết. Người ta không có lợi gì nếu chỉ nghiên cứu suông mà phải biết áp dụng nó vào đời sống".

Phương pháp giảng dạy của giáo sư thường bắt đầu bằng ý nghĩa tên cuốn kinh. Lý do nào đức Phật đã giảng kinh này, kinh đó thuộc về thời nào trong Ngũ Thời Pháp (Hoa Nghiêm, A Hàm, Phương Đẳng, Bát Nhã và Pháp Hoa) rồi từng đoạn ngắn trong kinh, từng hàng, từng chữ, bắt học trò phải nghiền ngẫm ý nghĩa của nó. Tôi thường nói đùa với Hayakawa rằng giáo sư thích chữ nghĩa quá, cứ nhai đi nhai lại từng chữ một như người "đếm từng hạt đậu" nhưng khi nghiêm chỉnh theo dõi, tôi phải công nhận mỗi câu, mỗi chữ qua sự giải thích của giáo sư đều có những ý nghĩa huyền diệu, sống động vô cùng.

Càng học hỏi với giáo sư, tôi càng say mê và tự nhiên nảy ra ý nghĩ phải tổ chức những khóa học cho quần chúng như tôi đã từng làm khi còn là một vị thầy của Thần Đạo. Tôi dự định sẽ thuê một thính đường lớn, tổ chức thuyết pháp để mang lại lợi ích cho mọi người. Tôi ngỏ lời với giáo sư, mặc dù chưa bao giờ ăn nói trước đám đông nhưng ông cũng vui vẻ trả lời:

- Nếu bà tổ chức một buổi thuyết giảng, tôi sẽ đến tham dự.

Tôi mừng rỡ đem việc này ra bàn với Hayakawa và nghĩ rằng bà sẽ đồng ý nhưng bất ngờ thay, bà này lại nổi giận:

- Chị chưa biết gì nhiều mà đã định làm thầy thiên hạ hay sao? Nếu chị làm thế, tôi sẽ tuyệt giao với chị ngay.

Tôi ngạc nhiên vô cùng vì việc tổ chức giảng kinh thuyết pháp đâu xa lạ gì với tôi. Tôi là người có óc tổ chức, đã từng làm việc này nhiều lần rồi. Hơn nữa, đem các lời vàng ngọc học hỏi từ giáo sư ra trình bày cho mọi người là điều nên làm kia mà. Giáo sư đã chẳng chấp nhận lời đề nghị của tôi hay sao? Tuy có phần bất mãn nhưng vì rất phục Hayakawa nên tôi không muốn làm phật lòng người bạn tốt này và tạm dẹp ý nghĩ đăng đàn thuyết pháp đó đi. Ngày nay nghĩ lại việc đó, tôi rất xấu hổ vì nếu làm vậy có lẽ tôi đã phải hối hận rồi. Khi đó tôi chưa biết gì, chưa tự cứu được mình, mới chập chững bước chân vào cửa Phật mà đã có những ý tưởng ngông cuồng, hão huyền, thật đáng xấu hổ.

Chúng tôi tiếp tục học hỏi với giáo sư và đã có những tiến bộ rõ rệt. Giáo sư thường khen Hayakawa rằng chẳng bao lâu nữa bà này sẽ mở được con mắt Tâm. Một hôm sau buổi học, ông nói:

- Ta không thể chết trước khi mở được con mắt Tâm cho các con.

Một lời nói làm chúng tôi vô cùng hứng khởi, nhưng cuối năm đó, ông đã qua đời một cách bất ngờ. Trong những năm cuối của cuộc đời, giáo sư đã chuyên tâm dạy dỗ tôi, một kẻ già nua bơ vơ, không nơi nương tựa. Bất chấp tuổi tác và bệnh tật, ông đã giúp tôi có thể hiểu được ý nghĩa những lời dạy cao quí của đức Phật, có khi ông đã giảng cho tôi suốt mấy giờ liền không ngừng nghỉ. Sự qua đời của ông là một mất mát quá lớn đối với tôi. Sau những xúc động, tôi quyết định sẽ đền ơn giáo sư bằng cách dành trọn phần đời còn lại của mình để săn sóc mộ phần cho ông, soạn thảo lại những bài giảng dạy của ông, đúc kết thành những tập sách cho những người muốn tìm hiểu về Phật giáo.

Mùa đông năm đó, tôi quyết định xin xuất gia thọ giới thành một ni sư lãnh việc quét dọn nghĩa trang chùa Hongaji vì giáo sư được chôn cất tại đó, Tuy nhiên Hayakawa không đồng ý:

- Này chị bạn, cuộc hành trình tìm đạo của chúng ta chưa chấm dứt. Chúng ta chưa đạt đến mục đích tối hậu, chúng ta phải tiếp tục thì mới không phụ lòng dạy bảo của giáo sư. Phải chăng giáo sư đã chẳng mong chúng ta sẽ mở được con mắt Tâm? Bằng mọi giá, trong kiếp này chúng ta phải chứng ngộ thì vong linh của giáo sư mới có thể ngậm cười nơi chín suối được. Chúng ta phải tiếp tục…

Thái độ cương quyết của Hayakawa làm tôi ngạc nhiên và thán phục. Trong khi tôi còn đang buồn bã và âu sầu thì Hayakawa vẫn dũng mãnh tiếp tục con đường đạo. Bà chuẩn bị tìm kiếm ngay một vị thầy khác để hướng dẫn cho chúng tôi tu học.

Tiện đây, tôi muốn nói qua vài hàng về người bạn đồng tu này. Nếu xét về công phu tu học thì Hayakawa xứng đáng là một đại tướng oai phong lẫm liệt trong khi tôi chỉ là một thứ binh nhì, một lính mới tò te, ngây ngô chẳng biết gì. Ngoài sự hiểu biết thâm sâu về Phật học, Hayakawa còn có một khả năng lắng nghe thật tuyệt vời. Bà có thể ngồi hàng giờ chăm chú nghe giảng về Phật pháp mà không mệt mỏi. Bà thường cùng tôi đến nghe giáo sư giảng dậy, mặc dù tôi biết bà đã nghe giảng nhiều lần về những đề tài đó rồi. Hayakawa cho biết: Không có một cái gì là cũ. Mỗi câu, mỗi chữ đều có những ý nghĩa sống động của nó. Nếu biết nghe một cách chăm chú, từng giây, từng phút, người ta sẽ học hỏi được nhiều điều mới mẻ. Trên đường từ nhà giáo sư trở về, chúng tôi thường đi ngang một ngôi chùa. Gặp hôm nào

có buổi thuyết pháp, Hayakawa đều rủ tôi vào nghe. Tôi đã chán ngán việc nghe các giáo sĩ đạo mạo đăng đàn thuyết pháp đó rồi nên phản đối:

- Việc gì phải mất thì giờ với những người ăn nói chán ngắt đó? Chúng ta đã có thầy là giáo sư Shibata, liệu mấy ai có thể giảng hay hơn thầy chúng ta được?

Hayakawa nhẹ nhàng từ tốn khuyên:

- Này chị bạn, làm sao có thể mất thì giờ được khi mình đi nghe pháp? Chị không nghe cổ nhân có câu: Làm người khó được, Phật pháp khó tìm, thiện tri thức khó gặp đó sao? Hiện nay mình đã sinh làm người, gặp được Phật pháp, được nghe thiện tri thức giảng dạy, quả là hi hữu lắm rồi, bỏ qua cơ hội này thì biết bao giờ mới gặp được cơ hội như thế nữa?

Là người ít nói, nhưng một khi đã nói, Hayakawa rất cương quyết nên dù thân, chúng tôi vẫn hay bất đồng ý kiến với nhau. Có lần trong một buổi đàm đạo, tôi đã phát biểu cảm tưởng:

- Nếu quán triệt được những điều đức Phật chỉ dạy thì chúng ta có thể thoát ly luân hồi sinh tử, xa lìa những nơi chốn khổ đau.

Hayakawa lắc đầu nói một cách ôn tồn:

- Này chị bạn, phải cẩn thận không nên tuyên bố như vậy. Nếu cứ ăn nói hàm hồ như thế thì không chừng chị sẽ phải đầu thai thành loài chồn hoang đấy.

Tôi biết Hayakawa muốn nhắc đến câu truyện Bách Trượng thiền sư và Hồ Ly tăng (chồn hoang): Khi tổ Bách Trượng đến giảng dạy Phật pháp tại núi Chung Nam thì có một ông già râu tóc bạc phơ bước ra nói: “Thưa ngài, tôi đã ở núi này mấy trăm năm rồi, xưa tôi là một vị tăng hay đăng đàn thuyết pháp, nhân có người đến hỏi: “Bậc đại giác có bị luật nhân quả chi phối không?” Tôi trả lời: ”Không”. Vì thế nên khi chết đầu thai thành một con chồn hoang ở mãi nơi đây, xin ngài thương xót giúp cho tôi câu trả lời để tôi thoát kiếp chồn”. Tổ bèn nói: ”Được, ông cứ hỏi đi”. Ông lão bèn hỏi: ”Bậc đại giác có bị luật nhân quả chi phối không?” Tổ Bách Trượng trả lời: ”Họ vẫn không tránh khỏi nhân quả đâu”. Ông lão tóc trắng hốt nhiên đại ngộ, vội quỳ xuống đảnh lễ tổ Bách Trượng: “ Đa tạ hòa thượng chỉ dạy, nay con đã thoát thân chồn, xin ngài thương xót mà làm lễ hỏa thiêu cho”. Nói xong ông già hiện hình thành xác con chồn lông trắng. Tuy biết Hayakawa muốn

khuyên tôi không nên chấp trước vào những phân biệt nhị nguyên, nhưng bản tính ương ngạnh không cho phép tôi chịu thua:

- Nếu nói như vậy thì tất cả đều chịu sự chi phối của nghiệp lực và người ta không thể thoát ra khỏi nó hay sao?

- Chị không nên kết luận vội vàng. Nếu quả quyết như thế thì có khác gì một kẻ chủ xướng thuyết tiền định đâu.

- Như vậy là sao? Chị ăn nói hàm hồ, chẳng có mà cũng chẳng không nghĩa là thế nào? Phải chăng chị muốn nói đến cái tự tánh trong Tánh Không…

Hayakawa ngắt lời tôi:

- Cái gì mà tự tánh trong tánh không? Làm gì có chuyện như vậy!

- Tại sao lại không?

- Chị nói nhiều quá, không đúng với tinh thần của đạo Phật.

- Tại sao không đúng?

Hayakawa không muốn cãi với tôi nên chỉ nói bâng quơ:

- Nếu muốn biết rõ hơn thì hãy đi kiếm giáo sư mà hỏi.

Tôi bật cười nghĩ thầm: "Chị chẳng hiểu gì hơn tôi mà còn làm bộ. Chị tưởng tôi không dám hỏi giáo sư hay sao? Tôi sẽ mang điều này ra hỏi cho ra lẽ và rồi chị sẽ biết tay tôi". Một hôm nhân lúc rảnh rỗi tôi đã mang câu chuyện này ra hỏi giáo sư:

- Thưa thầy, nếu đã quán triệt được các diệu lý trong kinh điển, liệu con có thể nói cho người khác nghe được không?

- Được chứ sao không?

- Nếu không thể nói được chắc hẳn con đã không hiểu rõ chứ gì?

- Có lẽ thế.

- Tóm lại, một khi đã hiểu được thì phải nói được, có đúng không?

- Dĩ nhiên rồi, nhưng không phải người nào hiểu cũng mang ra nói. Có người hiểu rất nhiều nhưng lại không thích nói ra. Hayakawa chẳng hạn…

Câu nói vô tình của giáo sư làm tôi bật ngửa. Tôi có cảm tưởng như vừa bị ai đập cho một nhát búa chí tử. Tôi toan cãi nhưng giáo sư đã tiếp:

- Cổ nhân đã dạy: " Biết thì không nói mà nói thì không biết". Có những sự việc không thể nói ra bằng lời được ví khi nói ra đã xa rời sự thật rồi. Có những việc người ta chỉ có thể kinh nghiệm chứ không thể diễn tả. Do đó ai uống nước thì biết nóng lạnh nhưng kẻ chưa uống thì làm sao biết được! Ngôn ngữ chỉ là những gì tương đối, không thể diễn tả được cái tuyệt đối. Tóm lại, con đừng quá tin tưởng vào lý luận, ngôn từ mà rời xa sự thật.

Tôi cảm thấy hai tai nóng lên, không biết vì xấu hổ hay vì điều gì khác. Giáo sư nhìn tôi một lúc. Dường như ông hiểu tâm trạng bối rối của tôi nên ôn tồn khuyên:

- Một kẻ thích nói thì không thể nghe thêm một điều gì khác, do đó sự hiểu biết thường hời hợt nông cạn mà thôi. Một người chỉ có thể nghe hoặc nói chứ không thể làm cả hai việc một lúc. Phật pháp cao siêu vô cùng, thoáng nghe tưởng giản dị nhưng thật ra người ta phải nghe đi nghe lại nhiều lần mới vỡ ra được. Như ta đây đọc kinh Phật nhiều lần mà mỗi lần đọc lại đều tìm thấy những điều mới lạ. Thế mới biết biển học thật bao la vô cùng, đừng bao giờ bằng lòng với cái mình đã biết mà phải đào sâu thêm nữa. Càng học nhiều càng thấy mình không biết gì mới đúng với tinh thần học. Đừng tự hào về kiến thức nhỏ nhoi của mình. Hẳn con biết chuyện học giả Mito đến viếng thiền sư Nan In chứ gì? Học giả Mito tự hào lầu thông kinh điển nhưng vẫn đến thăm viếng thiền sư Nan In để hỏi về thiền. Thiền sư mời nhà học giả uống trà nhưng khi rót, mặc dù chén trà đã đầy ắp, ông cứ tiếp tục rót nữa khiến trà tràn đầy ra ngòai. Học giả Mito ngạc nhiên hỏi:" Trà đã đầy rồi, sao ngài cứ rót mãi như thế?" Thiền sư chỉ vào chén trà đầy ắp nói:" Tâm ông giống như cái chén trà đã đầy ắp thành kiến và tư tưởng thì làm sao ta rót trà của ta vào đó được nữa?"

Ngưng lại một lúc như để cho tôi thấm thía câu chuyện trên, giáo sư nói tiếp:

- Hẳn con biết chuyện mười bảy vị tăng đi tìm đạo trên đỉnh Tuyết Sơn rồi chứ gì? Họ đi từ Nhật đến Tuyết Sơn để cầu đạo giải thoát nhưng khi đến chân núi Tuyết thì họ dừng lại rồi quay về Nhật. Họ cho rằng họ đã giác ngộ và phải quay về để lo việc cứu độ chúng sinh. Con nghĩ thế nào về những người đó?

Tôi có cảm tưởng như vừa bị khâu chặt miệng, không nói năng gì được. Giáo sư thong thả nói tiếp:

- Tại sao họ không leo lên đỉnh Tuyết Sơn như đã dự định? Phải chăng khi đến chân núi, họ thấy việc tìm đạo như vậy đã đủ? Dù sao họ cũng đã đi từ Nhật qua Tuyết Sơn, trải qua một cuộc hành trình khá gian nan. Một khi nghĩ rằng "đã đủ" nghĩa là đã bằng lòng với cái mình có thì không bao giờ người ta có thể vượt qua bờ bên kia được. Đó là lười biếng, khiếp nhược, thiếu dũng cảm. Những kẻ tìm đạo như thế sẽ không bao giờ giải thoát được cho mình chứ đừng nói cứu được ai. Đó là những kẻ không biết bơi nhưng vẫn nói rằng họ sẵn sàng nhảy xuống sông cứu người chết đuối. Họ sẽ chẳng cứu được ai mà còn làm hại đến mình nữa. Đó là những kẻ viển vông, tu hành để giải trí, tiêu khiển; những kẻ chỉ thích ngộ nửa chừng mà thôi.

Sau bài học thấm thía đó, tôi không dám tranh luận với Hayakawa nữa và cũng bỏ bớt bản tính hiếu thắng, ương ngạnh đi. Như đã nói, sau khi đến học hỏi với giáo sư Shibata được một thời gian thì tôi quyết định dọn đến Toyohira-cho để tiện việc đi lại. Hayakawa đã giúp tôi tìm được việc làm cho một gia đình khá giả gần đó. Công việc tương đối nhàn hạ nên tôi có thể đến học với giáo sư một cách dễ dàng. Ít lâu sau, gia đình chủ tôi mở một quán ăn và giao cho tôi việc quét dọn nơi này. Công việc này còn nhàn hơn trước vì tôi chỉ phải quét dọn trước khi quán mở cửa khoảng xế chiều, và sau khi quán đóng cửa lúc nửa đêm mà thôi. Thời giờ còn lại tôi muốn làm gì tùy ý nên tôi có thể đến học hỏi với giáo sư Shibata thường xuyên hơn. Đó là một nhà hàng lịch sự, sang trọng, thực đơn gồm những sơn hào hải vị do một đầu bếp nổi tiếng phụ trách, nhưng thật ra đặc điểm của quán là những chiêu đãi viên xinh đẹp, được tuyển lựa cẩn thận để đón tiếp những loại khách thượng lưu, quý phái. Chỉ một thời gian ngắn sau khi khai trương, quán ăn đã trở nên nơi tụ tập của những người giàu có, tiền rừng bạc biển, những người có địa vị trong xã hội. Đêm nào tôi cũng phải nghe tiếng nhạc ồn ào phức tạp, tiếng người cười cợt nô đùa, tiếng súc sinh bị bắt mổ thịt, phải ngửi mùi xào nấu, rượu thịt hôi tanh, rồi chứng kiến những cảnh trái tai gai mắt khiến tôi vô cùng khó chịu. Tôi quyết định phải xa rời nơi chốn tối tăm sa đọa đó. Tôi kể mọi sự cho Hayakawa nghe rồi kết luận:

- Tôi không thể tiếp tục làm việc tại những nơi bẩn thỉu, ô uế đó được.

Hayakawa im lặng nghe tôi rồi ôn tồn khuyên:

- Chị không nghe giáo sư giảng ”phiền não tức bồ đề” hay sao? Chị tưởng mình có thể xa rời được những nơi phiền toái, bẩn thỉu để tìm đến một chỗ yên tĩnh, trong sạch không một chút bợn nhơ nào hay sao? Chị tìm đâu được một nơi chốn thanh tịnh như vậy nếu tâm chị không là một đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm trước đã?

- Nhưng làm sao người ta có thể nghe ngày đêm những chuyện thị phi, những điều ngang trái trong trà đình tửu quán mà không bị ảnh hưởng được?

- Đã có lần giáo sư giảng kinh Hoa Nghiêm: ”Đức Phật thị hiện trăm ngàn ức loại âm thanh để diễn tả pháp mầu cho chúng sinh”. Ông đã nhấn mạnh rằng tất cả âm thanh trên thế giới đều là tiếng thuyết pháp của chư Phật, từ tiếng nước chảy, tiếng chim hót, tiếng gió thổi đều nói pháp cho mình nghe…

- Nhưng điều đó thì ăn nhập gì đến những tiếng động ồn ào náo nhiệt của quán ăn? Không lẽ tiếng nhạc kích động, tiếng súc sinh bị bắt giết mổ thịt, tiếng người nói láo cũng là tiếng pháp hay sao?

- Đúng thế. Nếu biết lắng nghe thì chị sẽ hiểu được rằng mọi sự vật trong thế giới này đều nói pháp cho mình nghe đấy. Người lành thì nói pháp lành, người ác thì nói pháp ác, súc sinh thì nói pháp của súc sinh, còn khách hàng thì nói pháp của khách hàng. Tất cả đều làm cho mình hiểu được vì sao mà những sự việc lại xảy ra như vậy. Vì nhân duyên nào mà súc sinh bị bắt giết mổ thịt cho khách ăn? Phải chăng con gà con vịt khi xưa cũng đã có lúc làm người, vì không hiếu thảo với mẹ cha, không làm đầy đủ bổn phận làm người, không biết sống theo đạo lý nên kiếp này mới sinh ra làm súc vật như thế? Phải chăng những kẻ đang say sưa ăn uống thịt cá rồi khen ngon mà không biết rằng họ đang ăn thịt cha mẹ vợ con của họ từ những kiếp trước? Phải chăng những kẻ đang mổ thịt súc vật không gớm tay kia không biết rằng trong một kiếp tương lai, y cũng trở nên nạn nhân của những cuộc chém giết tàn bạo như vậy? Chiến tranh là gì? Phải chăng nó bắt nguồn từ những chém giết trong bàn tiệc, bữa ăn mà ra? Miếng thịt trong bữa ăn chứa đựng cả một biển oán hận, con người càng sát sinh nhiều thì thế giới càng lắm chiến tranh chứ đâu có gì là lạ. Này chị bạn, con mèo bắt con chuột, cá lớn nuốt cá bé, kẻ mạnh ức hiếp kẻ yếu, phải chăng tất cả đều đang nói pháp cho mình nghe về luật nhân quả, gieo nhân nào gặt quả đó. Kẻ ăn cướp đồ vật của người khác vì biết đâu kiếp trước y đã bị người kia cướp mất đồ vật và kiếp này đến đòi nợ? Nếu không vậy thì kiếp sau y cũng sẽ bị người kia

cướp lại. Có vay ắt có trả, mọi vật đều là luật nhân quả báo ứng. Nếu cái đó không phải là Phật pháp thì là gì?

- Như vậy chị khuyên tôi phải làm gì?

- Trong những nơi chốn thị phi đó, hiển nhiên có nhiều người lầm lạc đau khổ, cần được an ủi giúp đỡ. Đó là cơ hội tốt để chị khuyên bảo những người này, giảng dạy cho họ một chút về Phật pháp, giúp họ tìm được ý nghĩa chân thật của đời sống. Đức Phật đã nói: ”Mọi chúng sinh đều có Phật tánh” thì dù làm thầy tu hay làm chiêu đãi viên cũng đều có Phật tánh như nhau. Sở dĩ đa số không biết vì họ đang bị lôi kéo bởi nghiệp lực, trí tuệ của họ mờ tối, chẳng hiểu được bản tánh thật sự của mình nên cứ trầm luân điên đảo trong bể khổ đó mãi. Nếu phát lòng từ bi muốn giúp đỡ người khác thì tại sao chị không bắt đầu với những người chiêu đãi viên đó?

Mặc dầu không hiểu được hết lời khuyên sâu xa của Hayakawa nhưng trong lòng tôi cũng nhen nhúm một cái gì đó nên tôi không nghĩ đến xin nghỉ việc nữa. Năm sau, đại học Hokkaido có mở phân khoa về Phật học, Hayakawa rủ tôi ghi tên tham dự. Tôi e ngại tuổi tác đã lớn không biết có được thu nhận hay không nhưng Hayakawa đã nói: ”Trong việc học, tuổi tác không có nghĩa gì cả. Việc quan trọng là mình có muốn học hay không mà thôi”. May mắn thay, sau khi nộp đơn, cả hai chúng tôi đều được thu nhận làm sinh viên dự thính. Năm đầu chúng tôi ghi tên theo học lớp Phật học đại cương do giáo sư Hiragawa giảng dạy. Ông này ăn nói lưu loát nhưng tôi thấy ông chẳng nói được điều gì mới lạ. Qua năm sau, chúng tôi ghi tên vào lớp Các Tông phái của Phật giáo do giáo sư Haranobu giảng dạy. Ông này biên soạn bài giảng rất công phu nhưng cũng chỉ chú trọng về phương diện lịch sử nhiều hơn là đào sâu vào nguyên nhân hay các chi tiết. Tuy nhiên đến năm thứ ba thì các lớp học bắt đầu khó hơn nhiều nhưng nhờ đã có sẵn một căn bản vững nên tôi và Hayakawa không gặp trở ngại nào. Đến khi đó chúng tôi mới phục công trình giảng dạy của giáo sư Shibata. Thời gian qua nhanh, chẳng mấy chốc tôi và Hayakawa đã học xong chương trình Phật học ở đây. Tôi còn nhớ khi ghi danh vào năm thứ nhất, lớp học có khoảng bốn mươi học sinh, nhưng đến khi học lên năm thứ tư thì cả lớp chỉ có vỏn vẹn ba người. Trong ba năm đầu tại đại học, chúng tôi vẫn tiếp tục đến học hỏi thêm với giáo sư Shibata. Khi ông này qua đời, chúng tôi vẫn theo đuổi việc học cho đến khi tốt nghiệp. Nhờ Hayakawa khuyến khích và khuyên bảo nên tôi bỏ ý định trở nên người quét dọn nghĩa trang cho chùa Hongaji nhưng sau đó, vì không có môi trường học hỏi chung nên chúng tôi không có dịp gặp nhau thường xuyên như trước.

Đối với tôi, việc ra đi của giáo sư Shibata là một mất mát rất lớn. Tôi cảm thấy khó có thể tìm được ai thay thế cho vị thầy hiền từ, uyên bác này. Thiếu người hướng dẫn, tôi đành trở lại chùa Chuoji tiếp tục những khóa tu thiền dưới sự chỉ dạy của vị trụ trì. Tóm lại, sau một thời gian học hỏi, nghiên cứu về Phật học, tôi lại thấy mình trở về với pháp môn thiền. Sau khóa tu, tôi thường mang những thắc mắc của mình ra hỏi để vị trụ trì hướng dẫn cho nhưng tiếc thay, đã quen với lối suy luận về Phật học, tôi không thể hiểu được những câu trả lời có tính cách nghịch lý của thiền, dù hỏi đi hỏi lại mãi tôi vẫn không hiểu thêm được bao nhiêu. Khi học hỏi với giáo sư Shibata, vì chỉ có hai người là Hayakawa và tôi nên việc đặt câu hỏi rất thoải mái, không có gì e ngại. Giáo sư Shibata là người kiên nhẫn và nhiều kinh nghiệm nên ông có thể trả lời tùy theo trình độ của người đặt câu hỏi. Hỏi cao thì ông nói cao, hỏi thấp thì ông trả lời thấp nhưng vị trụ trì tại chùa Chuoji thì không được như thế. Lúc đó khóa tu có đông người tham dự, một câu hỏi ngớ ngẩn thường làm mất nhiều thì giờ của người khác nên hôm đó một người đã phát biểu: ”Thật đáng tiếc cho những kẻ tu tập Pháp môn vi diệu mà không có một chút kiến thức căn bản gì. Làm sao họ có thể tiến bộ được nếu một chữ cũng không thể hiểu nổi?” Nghe vậy tôi thấy khó chịu vì có cảm tưởng họ đang chế giễu mình. Tôi nghĩ thầm: ”Không hẳn thế. Một là tất cả. Nếu tôi có thể hiểu được một chữ thôi, nhưng hiểu thật hoàn toàn, thì tôi có thể hiểu được cả trăm ngàn những chữ khác”. Người kia lại nói tiếp: ”Người ta không thể nghĩ bàn đến những cái không thể nghĩ bàn, những điều tuyệt đối vô thượng với cái kiến thức bé nhỏ tối thiểu đó được do đó họ cần phải tin, không nên đòi hỏi quá nhiều”. Nghe vậy tôi phải cố gắng lắm mới khỏi khỏi buồn bực. Tôi thầm nghĩ: ”Ai nói rằng người ta không thể quán triệt được những điều lớn lao, vi diệu? Điều này không hợp lý chút nào. Làm sao có thể tin tưởng suông khi không hiểu gì hết?” Đáng lẽ tôi đã lên tiếng dạy cho người kia một bài học nhưng khi tôi nghĩ đến sự ung dung điềm đạm của Hayakawa tôi lại cố giữ im lặng, không bày tỏ thái độ.

Người ta nói rằng:” Thiền là nghệ thuật soi sáng thể tánh của con người; con đường giải thoát giúp người ta cởi bỏ những ràng buộc vào các khổ lụy thế gian. Thiền trực tiếp kêu gọi sự chứng nghiệm bản thân, vượt qua các kiến thức của sách vở để đưa ta đến thực tại mầu nhiệm. Khi nghe những lời giải thích như trên, tôi nghĩ rằng tôi có thể hiểu được phần nào nhưng không hiểu sao, trong tâm tôi vẫn có một cái gì đó không được ổn. Tôi có cảm tưởng như mình muốn đi mà không sao đi được, muốn vùng lên mà cứ bị giữ chặt xuống. Càng suy gẫm đầu óc tôi càng quay cuồng với những câu hỏi không

được giải đáp. Sau cùng tôi đánh bạo đến gặp vị trụ trì để hỏi cho ra lẽ: ”Thưa thầy, khi nghe pháp con có thể hiểu được đôi ba phần nhưng không hiểu sao con vẫn không thể tin được. Con nghĩ rằng khi hiểu được thì sẽ phát lòng tin nhưng không hiểu sao con vẫn không thể tin được. Phải chăng sự hiểu biết của con còn nhiều thiếu sót?” Lúc đó một vị tăng ngồi gần đấy đã buột miệng nói: ”Lạ thật! Sao có thể như thế được? Ta đây chẳng hiểu biết gì nhưng rất tin vào Phật pháp”. Sau khóa thiền hôm đó, vấn đề tin tưởng đã được đem ra thảo luận một cách sôi nổi và sau cùng vị trụ trì đã kết luận: ”Có người nói rằng họ có thể hiểu nhưng không thể tin. Những kẻ thiếu đức tin như vậy khó có thể tiến xa vì thiếu nhiệt thành, thiếu một nội tâm bừng lửa đốt…” Tôi ngồi nghe mà có cảm tưởng như bị đóng đinh vào người. Từ đó tôi lại rơi vào trạng thái dằn vặt đau khổ như trước. Tôi đã tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không thấy lối thoát. Tất cả vẫn hoàn toàn đen tối. Tôi biết thời gian không còn bao lâu nữa, cuộc đời của tôi đã đến lúc gần đất xa trời mà sao tôi vẫn còn loay hoay trong những bế tắc, không thấy được một chút hy vọng gì ở cuối chân trời.

---o0o---

Chương 8

Thỉnh thoảng tôi có đến thăm Hayakawa. Mỗi khi gặp nhau chúng tôi thường hỏi: ”Chị đã tìm được vị thầy nào chưa?” Trong một khóa tu tại chùa Chuoji, tôi có nghe vài người nhắc đến tên thiền sư Suga Sama tại tỉnh Chitose và nói rằng đó là một vị thầy cự phách. Tôi bèn kể cho Hayakawa nghe, bà có vẻ thích lắm nhưng vốn cẩn thận, bà bảo tôi:” Chị hãy để tôi đến đó trước xem thế nào. Lời đồn đãi nhiều khi không đúng sự thật đâu. Nếu quả là một vị chân tu đạo hạnh, chúng ta sẽ cùng đến đó cầu đạo”. Hôm sau Hayakawa thu xếp đi Chitose ngay. Khi trở về, bà đến tìm tôi và nói vắn tắt: ”Vị thầy đó rất giỏi, tôi đã xin phép gặp ngài vào tuần sau, chúng ta sẽ cùng đi với nhau”. Tôi biết Hayakawa là người cẩn thận, có nhận xét thâm trầm. Một khi bà đã nói vậy chắc chắn thiền sư Suga Sama phải là một người đặc biệt hiếm có.

Chitoji là một ngôi chùa khá lớn, chánh điện trần thiết giản dị nhưng nghiêm trang. Thiền sư Suga Sama dáng người cao lớn, trông có vẻ lạnh lùng khắc khổ hơn những vị tăng mà tôi đã gặp. Vừa nghe Hayakawa giới thiệu, ông đã nói ngay: ”Tôi nghe nói bà nghiên cứu rất nhiều về Phật học?” Tôi ngượng ngập vì kiến thức hạn hẹp của mình nên chỉ ấp úng nói vài câu lấy lệ nhưng thiền sư Suga Sama đã nói: ”Học nhiều mà không biết áp dụng chỉ là

một mớ kiến thức suông, không ích lợi gì cho việc giải thoát hết". Mặc dù đó chỉ là một câu nói bình thường nhưng không hiểu sao tôi cảm thấy nó có một sức mạnh vô cùng. Dường như ông đã đánh trúng vào tâm lý đang hoang mang của tôi nên tôi không thể chịu được nữa, bao nhiêu nghi ngờ bất mãn trong lòng tôi trào ra như suối. Bỏ qua các dè dặt thường lệ, tôi kể lại việc theo học với giáo sư Shibata như thế nào và những khó khăn tôi gặp phải sau khi ông này qua đời. Thiền sư Suga Sama im lặng nghe tôi nói rồi đặt câu hỏi:

- Bà đã tọa thiền bao giờ chưa?

- Thưa có. Con đã từng tọa thiền tại chùa Chuoji và đã tham dự khóa nhiếp tâm tại Zuiganji với thiền sư Joten.

- Thiền sư Joten dạy những gì?

- Con được dạy phải tham công án Vô.

- Bà đã kinh nghiệm được gì khi tham công án đó?

Đây là lần đầu tiên có người hỏi tôi về những kinh nghiệm khi tu thiền, tôi bèn kể lại công phu tu tập suốt mấy năm và nói rõ về kinh nghiệm lạ kỳ mà tôi đã trải qua khi còn ở trên núi Hokkaido. Tôi cũng kể thêm việc xin đặc tham và sự im lặng, không trả lời một cách bí hiểm của thiền sư Joten. Thiền sư Suga Sama lập tức nói ngay:

- Thiền sư Joten đã từ bi chỉ dẫn như thế mà bà vẫn không hiểu ư? Nếu không có sự im lặng sấm sét đó thì giờ này bà đâu được như thế này.

Câu nói bất ngờ của thiền sư Suga Sama làm tôi giật mình và chớm lên hy vọng. Phải chăng hoàn cảnh của tôi không đến nỗi bi đát như tôi nghĩ? Thiền sư Suga Sama nói tiếp:

- Bà hãy lập tức đến tu viện Mitaka tại Tokyo xin nhập thất tu trong thời gian một năm. Tôi sẽ viết thư giới thiệu. Bà phải đi ngay, không nên chần chờ gì nữa.

Lời nói của thiền sư Suga Sama như có một sức mạnh kỳ lạ, vừa nghe xong tôi đã quyết định đi Tokyo nhập thất tu thiền ngay. Có lẽ cũng cảm nhận được điều đó nên ông mỉm cười có vẻ hài lòng. Lần đầu tiên tôi thấy một nụ

cười trên khuôn mặt khắc khổ của ông. Thiền sư Suga Sama chỉ tay ra chính điện:

- Bà hãy vào đó lạy Phật và đừng quên cám ơn lòng từ bi của thiền sư Joten. Tôi sẽ thỉnh chuông cho bà.

Chúng tôi bước vào chính điện làm lễ. Thiền sư Suga Sama đích thân thỉnh ba hồi chuông. Sau khi lễ Phật xong, ông chỉ vào một bức tranh bằng giấy treo trên vách bị thủng mấy lỗ, ôn tồn nói:

- Nhờ công phu tu tập, bà đã chọc thủng được bức màn vô minh, ít ra cũng thủng được hai lỗ nhỏ như bức tranh kia, dù chưa hoàn toàn, dù vẫn còn nông cạn nhưng ngộ vẫn là ngộ.

Lời nói của ông như luồng ánh sáng chiếu thẳng vào tâm thức đen tuối, đầy hoang mang của tôi. Lạ lùng thay, tôi cảm nhận được một sức mạnh kỳ lạ phi thường từ ông rót qua tôi. Chưa bao giờ tôi cảm thấy thoải mái sung sướng như lúc đó. Hình như tôi vừa tìm lại được một cái gì quý báu nhất đời. Câu trả lời mà tôi tìm kiếm bao lâu bỗng dưng được giải đáp một cách ngắn gọn và bất ngờ. Trước đây tại chùa Chuoji, tôi đã kể về kinh nghiệm này cho hai vị tăng nghe. Một người cười lớn và nói rằng tôi đã "mê ngủ", người kia nói rằng đó chỉ là một "cảm hứng nhất thời" mà thôi. Có lẽ vì thế, tôi không bao giờ muốn nói đến cái kinh nghiệm kia nữa. Thiền sư Suga Sama nói:

- Bà nên biết kỷ luật nhập thất tại Ni viện Mitaka rất nghiêm khắc nhưng đã khổ công tu hành trong suốt mấy năm, tôi nghĩ bà có thể chịu đựng được. Bà hãy đi ngay trước khi thân thể của bà không chịu đựng nổi những kỷ luật gay gắt này.

Hayakawa vẫn im lặng từ trước đến nay nhưng đến lúc đó thì bà vội vã can thiệp:

- Thưa thầy, chị bạn tôi đã già yếu lắm rồi, tu nhập thất với những kỷ luật khắt khe tôi sợ bạn tôi chịu không nổi. Tại sao thầy không thâu nhận và hướng dẫn cho chị ấy ngay tại đây có hơn không?

- Ta rất bận, không thể thâu nhận đệ tử trong lúc này.

- Nếu thế thì cứ để chị ấy ở lại đây, khi nào rảnh rỗi thầy chỉ dẫn cho chị ấy cũng được.

- Không được. Bà phải lên đường ngay trước khi nghiệp lực đời trước của bà làm giảm đi lòng nhiệt thành cầu đạo. Bà nên biết đây là cơ hội cuối cùng.

Tôi cương quyết nói ngay:

- Xin cám ơn lòng từ bi chỉ dẫn của thầy, con xin đi ngay.

Quay qua Hayakawa, tôi khẩn khoản:

- Xin cám ơn lòng tốt của chị nhưng ý tôi đã quyết rồi.

Hayakawa rưng rưng nước mắt nhìn tôi nhưng tôi biết chị đang mừng cho tôi.

Tôi trở về Toyohiro-cho thu xếp hành trang để lên đường ngay. Tôi cho đi tất cả mọi vật sở hữu, chỉ giữ lại ba chiếc áo. Trước khi lên đường, tôi trở về làng cũ để thăm mộ song thân. Được tin tôi sẽ xuất gia nhập thất trong một tu viện tại Tokyo, gia đình tôi phản đối kịch liệt. Đứa con rể nói: ”Mẹ đã lớn tuổi rồi, không thể mạo hiểm như thế được. Không ai ở tuổi đó mà xuất gia tu hành nữa. Tu như vậy thì được lợi ích gì? Bây giờ mẹ đã có cháu, đã trở thành bà ngoại rồi mà sao không hành động như người đã có tuổi?” Đứa con gái vốn ít nói cũng can ngăn: ”Mẹ già rồi, đã chịu đựng cực nhọc cả đời rồi, bây giờ là lúc mẹ nên ở nhà tĩnh dưỡng cho con cháu báo hiếu”. Tôi cảm động trước tấm lòng hiếu thảo của đứa con mà tôi không hề nuôi nấng chăm sóc. Hai cháu ngoại cũng chạy đến ôm chầm lấy tôi, không muốn để cho tôi ra đi. Trước tình cảm gia đình, tôi cũng mủi lòng nhưng lại nghĩ: ” Đời người nhanh như bóng câu qua cửa, ta chưa tìm được con đường giải thoát thì một phút chưa đại ngộ là một phút phí phạm. Ta không thể lưu luyến nơi đây được”. Chiều hôm đó chúng tôi mang hương hoa phẩm vật ra lễ trước mộ song thân của tôi. Đứng trước hai nấm mộ, tôi đã khóc hết nước mắt. Tôi biết mình là một đứa con bất hiếu, một người mẹ không ra gì, một bà ngoại chẳng bao giờ biết đến các cháu nhưng làm sao được khi tâm tôi không hề yên ổn, lúc nào cũng bị dằn vặt bởi khổ đau.

Sau cùng tôi gạt nước mắt khuyên hai con: ”Thời gian rất quý, một phút giây ngắn ngủi cũng là một chút mạng sống rồi cho nên mẹ không thể lãng phí thời gian được. Mẹ không muốn chờ đến ngày mai khi chân tay đã mỏi, mắt mờ, tai điếc không tu hành được nữa. Có lẽ vì kiếp trước mẹ không chịu tu hành nên kiếp này mới gặp khó khăn trở ngại như vậy, nhưng nay mẹ đã gặp

được cơ hội thì phải bắt lấy ngay. Cả đời mẹ chỉ chờ đến cơ hội này. Nếu các con thương mẹ, hiểu mẹ thì hãy vui vẻ để cho mẹ ra đi".

Trước khi rời khỏi làng, một người bạn cũ rất giỏi về khoa tử vi bói toán đã đến gặp tôi, cảnh cáo: "Số chị năm nay gặp nhiều tai họa lớn, có thể thiệt mạng. Chị hãy đợi đến năm sau đi cũng không muộn". Tôi cương quyết trả lời: "Cám ơn bạn đã khuyên nhưng tôi đã chờ cơ hội này từ bao nhiêu năm nay rồi. Một phút chờ đợi là một phút khổ đau, xin hãy cho tôi ra đi một cách thoải mái". Một cô đồng (Miko) khi xưa đã học hỏi về Thần Đạo với tôi cũng khuyên: "Tôi được chư thần cho biết chuyến đi này của chị dữ nhiều lành ít, chị hãy xét lại". Tôi trả lời: "Tôi không còn bao nhiêu thời giờ nữa mà cơ hội chỉ đến một lần thôi. Xin hãy để cho tôi nắm bắt lấy cơ hội cuối cùng này. Dù chết tôi cũng cam lòng".

Tôi rời Hokkaido vào ngày 2 tháng 6 năm 1955. Khi đó tôi vừa được 59 tuổi.

Ngồi trên xe lửa đi Tokyo, tôi đã suy nghĩ rất nhiều về quyết định xin xuất gia của mình. Đây là một vấn đề mà tôi và Hayakawa đã bàn cãi rất nhiều lần trước đó. Theo tôi, muốn tiến bộ trên con đường tu, người ta phải từ bỏ gia đình để vào chùa, giữ gìn giới luật, xả thân tu hành để cầu giải thoát. Hayakawa lại cho rằng việc xuất gia không cần thiết vì một người tu tại gia vẫn có thể giải thoát được. Tôi cho rằng nếu không có một nhóm người cùng nhau khuyến tu, hỗ trợ tinh thần trong một môi trường thuận tiện, người tu một mình dễ bị lung lạc, cám dỗ, khó tiến bộ, và có thể lầm lạc vào các con đường tà. Kinh nghiệm bản thân tự mình cầu đạo suốt mấy chục năm nay đã dạy tôi như thế. Hayakawa cho rằng người ta không thể tìm đến một môi trường thuận tiện, cùng một số người xa lìa thế gian để tĩnh tu mà phải biết tu trong mọi hoàn cảnh. Bà chủ trương người ta không thể lìa bỏ xã hội vì mọi chúng sinh đều có liên hệ mật thiết với nhau, không thể tách rời ra được, do đó theo bà con đường đứng đắn nhất là phải đem đạo vào đời, không lìa xa thế gian mà phải tìm giải thoát ngay trong thế gian này. Chúng tôi đã bàn cãi nhiều lần về việc này, có lần chúng tôi đã phải hỏi giáo sư Shibata nhưng ông này chỉ cười và nói rằng không có con đường nào là tuyệt đối, mỗi cá nhân có một nghiệp quả riêng biệt, và mỗi người phải tự tìm lấy cho mình một con đường thích hợp. Nghe vậy, tôi nhất quyết chọn con đường xuất gia. Theo tôi nếu không thành công trong kiếp sống này, ít ra tôi đã gieo trồng một hạt giống tu hành, nhờ thế những kiếp sau tôi có thể tiếp tục con đường tu học cho đến khi giải thoát được.

Tôi đến Tokyo vào một ngày hè, trời nóng như thiêu đốt. Chuyến hành trình dài làm tôi vô cùng mệt mỏi, chỉ mong được nghỉ ngơi và tắm rửa cho mát. Từ nhà ga xe lửa, tôi phải đi bộ dưới cái nắng như nung nấu đó một lúc mới đến tu viện Mikata. Đây là một ni viện nổi tiếng về kỷ luật và cách sống kham khổ, đạm bạc. Không như các tu viện khác sống bằng sự yểm trợ của Phật tử, các ni sư tại đây đã sống tự túc bằng cách trồng trọt rau trái, đan rổ, dệt chiếu theo đúng tinh thần cần lao của tổ Bách Trượng khi xưa. Điều không ngờ là tôi đến Mikata nhằm vào mùa an cư kiết hạ, trước cửa tu viện có gắn một yết thị yêu cầu mọi người đừng làm rộn các ni sư trong thời gian tu tập này. Tôi ngần ngại đứng trước cánh cửa bằng gỗ dầy không biết có nên vào hay không. Sau cùng tôi tự nhủ dù sao đã mất công đến đây, không lẽ lại quay về nên tôi mạnh dạn đẩy cửa bước vào. Qua mảnh sân nhỏ trồng rất nhiều hoa, tôi đi đến nhà bếp và gặp một ni sư già đang nấu ăn. Tôi xuất trình lá thư giới thiệu của thiền sư Suga-sama và giải thích lý do cuộc viếng thăm của mình. Bà ni sư già mời tôi dùng trà và nói:

- Tôi biết bà đã trải qua một hành trình dài từ Hokkaido đến đây nhưng bà không thể gặp ni sư trưởng được. Trong mùa an cư, chúng tôi không tiếp xúc với người ngoài, hơn nữa lúc này ni trưởng đang tọa thiền, không thể làm rộn ngài được.

- Như vậy ni trưởng tọa thiền trong bao lâu?

- Có khi một ngày, có khi lâu hơn thế.

- Liệu tôi có thể chờ đợi đến khi ni trưởng hoàn tất thời khóa thiền được không?

- Không được, lúc khác bà hãy trở lại.

Tôi cố gắng năn nỉ bà này cho phép tôi tạm trú tại đây ít hôm nhưng bà lễ phép từ chối:

- Tôi chỉ là người làm bếp, không thể quyết định gì được. Kỷ luật tu viện rất nghiêm, không ai được phép tá túc nơi đây nếu không có lệnh của vị ni trưởng. Ngay như thiền sư Suga-sama có đích thân đến đây cũng phải xin phép trước chứ không thể đường đột mà đến như vậy được, xin bà hiểu cho.

Một lần nữa tôi cảm thấy niềm hy vọng đang chan chứa bỗng tắt ngúm. Tại sao mỗi lần tôi sắp đạt được điều gì lại có những trở ngại như vậy? Phải

chăng đây là một thử thách? Tôi nghiến răng quyết định dù gặp khó khăn thế nào cũng nhất định không bỏ cuộc. Tôi cố gắng năn nỉ:

- Thưa bà, tôi chẳng quen ai ở Tokyo cả. Tôi đến đây chỉ với mục đích duy nhất là được xuất gia đầu Phật và nhập thất tu thiền.

Bà ni già tỏ vẻ thương hại, sau một lúc suy nghĩ bà nói:

- Thôi được rồi, nếu bà đã nói thế thì tôi sẽ thưa lại với ni trưởng sau khi bà hoàn tất công phu thiền quán. Nếu ni trưởng bằng lòng tiếp bà thì mời bà trở lại sau vậy.

- Nhưng tôi không quen ai ở Tokyo cả, xin bà cho tôi tạm trú qua đêm nay.

- Không được. Nếu không có phép, tôi không thể cho bà tạm trú tại đây. Không lẽ bà không quen biết một người nào ở đây hay sao?

Ngay lúc đó, tôi chợt nhớ đến một vị tăng tên Minamikawa, xuất thân từ Tokyo, thường hay đến giảng dạy các khóa thiền tại chùa Chuoji.

- Tôi có quen một vị tăng tên là Minamikawa.

- Tưởng ai chứ Đại đức Minamikawa thì chúng tôi biết. Vị này tu tại chùa Taiheiji, cách đây không xa. Bà có thể đến đó xin tá túc qua đêm được.

Biết không thể năn nỉ gì thêm, tôi đành xách khăn gói theo lời chỉ dẫn của ni sư kia tìm đến Taiheiji. Một lần nữa tôi phải đi bộ dưới cái nắng gay gắt của mùa hè suốt mấy giờ liền mới đến được Taiheiji. Khi đến đây thì quần áo tôi ướt đẫm mồ hôi, tôi phải cố gắng lắm mới trình bày được hoàn cảnh của mình. Một lần nữa, tôi lại thất vọng. Vị tri khách tại đây cho biết Đại đức Minamikawa đã đi hoằng pháp tại chùa Ryukyu phải mấy tuần lễ nữa mới về. Tôi lặng người không biết phải nói gì. Dĩ nhiên tôi có thể tìm một xó nào đó ngủ tạm qua đêm nhưng trải qua chuyến hành trình dài, tôi thấy trong người vô cùng mệt mỏi, cần một mái nhà che chở. Tôi đang ngập ngừng lúng túng thì một vị sư già ở đâu bước vào. Vị tri khách tăng liền giới thiệu tôi với vị này:

- Đây là vị trụ trì chùa Taiheiji, Thiền sư Yasutani.

Đó là một ông lão có khuôn mặt gầy ốm, hai gò má rất cao và đầy những vết nhăn. Ông im lặng nghe vị tri khách tăng trình bày hoàn cảnh của tôi rồi ôn tồn nói ngay:

- Tội nghiệp quá! Bà đi từ xa đến đây chắc mệt mỏi lắm rồi, bà hãy tạm trú tại đây qua đêm nay đã. Để tôi thu xếp phòng riêng cho bà.

Tôi mừng rỡ đến chảy nước mắt và không biết phải nói gì hơn ngoài mấy câu cám ơn tầm thường. Không như những vị trụ trì khác có thể sai người dọn phòng cho tôi, Thiền sư Yasutani đích thân đưa tôi đến tận phòng riêng. Ông còn thân hành mang cho tôi một tấm nệm ngủ nữa. Tôi cảm động trước cử chỉ thân ái, giản dị của vị sư già này. Hôm sau tôi trở lại Mikata nhưng người ta cho biết ni trưởng vẫn còn tọa thiền chưa xong nên tôi đành trở về Taiheiji kể lại mọi sự cho Thiền sư Yasutani. Ông này ôn tồn nói:

- Bà cứ tự nhiên tạm trú tại đây thêm ít hôm nữa cho đến khi nào ni trưởng tu viện Mikata hoàn tất thời khóa công phu. Từ nay bà khỏi mất công qua lại bên đó nữa, để tôi cho người nhắn với họ rằng bà hiện tạm trú tại đây, khi nào ni trưởng có thể tiếp bà thì bà hãy qua đó gặp họ sau.

Tôi hết sức cảm động trước thịnh tình của Thiền sư Yasutani. Trong thời gian tạm trú tại đây, tôi ra sức làm công quả, quét dọn lau chùi quanh chùa cẩn thận để báo đáp tấm lòng tử tế của các sư sãi nơi đây.

Vài hôm sau, một ni sư từ Mikata đến gặp tôi vào cho biết ni trưởng đã hoàn tất thời khóa thiền và sẵn sàng tiếp tôi. Tôi mừng rỡ theo vị nay trở lại Mikata. Vị ni trưởng là một người lớn tuổi, mặt đầy những vết nhăn và đặc biệt có một cặp mắt rất sáng. Bà nói:

- Tôi đã đọc kỹ lá thư giới thiệu của Thiền sư Suga-sama và đã suy nghĩ kỹ về trường hợp của bà. Theo ý tôi thì có lẽ giải pháp tốt nhất là bà hãy tìm một nơi nào đó tại Tokyo rồi hàng tuần đến đây tu học.

Tôi thất vọng kêu lớn:

- Thưa ni sư, con đến đây với mục đích xin xuất gia tu học. Việc sống với một gia đình nào đó rồi hàng ngày đến chùa tu học không phải là điều con muốn.

- Như vậy ý bà muốn xin được xuất gia?

- Thưa đúng như vậy. Hoàn cảnh của con không cho phép con tu hành một cách nửa chừng được nữa. Xin ni trưởng cho phép con được xuất gia thọ giới và nhập thất…

Vị ni trưởng nhìn tôi một lúc rồi nhẹ nhàng:

- Nhưng ít ra phải có một người nào đó bảo đảm cho bà kia chứ.

- Bảo đảm gì nữa, con tự bảo đảm cho mình là được rồi.

- Nhưng nếu bà đau yếu hay bệnh tật thì sao?

- Không sao đâu, con khỏe lắm, chẳng bao giờ đau yếu cả.

- Nhưng ốm đau đâu phải điều người ta có thể tránh được.

- Xin ni truởng đừng quá quan tâm, đến khi đó hẵng hay.

- Không được, nếu bà đau ốm sẽ làm phiền những người chung quanh. Ai sẽ săn sóc lo lắng cho sức khỏe của bà đây?

- Thưa ni truởng, con biết thế nhưng xin ni trưởng mở lòng từ bi.

- Chúng tôi rất tiếc, ni viện tại đây có luật chỉ nhận những người từ hai mươi đến ba mươi tuổi thôi. Bà đã vượt quá số tuổi ấn định rồi.

Tôi có cảm tưởng như bị sét đánh ngang tai. Có thể như vậy hay sao? Có lý nào người ta lại không nhận tôi? Tôi cố gắng nói nhưng cổ họng cứ nghẹn lại không sao nói được. Vị ni trưởng tiếp tục:

- Kỷ luật tại đây rất gắt gao, các ni sư tại đây đều sống tự túc bằng cách làm việc lao động. Họ đan rổ, dệt chiếu, trồng trọt cây trái, do đó sức khỏe là điều rất quan trọng. Tu viện này chỉ nhận những người còn trẻ mà thôi.

- Nhưng… nhưng không lẽ nào không đổi luật được sao?

- Không được. Chúng tôi không thể vi phạm luật lệ đã đặt ra được.

- Thưa ni trưởng, nếu bà không cho phép con xuất gia thì ít ra cũng cho phép con được sống tại đây.

- Không được. Bà chỉ có thể đến đây trong những thời khóa tu tập mà thôi.

- Như thế thì ít quá, con muốn xin nhập thất.

- Không được. Việc nhập thất chỉ dành cho những người đã được chọn lựa cẩn thận, những người đã dày công tu hành trong nhiều năm tại đây. Phần bà là người mới, lại chưa xuất gia thọ giới, ta không thể cho phép bà nhập thất được.

- Nhưng ni sư không cho phép con xuất gia thì làm sao con có thể nhập thất?

- Chúng tôi rất tiếc nhưng hiện nay tuổi bà đã cao, sức khỏe của bà đã suy giảm nhiều nên chúng tôi không thể thâu nhận bà được.

Tôi trở về Taiheiji với một tâm trạng buồn chán thất vọng hơn bao giờ hết. Một lần nữa tôi lại thất bại trong việc tìm lối thoát cho mình. Có lẽ nghiệp của tôi quá nặng, mỗi lần muốn tu là một lần gặp trở ngại. Con đường đạo vẫn còn là một cái gì xa vời, không thể đạt được và tôi trở lại tâm trạng bơ vơ lạc lõng như hôm nào. Thiền sư Yasutani yên lặng nghe tôi trình bày rồi ôn tồn hỏi:

- Bây giờ bà định làm gì?

- Thưa thầy, có lẽ tôi đành phải trở lại Hokkaido vậy.

Lúc đó tôi chỉ có ý nghĩ duy nhất là trở về Hokkaido tìm đến Thiền sư Suga-sama xin thụ giáo mà thôi. Tôi biết Thiền sư Suga-sama rất bận và không có ý định thâu nhận đệ tử nhưng tôi không còn giải pháp nào khác. Ông là cái phao duy nhất mà tôi có thể bám víu được trong lúc này mà thôi. Thiền sư Yasutani quan sát tôi một lúc rồi nhẹ nhàng nói:

- Nhưng bà đã mất bao công phu đến đây để xin xuất gia.

Tôi nghẹn ngào như muốn khóc:

- Thưa vâng, nhưng con không may mắn…

Thiền sư Yasutani nhìn tôi một lúc rồi thong thả nói:

- Cửa chùa lúc nào cũng rộng mở, nếu bà đã nhất quyết thì ta có thể thu xếp cho bà xuất gia tu học tại đây được.

Tôi rất cảm động trước câu nói của Thiền sư Yasutani nhưng lúc đó vì đầu óc vẫn còn xúc động bởi những chuyện vừa xảy ra nên tôi không thể quyết định ngay. Tôi xin ông hãy cho tôi vài hôm để suy nghĩ đã. Thật ra lý do chính làm tôi bối rối vì lúc trước tôi đã hứa với Thiền sư Suga-sama sẽ xin tu nhập thất tại Mikata, nếu không được thu nhận ít ra tôi cũng phải báo tin cho ông này biết rồi xin ông chỉ dẫn cho. Thiền sư Yasutani ôn tồn:

- Được lắm, bà cứ thong thả suy nghĩ. Nếu muốn thọ giới xuất gia tại đây, ta có thể thu xếp cho bà được. Còn như bà muốn trở về Hokkaido cũng không sao.

Tôi tiếp tục sống tại Taiheiji trong vài hôm cho qua cơn xúc động. Ngày nào tôi cũng lên chánh điện cầu nguyện, xám hối và cầu mong chư Phật hướng dẫn cho tôi. Cuối tuần đó sau khóa lễ phổ thông, có một buổi thuyết pháp của Thiền sư Yasutani. Ông đã nói:

- Sau khi chứng ngộ dưới cội bồ đề, đức Phật Thích Ca đã thốt lên: " Thật kỳ diệu thay, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh nhưng vì bị vô minh che lấp nên họ không nhận ra điều ấy". Lời tuyên bố đầu tiên của đức Phật chính là tinh yếu của toàn bộ giáo lý của ngài. Đúng như thế, mọi chúng sinh, dù nam hay nữ, dù thông minh hay khờ dại, dù đẹp đẽ hay xấu xa, dù khỏe mạnh hay yếu đau cũng đều có Phật tánh như nhau. Trải qua bao nhiêu kiếp sống luân hồi, tâm thức của chúng sinh đã bị những lớp vỏ cứng của vô minh bao phủ nên họ không thể nhận thức được cái Phật tánh toàn vẹn, trong sạch, hoàn hảo kia nữa. Muốn giải thoát ta phải quay về với cái Phật tánh đó để thấy rõ rằng lâu nay chúng ta đã để cho vô minh lôi cuốn mà không hề hay biết.

Phương pháp hữu hiệu nhất để trở về với cái Phật tánh thanh tịnh đó là tọa thiền. Lịch sử Phật giáo đã chứng minh một cách hùng hồn rằng từ đức Phật đến các đệ tử của ngài, đều giác ngộ từ công phu tọa thiền. Tâm của Phật và tâm của chúng sinh thật ra không hề khác nhau. Cái tâm này có thể ví như mặt nước hồ, tâm của Phật thì như mặt nước yên tĩnh, trên đó mặt trăng chân lý có thể phản chiếu một cách toàn vẹn. Trong khi tâm của chúng sinh thì giống như mặt nước đang bị các làn sống vô minh quấy động, không thể phản chiếu gì được. Mặt trăng chân lý lúc nào cũng chiếu sáng, do đó vấn đề chính của sự tu tập là làm sao để tâm của mình có thể phản chiếu rõ ràng mặt trăng chân lý mà thôi.

Bây giờ quí vị nên tự hỏi cái gì đã làm khuấy động tâm của quí vị? Phải chăng đó là các tư tưởng? Trong việc tu tập, việc đầu tiên quí vị phải làm là

bặt các tư tưởng lúc nào cũng dấy lên này. Đây là điều không dễ vì trải qua bao nhiêu kiếp sống một cách vô ý thức, vọng niệm đã thành một thói quen không dễ gì mà bỏ ngay được. Quí vị nên nhớ, tất cả mọi tư tưởng, dù thanh cao hay xấu xa, đều có khởi đầu và có chấm dứt. Vì có sinh nên có diệt nhưng vì nó cứ tiếp tục nổi lên nên quí vị tưởng rằng nó thường hằng, đó là sai lầm đầu tiên. Nếu những tư tưởng này tiếp tục khuấy động tâm của quí vị, quí vị sẽ không thể phân biệt cái thật với cái hư được. Con người đã đánh giá cao các tư tưởng trừu tượng, các phân biệt của lý trí, của lý luận, nhưng tất cả những cái này đều là sản phẩm của tư tưởng, mà đã là sản phẩm của tư tưởng vốn vô thường, có sinh có diệt thì gốc rễ của nó đã nằm ở chốn vô minh rồi. Tư tưởng chính là tâm bệnh của con người. Nó chính là nguồn gốc của sự mê hoặc và quí vị cần phải phân biệt thật rõ vai trò của tư tưởng, lý trí vốn có tính cách nhất thời với các khái niệm cố định.

Thiền định là phương pháp làm ngưng lại và dứt đi những tư tưởng này. Một khi các làn sóng tư tưởng khuấy động đó dứt tuyệt thì quí vị sẽ nhận thấy rằng mặt trăng chân lý lúc nào cũng chiếu sáng. Giây phút nhận ra điều này là kiến tánh, tức là ngộ, là hiểu rõ được bản thể chân thật của tự tánh. Khác với những ý niệm lý luận hay triết học vốn xuất phát từ tư tưởng, nghĩa là có khởi đầu và có chấm dứt, và có thể thay đổi theo thời gian. Sự chứng ngộ chân lý khi các làn sóng tư tưởng chấm dứt này không thay đổi hay có thể mất đi được. Nó sẽ ở mãi mãi với quí vị, và từ đó quí vị có thể sống một cách thoải mái, bình an trong cái tâm trạng đầy phúc lạc, thanh thản đó…

Sau buổi thuyết pháp, tôi tìm gặp Thiền sư Ysautani để trình bày hoàn cảnh của mính. Cho đến lúc đó tôi mới kể cho ông nghe về công phu tu học của tôi cũng như các kinh nghiệm tâm linh mà tôi đạt được:

- Thưa thầy, lúc nãy thầy nói rằng một khi đã kiến tánh thì cái kinh nghiệm đó sẽ không mất đi.

- Đúng như thế.

- Nhưng trường hợp chứng ngộ của con lại khác. Thiền sư Suga-sama nói rằng con đã chọc thủng được bức màn vô minh, dù chỉ được một hai lỗ rất nhỏ.

- Nếu bà có thể sống mãi trong tâm trạng đó thì đó là kiến tánh, còn nó đến trong một phút nhất thời rồi lại mất đi thì đó chỉ là một thứ mà ta gọi là Ma cảnh (Makyo), không có gì đáng nói cả. Đừng nên để ý đến nó và cũng đừng quan trọng hóa nó lên.

Tôi giật mình, mồ hôi toát ra đầy áo. Chưa bao giờ tôi thấy trong người lại chấn động mãnh liệt như vậy. Sau một lúc định thần, tôi lên tiếng:

- Xin thầy từ bi chỉ dẫn thêm cho con về Ma cảnh.

Thiền sư Yasutani mỉm cười:

- Ma cảnh là những hiện tượng không có thật, những cảm giác hư huyễn, những ảo tưởng mà người tu thiền thường gặp phải trong giai đoạn nào đó. Ma cảnh là những vọng tưởng đến và đi theo thời gian nhưng nó sẽ trở thành "chướng" khi người tu, vì thiếu sự chỉ dẫn, để nó quyến rũ và tưởng rằng nó là thật. Ma cảnh thường xuất hiện tùy theo nhân cách, tính khí của người tu. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng rõ về năm mươi hai loài Ma cảnh khác nhau, nếu muốn bà nên nghiên cứu kinh này. Trong các tuần lễ nhiếp tâm, thường thường học trò của tôi bắt đầu kinh nghiệm về ma cảnh vào ngày thứ ba hay thứ tư. Sau khi siêng năng tu tập để kiềm chế tư tưởng, đến một lúc nào đó Ma cảnh sẽ xuất hiện và điều này rất thông thường, không có gì lạ đâu. Có người nhìn thấy các hiện tượng lạ lùng, có người nghe được những lời nói hay mách bảo, xui khiến, có người còn ngửi được các mùi hương hay có thể sờ mó được một vật gì kỳ lạ. Có khi họ thấy thân thể họ nhẹ bổng lên như bay, có khi họ cảm thấy như rơi vào một hố thẳm không đáy, có khi họ bật ra các câu nói kỳ lạ mà không thể kiểm soát được. Đôi khi những câu nói tưởng như vô tình này lại trở nên linh nghiệm như những lời tiên tri. Nhưng dù thế nào chăng nữa, nó vẫn là Ma cảnh, vẫn là những chướng ngại, vẫn xuất phát từ các tư tưởng nghĩa là gốc rễ của nó nằm trong vô minh.

Trong trường hợp của bà, đó là một ma cảnh về thị giác, bà đã kinh nghiệm được những điều kỳ lạ, nhìn thấy những quang cảnh với màu sắc lạ lùng, có thể nó xuất phát từ trong tiềm thức do những hình ảnh ký ức ghi nhận được khi bà tu theo Thần đạo. Ảo ảnh về thị giác là điều thường xảy ra nhiều nhất vì mắt là giác quan gắn liền với tư tưởng và người ta sử dụng giác quan này nhiều hơn cả. Một cái nệm ghế bỗng biến thành một con quái vật. Một vết nứt trên tường biến thành con rắn. Nhiều đệ tử của tôi đã thấy hình ảnh ma quỷ nhe nanh múa vuốt hoặc thấy các đức Phật hiện ra với hằng hà sa số đệ tử đi quanh ngài. Điều quan trọng nhất phải ý thức đó là Ma cảnh, đừng để nó quyến rũ, lôi cuốn mà cứ để tự nhiên vì nó đến thì nó sẽ đi. Đừng để tâm vọng động, cứ tiếp tục công phu thiền tập, không sợ hãi, không vui mừng, vì vui hay sợ, lo hay mừng đều là những cảm giác làm khuấy động tâm thức của người tu. Như tôi đã nói, vấn đề quan trọng là làm bặt mọi tư tưởng, làm

sao để tâm trống rỗng, yên tĩnh như mặt nước hồ thu thì ánh trăng của chân lý mới có thể phản chiếu một cách toàn vẹn được. Bất cứ một cái gì làm cản trở điều này đều là những chướng ngại do đó điều quan trọng nhất là phải biết tự chủ.

- Nhưng lý do nào đã làm cho ma cảnh xuất hiện?

- Ma cảnh là những trạng thái tâm thức xuất hiện một cách nhất thời trong khi khả năng tập trung của con người đã đạt đến một mức độ nào đó. Nếu hiểu theo một nghĩa khác thì công phu thực hành có tiến bộ, các lớp tư tưởng hời hợt trong tâm thức có bị chế ngự thì Ma cảnh mới xuất hiện. Nếu giải thích theo Duy Thức học thì khi các vọng niệm thuộc thức thứ sáu đã lắng đọng, các chủng tử tâm thức chứa đựng trong thức thứ bảy và thứ tám sẽ bị khích động và nổi lên, tạo ra các hình ảnh, màu sắc, âm thanh đặc biệt. Ma cảnh là một sự trộn lẫn của cái thực và cái không thực, hư hư ảo ảo. Nó khác các giấc mộng thông thường vì nó xuất phát từ những chủng tư hết sức vi tế nằm rất sâu trong tâm thức con người. Một số người tu, thiếu sự chỉ dẫn của một vị thầy đã có kinh nghiệm về Ma cảnh, thường bị chúng quyến rũ và đi lạc vào ma đạo. Đừng bao giờ nghĩ rằng các hiện tượng mình kinh nghiệm được trong lúc này là thật. Thấy một cảnh giới chư thiên không có nghĩa là mình đã đạt được cảnh giới đó, đã trở thành một chư thiên. Thấy Phật hay Bồ tát không có nghĩa là mình đã nhập được vào các Pháp hội, nghe Phật thuyết pháp mà lầm lẫn. Một người tu tập phải biết coi đó là một giấc mộng, là hư, là vọng tưởng, là những chướng ngại làm cản trở công phu tu hành. Dù thấy bất cứ điều tốt lành gì cũng đừng phấn khởi, dù thấy điều gì xấu xa cũng đừng sợ hãi vì nếu trong tâm nảy sinh bất cứ một cảm giác gì, nó cũng khuấy động mặt nước hồ tâm, cản trở sự phản chiếu toàn vẹn của ánh trăng chân lý.

Khi tu tập đến mức thuần thục, các Ma cảnh còn xảy ra ghê gớm hơn nữa. Có khi người tu thấy vào cõi Phật, thấy được ban phúc, được truyền những mặc khải rồi tưởng mình đã chứng đắc này nọ. Tất cả những cái đó đều là Ma cảnh. Nếu bị quyến rũ, nếu để tâm vọng động thì kết quả chỉ là sự phung phí năng lực mà thôi. Nhưng nói một cách khác, khi bắt đầu thấy những Ma cảnh thì đó là dấu hiệu cho biết mình đã đến một mốc điểm quan trọng nào đó rồi, và nếu giữ tâm yên tĩnh, không bị xao động thì chắc chắn sẽ thành công, sẽ kiến tánh, sẽ giác ngộ. Bà không nhớ đức Phật cũng đã trải qua bao nhiêu thử thách, bao nhiêu khó khăn, trước khi thành đạo dưới gốc bồ đề hay sao? Người ta có thể cho rằng có những Thiên Ma hiện ra quấy quá, thử thách ngài nhưng cũng có thể đó là những Ma cảnh mà ngài kinh nghiệm

trước khi đạt đến trạng thái giác ngộ. Dù thế nào chăng nữa, phải biết coi thường những hiện tượng này, cứ để nó đến rồi nó đi, không phản ứng, không chống đối, không vui cũng không buồn, không mừng cũng không lo, thản nhiên bất động trước mọi sự kiện, đó chính là điểm then chốt của người tu thiền.

Từ trước đến nay tôi đã nghe nhiều người giảng về thiền nhưng chưa bao giờ tôi thấy ai giải thích giản dị và rõ rệt như vậy. Hiển nhiên đây không phải là lý thuyết mà là kinh nghiệm thâm sâu của một bậc thầy đã từng trải. Tuy cố gắng ngồi yên nhưng thực ra toàn thân tôi đã chấn động mãnh liệt, bao thắc mắc nghi ngờ của tôi từ trước dường như đều được giải đáp cả. Thiền sư Yasutani thong thả giải thích thêm:

- Theo kinh nghiệm của tôi, Ma cảnh thường xảy ra khi sự điều hành của hơi thở và tâm thức chưa được hoàn chỉnh. Khi tâm và thân chưa hoàn toàn nhất như thì sự sai lệch này có thể tạo ra những hiện tượng kỳ lạ, do đó tư thế tọa thiền và việc điều hòa hơi thở rất cần thiết. Người ta không thể tu thiền một cách hấp tấp mà phải chú trọng đến cách ngồi (thiền tọa) cho thật đúng cách, thật thoải mái, và buông xả hoàn toàn.

Bà nên nhớ thân và tâm là một, bất cứ một sự căng thẳng nào của thân cũng ảnh hưởng đến tâm, và bất cứ một sự xung đột nào của tâm cũng ảnh hưởng đến thân. Việc ngồi thoáng nghe thấy giản dị nhưng thật ra quan trọng không kém việc điều hòa hơi thở. Phần lớn các vị thầy dạy thiền thường quá chú trọng đến việc đếm hơi thở hay tham công án mà xao lãng việc dạy học trò phải ngồi sao cho thật đúng cách. Phần đông các học trò cũng quá nôn nóng hấp tấp vào những công án lạ lùng, các quán tưởng cao xa trong khi chưa biết cách ngồi sao cho thoải mái. Có lẽ đó là lý do nhiều người tu thiền đã bỏ cuộc vì ngồi lâu, chân tay tê buốt đau đớn mà chẳng thấy kết quả gì khả quan. Tư thế trong lúc tọa thiền chính là một trong những căn bản quan trọng của công phu tu tập. Đừng tưởng chỉ ngồi xếp bằng, điều hòa hơi thở và tập trung tâm thức là được. Đừng tưởng chỉ tham công án hay quán tưởng vào các hình ảnh, màu sắc là đủ. Một người tu thiền phải biết ngồi một cách trang nghiêm, thành kính với lòng biết ơn sâu xa chư Phật và chư Tổ, những người đã làm cho Phật pháp biểu hiện. Một người tu thiền còn phải biết ơn tổ tiên, cha mẹ đã tạo ra thân thể, hình hài này nhờ đó người tu mới có thể kinh nghiệm được thực tánh của Pháp. Chính nhờ biết cách ngồi một cách trang nghiêm mà tâm thức sẽ trở nên thành kính, rồi từ đó cử chỉ hành động như đi, đứng, ăn, ngủ cũng ảnh hưởng theo mà có sự chuyển hóa. Nhờ công phu tu thiền mà tâm thức được thoải mái, các vọng tưởng dần dần lắng

xuống, và tâm được thanh tịnh. Khi tâm và thân đã quân bình thì sự an lạc sẽ đến, và chỉ trong sự an lạc này người tu mới kinh nghiệm rõ rệt được từng hơi thở sống động, mầu nhiệm từng phút giây. Từ đó sự hô hấp, vốn có tính cách vô thức và thụ động, sẽ chuyển qua ý thức và tích cực, và toàn bộ diễn biến của sự sống sẽ biểu hiện ra một cách rõ ràng hơn bao giờ hết.

Tóm lại, việc ngồi cho đúng cách là căn bản chính yếu, cần thiết cho những người mới bước vào con đường thiền. Đừng cố gắng ngồi cứng ngắc như khúc gỗ, vừa không tự nhiên, vừa quá căng thẳng nhưng cũng đừng ngồi một cách cẩu thả, nặng nề, trì trệ như bị một vật gì đè nặng lên vai. Tư thế ngồi phải thật thoải mái, vững chãi do đó khi mới tập chỉ nên ngồi khoảng mười lăm phút cho quen thuộc, cho gân cốt co giãn tự nhiên theo tư thế, rồi dần dần tăng lên nửa giờ rồi một giờ. Dĩ nhiên thời gian tọa thiền lâu hay mau tùy lòng nhiệt thành và công phu hành trì nhưng khi người ta có thể ngồi khoảng từ nửa giờ đến một giờ mà thân thể không đau đớn, tê buốt thì cảm giác an lạc, thoải mái sẽ đến một cách tự nhiên.

- Thưa thầy, con có thể ngồi lâu không mỏi mệt nhưng sao vẫn không thấy có kết quả bao nhiêu?

- Phải chăng khi ngồi thiền bà đã cố gắng để đạt đến giác ngộ? Cái lòng mong cầu, ao ước đó chính là một chướng ngại đã phá đi trạng thái ung dung tự tại cần thiết. Sự mong cầu, dù mong cầu một sự bình an, giác ngộ, vẫn là một vọng niệm làm khuấy động mặt nước hồ tâm thì làm sao ánh trăng chân lý có thể phản chiếu một cách toàn vẹn được?

Một lần nữa tôi thấy toàn thân rung động mãnh liệt. Thiền sư Yasutani đã vạch trần những lỗi lầm mà tôi mắc phải. Tôi cố gắng biện bạch:

- Nhưng dù sao con cũng đã phát triển được về định lực (Joriki).

- Phát triển về định lực không phải là mục đích tối hậu của Phật giáo. Nó chỉ là một phương tiện, một trình độ mà người ta có thể đạt được khi sự tập trung lên đến mức nào đó. Có định mà thiếu tuệ thì làm sao có thể kiến tánh được.

Câu nói giản dị trên làm tôi giật nẩy người như bị điện giật. Nó là câu trả lời mà tôi vẫn tìm kiếm trong bao lâu nay. Thì ra thế! Tôi đã quá chú trọng đến công phu, đến phương pháp, đến cách điều hòa hơi thở, và hài lòng với những quyền năng của định lực mà quên lãng việc phát triển trí tuệ, cái điều kiện tiên quyết của người học Phật. Thiền sư Yasutani nói tiếp:

- Người có định lực có thể phát triển được những năng lực siêu nhiên hay thần thông nhưng dù đạt đến trạng thái tuyệt đỉnh, người ta vẫn không thể cắt đứt được sự kiềm chế của luân hồi sinh tử vì vẫn còn chịu sự chi phối của nghiệp lực. Người có định tuy làm chủ được thân tâm nhưng vẫn không thoát khỏi sự chi phối của khổ não vì chưa nhận ra được tự tánh của mình. Có định phải có tuệ đi kèm thì mới nhận ra tự tánh của mình được. Đó chính là điều mà Tổ Huệ Năng đã nói:" Nào ngờ bản tánh vốn tự đầy đủ, vốn tự thanh tịnh, vốn bất sinh diệt". Nếu đã nhận ra tự tánh thì thực chất của cái kinh nghiệm đó sẽ không thể khác điều mà xưa kia chư Phật hay chư tổ đã chứng đắc.

Kiến tánh chính là sự phối hợp tự nhiên của định và tuệ. Định là sức mạnh và tuệ là chất xúc tác để mở con mắt Tâm. Thiếu trí tuệ, người ta chỉ có thể kinh nghiệm được những cái gì hời hợt, nông cạn, chợt đến chợt đi trong chốc lát và sau cùng chỉ là những kỷ niệm rời rạc, chẳng giúp ích gì mà còn là những chướng ngại nếu cứ mải bám víu vào đó.

Không còn nghi ngờ gì nữa! Thiền sư Yasutani quả thật là vị thầy mà tôi vẫn tìm kiếm từ bao lâu nay. Tự nhiên nước mắt tôi trào ra như suối nhưng lần này tôi đã khóc vì vui mừng. Tôi cung kính quỳ mọp xuống sàn đảnh lễ:

- Bạch thầy, xin thầy mở lòng từ bi thu nhận con làm đệ tử và hướng dẫn con trên đường tu học.

Thiền sư Yasutani chắp tay đáp lễ:

- Được lắm, ta sẽ thâu nhận con làm đệ tử.

---o0o---

Chương 9

Trong đời sống vẫn có những sự kiện xảy ra thật bất ngờ, ngoài sự mong cầu, ao ước. Tôi đã mải miết tìm kiếm khắp nơi một cách mù quáng nhưng vẫn không tìm thấy điều tôi muốn. Quả thật tôi có mắt mà như mù, ngay khi đến Taiheiji, tiếp xúc với thiền sư Yasutani, tôi vẫn không nhận ra đó là vị thầy mà tôi muốn tìm từ bao lâu nay. Nếu thiền sư Yasutani không từ bi mở cho một con đường thì không biết hiện nay tôi sẽ như thế nào? Có thể tôi vẫn lang thang tìm kiếm cho đến những ngày cuối của cuộc đời. Tôi được thọ giới tỳ kheo và giao phó nhiệm vụ quét dọn, nấu nướng tại Taiheiji. Mỗi sáng tôi dậy rất sớm để tham dự các thời khóa thiền. Tôi thực hành theo lời

chỉ dẫn của thiền sư Yasutani, luôn luôn cẩn thận, ngồi thật đúng cách, và gìn giữ cử chỉ thật trang nghiêm, thành kính trong mọi hành động. Trong lúc tọa thiền, nếu có điều gì thắc mắc tôi đều đem ra hỏi, nhờ thế tôi mới thấy việc tìm được một vị thầy có kinh nghiệm hướng dẫn quan trọng như thế nào. Đôi khi có những thắc mắc rất nhỏ, tưởng chừng không có gì đáng kể nhưng khi nhận được câu giải đáp, tôi mời thấy tầm quan trọng của nó.

Một hôm trong lúc tọa thiền, tôi cảm thấy trong người thoải mái, dễ chịu, dường như có một cái gì kỳ lạ đang biến chuyển trong tâm tôi. Tôi thấy mình như được nâng lên một bình diện nào đó, khắp người được bao phủ trong một niềm phúc lạc vô biên, tôi thấy mình như tan biến trong một biển tình thương rộng lớn. Tôi mừng rỡ tìm đến thiền sư Yasutani để kể cho ông nghe về kinh nghiệm này. Ông thản nhiên nói ngay:

- Điều này không có gì lạ, đa số học trò của ta cũng đều có những kinh nghiệm tương tự như vậy. Phần lớn con người thường quen suy nghĩ theo đường lối nhị nguyên, có chủ thể và đối tượng, nên thường bám víu vào bản ngã. Các cảm giác khoái lạc, hạnh phúc cũng đều xảy ra quanh cái bản ngã này. Lần này bà đã kinh nghiệm được một thứ tình cảm cao thượng hơn vì không còn tập trung vào bản ngã nên bà thấy sung sướng, thoải mái hơn các cảm giác khoái lạc của bản ngã. Tuy nhiên bà đừng nên bám víu lấy nó, chỉ nên coi đó là một việc đã xảy ra rồi và quên nó đi. Đừng để kinh nghiệm này trở nên một kỷ niệm rồi giữ mãi trong tâm mà thành chướng ngại.

Trong một buổi thiền tập khác, tôi bỗng dưng thấy chán nản và thất vọng một cách kỳ lạ. Tôi sợ mình sẽ không thể thành công được và cảm giác sợ hãi này cứ chi phối tôi trong suốt khóa thiền. Thiền sư Yasutani đã khuyên:

- Đó là một điều thường xảy ra. Một cái máy có thể hoạt động đều đặn không ngưng, nhưng một con người thì không như thế. Có lúc cơ thể mệt mỏi vì các hiện tượng tâm lý hay sinh lý, hoặc cả hai. Điều quan trọng là hãy vững tâm và đừng thất vọng. Bà phải tin chắc rằng mình sẽ thành công và sự quyết tâm này sẽ gây phấn khích và khôi phục lòng nhiệt thành của bà. Một khi bà nghĩ rằng mình không thể đạt được điều mình muốn hoặc tệ hơn nữa, bà cho rằng việc đó vượt khỏi khả năng của bà, thì bà không bao giờ nhận ra được chân tánh của mình.

Hôm sau, trong buổi giảng hàng ngày, thiền sư Yasutani đã nói:

- Có ba yếu tố hết sức quan trọng trong việc tu thiền, đó là Đại Tín Căn (Daishinkan) hay lòng tin nhiệt thành, một lòng tin đã cắm rễ rất sâu, không

gì có thể lay chuyển được. Đây không phải là lòng tin mù quáng hay mê tín dị đoan nhưng là một lòng tin tưởng chắc chắn vào những điều đức Phật đã chỉ dạy. Phật giáo bắt đầu với sự giác ngộ của đức Phật, do đó niềm tin nhiệt thành của chúng ta là sự chứng ngộ của Phật và bản chất của sự chứng ngộ đó. Đức Phật nói: "Ta là Phật đã thành và các con là Phật sẽ thành" thì chắc chắn chúng ta sẽ thành Phật vì chúng ta vốn sẵn có khả năng đó. Nếu người nào không tin được điều này thì chắc chắn không thể tiến xa được. Yếu tố quan trọng thứ hai là Đại Nghi Đoàn (Daigidan) hay sự nghi ngờ mãnh liệt, một nỗi nghi khiến chúng ta cảm thấy áy náy, khó chịu không sao tìm được sự giải thích thỏa đáng. Đây không phải là một mối nghi ngờ tầm thường hay đơn giản nhưng là một mối nghi phát xuất từ cái lòng tin nhiệt thành kia. Nó là cái nghi rằng tại sao thế giới này lại đầy xung đột, mâu thuẫn và đau khổ khi lòng tin nhiệt thành cho rằng chính sự ngược lại như vậy mới đúng. Cái nỗi nghi mãnh liệt này hiện hữu tương xứng với cái lòng tin nhiệt thành kia, do đó mới nảy sinh yếu tố quan trọng thứ ba là Đại Phấn Chí (Daifunshi) hay sự quyết tâm dũng mãnh. Sự quyết tâm này phát xuất một cách tự nhiên từ sự nghi ngờ mãnh liệt kia. Để dẹp tan mối nghi ngờ đó, người ta dốc toàn lực ra để khám phá vì sao lại có sự nghịch lý như vậy, tại sao "bản tánh của chúng ta vốn tự trong sạch, đầy đủ và không sinh diệt" mà thế giới của chúng ta, vốn chỉ là những biểu hiện của nội tâm chúng ta, lại bất toàn, thiếu sót, đầy những khổ đau và luôn luôn thay đổi như vậy? Chính cái động năng cương quyết tìm câu trả lời này sẽ dẫn người ta đến Ngộ. Giải quyết được mối nghi này là phá vỡ được tất cả những mâu thuẫn nhị nguyên và đó chính là con đường mà các tổ thiền tông đã chỉ dạy "trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật".

Sau khi sống tại Tokyo khoảng một tháng, tôi được thiền sư Yasutani cho tham dự khóa Nhiếp tâm (Sesshin) tại chùa Shinkoji. Cũng như khóa nhiếp tâm trước tại Zuiryuji với thiền sư Joten, mọi người bắt đầu bằng công án Vô. Trong buổi độc tham (Dokusan) với thiền sư Yasutani, tôi đã cố gắng trình bày kiến giải của mình nhưng lúc đó tôi vẫn còn chịu ảnh hưởng các kinh nghiệm quá khứ nên thiền sư Yasutani đã nói ngay:

- Đó là Ma cảnh chứ chẳng phải Phật pháp, hãy khởi sự lại từ đầu.

Tôi lui ra và nhủ thầm: "Lần này ta phải bắt đầu lại như người sơ tâm, chưa biết gì". Tôi xếp bằng để tham công án nhưng một lần nữa, các thói quen quá khứ lại chi phối tôi. Chỉ trong thoáng giây tôi lại bước vào trạng thái trống rỗng, thụ động như khi còn thực hành các phương pháp của Thần đạo. Mặc dù cố gắng nhưng lần nào cũng thế, lúc thì tôi thấy mình lo chiến đấu

để gạt bỏ các lý luận nổi lên một cách rối loạn, khi thì tôi lại rơi vào trong hư vô không sao làm chủ được mình. Trong suốt khóa Nhiếp Tâm, tôi đã không tiến bộ bao nhiêu.

Trong buổi nói chuyện trước khi chấm dứt khóa Nhiếp Tâm, thiền sư Yasutani đã nói: "Tôi biết trong quí vị có một số người đã thất vọng vì nỗ lực mà không đạt ngộ nhưng quí vị nên biết sự nỗ lực không bao giờ lãng phí cả. Điều này có thể so sánh với việc bắn cung. Ai dám bảo 99 lần bắn hụt không liên quan gì đến lần thứ 100 bắn trúng hồng tâm? Điều quan trọng là quí vị phải biết áp dụng những điều đã học vào đời sống hàng ngày. Có nhiều người khi trở về nhà mới kiến tánh, có người vài tháng sau khóa nhiếp tâm đang ngồi trên xe lửa bỗng kiến tánh. Tóm lại, việc có đạt ngộ hay không trong khóa nhiếp tâm không quan trọng. Điều quan trọng là quí vị hãy tiếp tục tập trung vào công án, đừng làm phí phạm công phu này. Đừng đợi đến khóa nhiếp tâm sau mới tiếp tục tham công án mà hãy thực hành những gì có thể ngay trong đời sống hàng ngày. Người ta không thể đạt ngộ bằng cách tham dự khóa nhiếp tâm, hay nghe các thiền sư chỉ dạy, mà bằng chính nỗ lực cá nhân không ngừng nghỉ của mình".

Sau khóa nhiếp tâm, tôi tìm đến thiền sư Yasutani:

- Thưa thầy, con cố gắng lại lại từ đầu nhưng cứ bị các thói quen cũ chi phối. Mỗi khi tập trung tư tưởng vào công án con lại thấy trong tâm nổi lên những lý luận này nọ khiến con phải cố gắng gạt bỏ nó. Dĩ nhiên con biết như vậy là sai nhưng không hiểu sao đầu óc con cứ mâu thuẫn như một bãi chiến trường.

- Đó là cái bệnh của trí thức. Bà có thói quen suy nghĩ và lý luận nhiều quá nên vẫn thấy giữa mình và thế gian bên ngoài là hai thực thể khác biệt. Sự vướng mắc lại trầm trọng hơn khi bà cố gắng gạt bỏ nó vì vẫn còn sự phân biệt giữa cái bản ngã và cái không phải bản ngã. Bà phải biết bản ngã vốn là huyễn, do sáu thức sinh ra và tứ đại hợp thành. Cái quan niệm về bản ngã thực ra đã ăn sâu vào tiềm thức cá nhân, từ kiếp này qua kiếp khác, không dễ gì có thể gạt bỏ ngay được. Nhờ sự tập trung vào Vô một cách nhất tâm mà bà sẽ dần dần loại bỏ được vọng niệm này, và khi xóa sạch được nó là kiến tánh.

- Nhưng con đã tham cứu công án Vô nhiều năm mà vẫn không sao giải được. Xin thầy từ bi ban cho con một công án khác.

- Bà đừng thất vọng và bỏ cuộc một cách dễ dàng như vậy. Xưa khi tổ Huệ Khai đã tham cứu công án này suốt sáu ăm trời mới giải được thì công phu của bà đã thấm vào đâu? Sau khi giác ngộ, tổ Huệ Khai soạn bộ Vô môn quan và đưa công án Vô lên hàng đầu trong tất cả các công án hẳn phải có lý do đặc biệt rồi. Dĩ nhiên tôi có thể trao cho bà công án Tiếng vỗ của một bàn tay hay Bộ mặt thật trước khi cha sinh mẹ đẻ là gì, nhưng hai công án này sẽ còn kích thích trí tưởng tượng của bà nhiều hơn nữa khiến bà cứ bận tâm suy luận, không đạt lợi ích nào cả. Tổ Huệ Khai đã nói: “Cố gắng giải Vô bằng lý luận thì có khác gì sờ tay vào một tấm vách bằng thép dày nung đỏ”. Theo tôi, với những người trí thức, thích suy nghĩ lý luận, công án Vô là phương pháp tốt nhất. Người trí thức sẽ tìm đủ mọi lý luận, biện giải để tìm ra cho được ý nghĩa của Vô. Dĩ nhiên họ sẽ tìm được một câu trả lời nào đó để mang ra trình bày nhưng chắc chắn vị thầy hướng dẫn sẽ gạt nó qua một bên và yêu cầu người đó phải tìm nữa. Họ sẽ tiếp tục trò chơi của lý luận này một hồi, lần nào cũng thế, cứ tìm ra câu trả lời nào là bị vị thầy hất hủi, quát mắng, gạt bỏ không thương tiếc. Bà không thấy sao? Phần lớn các cuộc độc tham trong khóa nhiếp tâm đâu mấy khi kéo dài quá một phút vì tất cả những gì có thể lý luận, suy nghĩ, hay tưởng tượng đều bị gạt bỏ. Chỉ sau những năm tháng khổ công mà chẳng đi đến đâu, khi mọi lý luận, biện giải đều kiệt quệ thì người ta mới tuyệt mọi ý niệm, và rồi trong sự tuyệt ý niệm đó, người ta hốt nhiên nhận ra Vô.

Thiền sư Yasutani nhìn tôi một lúc rồi thong thả giải thích:

- Bà cần hiểu rằng công án được thiết lập ra để làm bối rối những kẻ trí thức, những kẻ say mê chữ nghĩa, danh từ, lý luận, phân biệt. Mục đích của công án là giải phóng cái tâm ra khỏi trò chơi của ngôn ngữ hay cái bẫy của văn tự. Công án thường lấy những đề tài rất giản dị như cây cối, súc vật, sông núi để cho người ta dễ hiểu rồi khiêu khích lý trí đưa ra những giải đáp không thể có được. Nói một cách khác, công án vạch trần sự giới hạn của lý trí, của lý luận nhị nguyên và giúp người ta kinh nghiệm được chân lý không thể nghĩ bàn. Sự giải đáp công án chính là sự chuyển hóa của tâm, đưa nó từ trạng thái mê hoặc đến trạng thái thức tỉnh. Sự quyết tâm chiến đấu với công án chính là sự nỗ lực phá tan xiềng xích của vô minh để đạt đến giải thoát. Chỉ những người đã giải được công án mới có thể hiểu rằng mỗi công án đều có những ý nghĩa rất sâu xa, chỉ rõ bộ mặt thật của con người trước khi sinh ra chứ không giản dị đâu. Với những người khao khát giải thoát một cách nhiệt thành thì tham công án là phương pháp rất hữu hiệu nhưng với kẻ lười biếng, không khát khao bao nhiêu thì phương pháp này không ích lợi gì mấy.

- Như vậy con phải làm gì?

- Điều quan trọng là phải tập trung để thành một với Vô chứ đừng nghĩ đến ý nghĩa của nó. Sự tập trung phải liên tục và hết sức ý thức vì một ngập ngừng là hỏng công phu rồi. Tổ Tăng Xán đã nói: "Đạo lớn vốn không khó, chỉ bình thường giản dị, nhưng nếu sau một ly, là đất trời xa cách". Do đó, bà phải biết cảnh giác rồi nhờ công phu bền bỉ mà sẽ hòa nhập được vào Vô.

- Nhưng nếu tránh được việc bị các lý luận quấy rầy, con lại rơi vào một trạng thái trống rỗng lạ lùng, không thể kiểm soát được.

Thiền sư Yasutani gật đầu nói:

- Trường hợp của bà rất đặc biệt. Bà hết rơi vào cực đoan này lại mắc vào cực đoan khác. Bà gặp ba chướng ngại lớn: Bản tánh của bà ưa lý luận, suy nghĩ nhiều quá, bà lại có lòng tham cứ mong cầu đạt ngộ, và bà có thói quen trở nên mẫn cảm, thụ động do việc thực hành một phương pháp thiền ngoại đạo. Ba chướng ngại này đã cản trở công phu tu tập của bà nên dù cố gắng bà vẫn không đạt kết quả bao nhiêu, Đa số mọi người chỉ gặp khó khăn về một phương diện nào đó thôi nhưng trường hợp của bà lại khác.

Đây là lần đầu tiên tôi ý thức rõ rệt về những sai lầm tai hại do sự tu tập một cách tự do, phóng túng của mình. Nước mắt tôi trào ra, tôi thấy rõ lý do tại sao dù cố gắng mà tôi vẫn không tiến bộ bao nhiêu. Tôi khóc cho sự dại dột, bất cẩn của mình. Tôi tiếc cho thời gian mấy chục năm lang thang tìm đạo một cách vô ý thức. Tuy nhiên tôi cũng mừng vì một vị thầy đã phân tích rõ rệt được "bệnh trạng" của tôi như vậy ắt hẳn phải có "thuốc chữa". Tôi quỳ mọp xuống sàn:

- Xin thầy từ bi chỉ dẫn cho con làm sao có thể khắc phục được những chướng ngại này.

Thiền sư Yasutani ung dung nói:

- Có một cách tọa thiền để thực hiện tự tánh, nó không phải là sự tập trung vào công án để đả phá những lý luận, cũng không phải đếm hơi thở để chống lại việc đầu óc trống rỗng. Phương pháp này đòi hỏi lòng quyết tâm, can đảm và hùng lực, đó là phương pháp "Chỉ quán đả tọa" (Shikan-taza) mà tổ Đạo Nguyên (Dogen), người sáng lập dòng thiền Tào Động Nhật Bản đã

đem nó từ Trung Hoa về. Nền tảng của nó là việc ngồi với lòng tin dũng mãnh không lay chuyển, ngồi như Phật ngồi, ngồi với tâm vô cầu, vô niệm, để thể hiện cái tâm thức Bồ Đề tự nhiên sẵn có. Người ngồi thiền theo phương pháp này tin rằng một ngày nào đó chắc chắn họ sẽ đạt Ngộ (Satori) một cách tự nhiên. Đây chính là điều mà tổ Đạo Nguyên đã dạy: "Ngồi thiền đúng cách là thể hiện chân tánh không ô nhiễm của mình chứ không phải cố gắng để Ngộ". Tuy nhiên bà cần nhớ kỹ rằng Ngộ vẫn là điều hết sức quan trọng, tôi đã nghe có người lý luận một cách sai lầm rằng Ngộ không phải là điều cần thiết. Nếu tu thiền mà không đạt Ngộ thì cái đó là thứ thiền gì chứ không phải thiền Phật giáo. Bà nên biết có nhiều phương pháp khác nhau, cố gắng đạt Ngộ qua việc tham công án, quán hơi thở hoặc đạt Ngộ qua cách ngồi với lòng tin rằng giây phút kiến tánh sẽ đến tự nhiên, Tổ Đạo Nguyên đã nói: "Trong Chỉ Quán Đả Tọa không có phương tiện (thiền tọa) hay cứu cánh (giác ngộ) mà phương tiện và cứu cánh là một". Đây là một phương pháp thực hành mà người tu chỉ tập trung vào việc ngồi mà thôi. Vì không có công án hay hơi thở trợ giúp nên người ta rất dễ xao lãng, do đó nói thì dễ nhưng thực hành lại rất khó. Đây không phải phương pháp cho người mới tập mà dành cho những người đã có công phu tu tập lâu dài, những người có thể ngồi lâu không mỏi mệt, có thể đếm hơi thở rõ ràng, không nhầm lẫn, vì nó đòi hỏi một sự tập trung cao độ. Vì trạng thái tập trung này không thể kéo dài duy trì lâu được nên một thời khóa chỉ nên kéo dài khoảng nửa giờ là nhiều. Tôi tin chắc rằng nếu ngồi đúng cách, bà sẽ toát mồ hôi đầm đìa, dù giữa mùa đông giá lạnh, vì sự tập trung sẽ sinh nhiệt. Tuy nhiên trên con đường đạo, không có một phương pháp cố định nào để áp dụng cho tất cả mọi người. Mỗi người tùy tâm trạng, hoàn cảnh và hạnh nguyện sẽ lựa chọn phương pháp nào thích hợp với mình nhất để tu tập. Theo kinh nghiệm của tôi, bà cần phải áp dụng cả ba phương pháp để đối trị với những chướng ngại của bà. Bà cần tham công án để phá vỡ những chướng ngại về trí thức, lý luận. Bà cần quán hơi thở để giữ đầu óc minh mẫn, luôn luôn chủ động chứ không để lọt vào trạng thái trống rỗng thụ động. Và sau cùng bà cần thực hành Chỉ Quán Đả Tọa để thể hiện Phật tánh sẵn có, tránh những mong cầu về Ngộ. Một khi đã ngồi một cách thành kính, không mong, không cầu gì nữa mà hoàn toàn để tâm thoải mái thanh tịnh thì dù bà có đạt ngộ hay chưa, tự tánh sẵn có cũng vẫn khai mở và thể hiện một cách tốt đẹp.

Từ đó tôi bắt đầu áp dụng phương pháp thiền sư Yasutani chỉ dạy vào thời khóa hàng ngày, bắt đầu bằng việc tham cứu công án, quán hơi thở và Chỉ Quán Đả Tọa. Dưới sự chỉ dẫn của thiền sư Yasutani, tôi tập trung tư tưởng vào đan điền (hara) vì đó là nơi các năng lực tinh thần quy tụ, Một số người tin rằng óc là nơi trú ngụ của tư tưởng nên khi tọa thiền họ thường tập trung

tất cả sức mạnh vào đầu, hoặc giữa trán để mở con mắt tâm. Thiền sư Yasutani không đồng ý và chủ trương phải bắt đầu từ đan điền (hara) để giữ quân bình cho cơ thể và thiết lập một trung khu ý thức tại đây. Ông cho rằng nếu tập trung tư tưởng lên óc thì dễ bị nhức đầu, căng thẳng thần kinh, tê liệt cảm giác, rồi sinh ra các biến chứng kỳ lạ như thụ động, mẫn cảm dễ bị các động lực khác sai khiến. Ông nói rằng sự tập trung sinh lực vào đan điền sẽ làm giảm đi các vọng niệm nảy sinh trong đầu vì máu trên óc sẽ được kéo xuống đan điền, xoa dịu bộ óc và hệ thần kinh, làm xả giãn các sự căng thẳng không tự nhiên. Khi tâm được giữ chặt ở đan điền, các vọng niệm ích kỷ vốn xuất phát từ trí óc hạn chế, phân biệt, sẽ được thay thế bằng các tư tưởng rộng rãi, bao dung khiến người ta kinh nghiệm được một cảm giác tự do, thoải mái tràn ngập khắp tâm và thân. Khi tập trung tư tưởng lên óc một cách quá độ, người ta thương vô tình cúi đầu ra phía trước khiến lưng không được thẳng. Một cái lưng cong sẽ kéo theo vô số tạp niệm nảy sinh do sự lưu chuyển không bình thường của khí. Những tạp niệm này sẽ ảnh hưởng lên hơi thở và làm cho nó trở nên nhanh chậm bất thường, tùy bản chất các tạp niệm. Sự rối loạn hơi thở sẽ phản ảnh ngược lên thần kinh tạo ra trạng thái căng thẳng không cần thiết. Nếu tập trung vào đan điền, người ta dễ ngồi thẳng lưng một cách thoải mái, nhờ thế mà cơ thể ngồi lâu, chân tay không bị tê cứng, đau buốt. Chính nhờ biết ngồi đúng cách mà các năng lực tinh thần bị lãng phí trước kia vào những lý luận thị phi, những toan tính ích kỷ, sẽ được sử dụng một cách hài hòa để gia tăng cường lực cho các bộ phận của cơ thể. Chính sự ngồi đúng cách và thở hít một cách ý thức này sẽ tái sắp đặt các năng lực của cơ thể, phân phối nó đi một cách đồng đều, làm ổn định tâm thần, tự tánh sẵn có được thể hiện và chuyển hóa nhân cách cũng như cá tính con người.

Tôi sống tại Taiheiji được khoảng một tháng thì chùa Raikoji gần đó có mở khóa nhiếp tâm (Sessin) và thiền sư Yasutani khuyến khích tôi nên đến đó tham dự. Khóa nhiếp tâm này được thiền sư Shibayama hướng dẫn. Ông dạy học trò phải tham công án “Cây cột phướn trước sân chùa” như sau: Đại đức A Nan đến hỏi Tổ Ca Diếp: ”Khi đức Thế Tôn phó chúc và truyền y bát cho sư huynh, ngài còn truyền pháp riêng gì nữa không?” Tổ Ca Diếp liền gọi: ”Này A Nan!” Đại đức A Nan trả lời: “Dạ” Tổ Ca Diếp liền nói: ”Cây cột phướn trước cổng chùa đổ”. Đại đức A Nan nghe đến đó giật mình liễu ngộ và được Tổ Ca Diếp ấn chứng và truyền chánh pháp nhãn tạng cho làm vị tổ thứ hai của Thiền Tông.

Tôi ngồi xếp bằng và khởi sự tham công án thì nhìn thấy những tấm chiếu trải trên thiền đường đều đã rách nát cả. Tôi cảm khái nghĩ thầm: ”Ngôi chùa này nghèo quá, ngay những tấm chiếu trải mà cũng để cũ nát như vậy. Ngày trước khi còn hành nghề cô đồng (Miko), có bao giờ ta để ngôi đền Thần Đạo có những tấm chiếu cũ nát như thế đâu! Có lẽ ta phải hành lại nghề này để kiếm tiền tu bổ cho ngôi chùa này mới được. Nghĩ cho cùng, hành nghề đồng cốt đâu có gì xấu…” Vừa lan man nghĩ đến đó thì tôi nhận thức được rằng mình đã thiếu tự chủ, để cho những tư tưởng không cần thiết dấy lên một cách vô ý thức. Ngay lúc đó tôi cũng hốt nhiên hiểu được ẩn nghĩa của công án “Cây cột phướn trước sân chùa đổ”. Chỉ một thoáng giây, mọi sự trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết. Chỉ một phút sơ ý, tâm người đã bị ngoại cảnh chi phối, vọng tưởng nổi lên không ngừng khiến người ta mất tự chủ. Từ chuyện nhỏ như tấm chiếu rách rồi đến việc tu theo Thần đạo, việc hành nghề đồng cốt… Ôi thôi! Chỉ một thoáng giây thiếu tự chủ mà vọng niệm đã nổi lên cuồn cuộn như vậy thì làm sao mặt nước hồ tâm có thể tĩnh lặng để mặt trăng chân lý biểu hiện rõ ràng được? Cho đến lúc đó tôi mới hiểu được rằng chân lý đâu phải một thứ để đem ra bàn luận, để suy tưởng, để quán xét mà phải trực nhận, kinh nghiệm nó trong từng phút giây. Khi bắt đầu suy gẫm đến nó là đã lạc đề rồi. Khi bắt đầu đặt câu hỏi là đã xa lìa nó rồi, và chỉ sai lệch đi một ly là đi xa cả vạn dậm. Đó chính là sự hiểu biết của tôi về công án “Cây cột phướn trước sân chùa đổ”. Phải rồi, phải làm bặt mọi tư tưởng, phải dứt tuyệt mọi suy gẫm, mọi tư niệm, phải hoàn toàn làm chủ cái Tâm của mình trong bất cứ hoàn cảnh nào, trong từng phút giây. Từ trước đến nay, việc tọa thiền của tôi không có kết quả bao nhiêu vì tôi chưa tự mình tìm ra được một mấu chốt nào để bám vào, nhưng đến nay tôi đã có một chìa khóa để hướng dẫn công phu tu tập. Từ đó mỗi khi một tư tưởng nào đó nảy sinh, tôi lại quán đến công án này để loại bỏ nó và tập trung nỗ lực vào đan điền.

Tôi tiếp tục tu tập thêm hai tháng nữa cho đến khóa nhiếp tâm sau được tổ chức vào cuối mùa hè năm đó. Lần này thiền sư Yasutani là người hướng dẫn nên chứng tôi trở lại tham công án Vô. Vào ngày thứ hai trong tuần lễ nhiếp tâm, tôi đang tập trung nỗ lực để giữ công án này trong tâm thì bất chợt có một sức mạnh kỳ lạ ở đâu đẩy tôi ngã bật ngửa ra phía sau. Tôi cố gắng ngồi dậy, chuẩn bị lại tư thế ngồi cho vững chắc và tập trung nỗ lực vào công án nhưng một lần nữa, tôi lại bị đẩy ngã bật ngửa ra phía sau. Tôi ngạc nhiên suy nghĩ: Có thể lúc trước mình ngủ gật rồi bị ngã, nhưng lần này rõ ràng mình đã tỉnh táo mà sao lại ngã lăn ra như vậy? Đang suy nghĩ thì thời khóa thiền cũng vừa chấm dứt, mọi người xả thiền để xoa nắn chân tay rồi xếp hàng để đi kinh hành. Tôi xoa nắn chân tay rất kỹ cho xả giãn rồi

theo mọi người đi kinh hành quan thiền đường. Sau khi đi kinh hành, mọi người trở lại chỗ ngồi để tiếp tục tọa thiền. Lần này rút kinh nghiệm, tôi cẩn thận ngồi thật ngay ngắn, thở hít rất ý thức, và tập trung tư tưởng vào đan điền trước khi khởi sự tham công án. Vừa đề xướng công án trong tâm, tôi đã bị ngay một sức mạnh kỳ lạ ở đâu đẩy ngã bật ngửa ra phía sau, nhưng nhờ đề cao cảnh giác, tôi ý thức ngay được đó là một ngoại lực gây ra bởi các vong linh. (Nhờ hành nghề đồng cốt, tôi đã được dạy bảo rằng khi bị đẩy ngã ngửa ra phía sau thì nguyên nhân thường do các yếu tố bên ngoài như các vong linh; còn như ngã chúi ra phía trước thì nguyên nhân có thể do các yếu tố bên trong, do sự rối loạn của tâm thân hay bị bùa chú trù ếm ám hại). Tôi kết luận rằng có thể đây là những vong linh vất vưởng quanh chùa, những cô hồn không người thờ cúng, không nơi nương tựa đã quấy phá tôi. Tôi biết đây là một chướng ngại mà tôi cần vượt qua. Dĩ nhiên một người đã từng là vị thầy của Thần Đạo như tôi hiển nhiên có cách đối phó nhưng không hiểu sao tôi lại thấy nảy lên trong lòng một ý nghĩ thương xót. Tôi thở mạnh một hơi cho tỉnh táo rồi chắp tay khấn thầm: ”Hỡi các vong linh, các loài ma quái hiện diện quanh đây. Tôi chỉ là một người cũng đang lầm đường lạc lối như quý vị và tôi không ao ước gì hơn là tu tập để giải thoát. Nếu tôi tìm được con đường giải thoát trong kiếp này thì tôi nguyện sẽ phát tâm hồi hướng công đức, xin giúp đỡ và hướng dẫn tất cả mọi loài chúng sinh cũng đều được giải thoát như tôi. Xin quý vị đừng quấy phá tôi nữa mà giúp cho tôi có thể tròn được đạo quả”. Sau khi phát nguyện xong, tôi quyết tâm ngồi thật ngay ngắn và tập trung mọi sức mạnh trong người để tọa thiền. Lạ lùng thay, từ đó tôi không bị đẩy ngã bật ngửa ra sau nữa, nhưng mỗi lân sơ ý, không kiểm soát hay thiếu công phu hành trì thì tôi lại bị đẩy ngã lăn ra như trước.

Suốt ngày hôm đó tôi rất mệt mỏi vì phải dụng công nhiều nhưng tôi cương quyết giữ công án trong tâm không ngưng nghỉ. Đến tối, khi đặt mình nằm xuống sàn, tôi vẫn tiếp tục tham công án Vô. Tôi thấy mỗi hơi thở đều là Vô, thở ra cũng là Vô, hít vào cũng là Vô, tất cả đều là Vô… cứ thế tôi hòa nhập vào trong Vô lúc nào không biết. Tôi ý thức rằng mỗi tiếng động cũng là Vô; tiếng chó sủa, mèo kêu cũng là Vô; tiếng gió thổi, tiếng lá cây rụng cũng là Vô; từ cánh cửa đến bức tường cũng đều là Vô, và bất chợt mọi sự trở nên rõ ràng hơn bao giờ hết. Cái kinh nghiệm lúc này thật không thể diễn tả vì ”chỉ ai uống nước mới biết được nóng lạnh”. Tôi bật cười sung sướng thốt lên ”Ôi cái ông già Triệu Châu này, ông đã làm khổ tôi biết mấy! Thì ra công án Vô chỉ có thế thôi…” Tôi toan ngồi bật dậy để đi tìm thiền sư Yasutani để

xin Độc tham (Dokusan) nhưng không hiểu sao tôi thấy điều này không còn cần thiết nữa. Khi xưa tôi vẫn nghĩ nếu giải được công án này, chắc hẳn tôi phải sung sướng lắm, nhưng không hiểu sao lần này tôi lại thấy trong lòng hết sức yên tĩnh, chẳng vui mà cũng chẳng không vui. Trong lòng tôi hoàn toàn an tĩnh, thông suốt và tôi quyết định nằm xuống ngủ cho đẫy giấc. Chưa bao giờ tôi ngủ được một giấc dài thật thoải mái, nhẹ nhàng, thanh thản như lúc đó.

Hôm sau tôi tiếp tục tham dự thời khóa thiền tập như thường lệ cho đến khi được gọi vào độc tham với thiền sư Yasutani. Tôi quỳ xuống đảnh lễ và thong thả nói: ”Thầy ơi, con đã thấy được Vô!” Thiền sư Yasutani chăm chú nhìn tôi một lúc rồi ông bắt đầu đặt câu hỏi. Tôi tuần tự trả lời từng câu một cách rõ ràng, mạch lạc. Cuộc độc tham kéo dài hơn hai mươi phút và sau cùng ông xác nhận rằng tôi đã kiến tánh (Kensho). Ông mỉm cười hỏi:

- Thế nào, đêm qua bà ngủ ngon chứ?

- Thưa vâng, con đã ngủ được một giấc thoải mái. Người ta nói rằng khi kiến tánh, ai cũng vui mừng rộn ràng, vui đến nỗi không thể ngủ được. Tuy nhiên con chỉ thấy trong lòng bình an, thanh thản chứ không có gì khác lạ. Con cảm thấy như vừa nuốt trôi được một cái gì vướng mắc trong cổ họng từ bao lâu nay và từ đó mọi sự trở nên thông suốt. Nhãn quan của con dường như mở rộng và con tự hỏi: ”Phải chăng đó là Kiến tánh?” Khác hẳn với kinh nghiệm khi xưa với những hình ảnh lạ lùng, những màu sắc, âm thanh và một niềm vui tràn ngập khắp châu thân, lần này con chỉ thấy một sự an lạc thầm kín, nhẹ nhàng không thể diễn tả, con chỉ có một ý nghĩ duy nhất là ”nếu một kẻ già nua, quê mùa hủ lậu như con mà cũng có thể kiến tánh được thì chắc chắn trên thế gian này, không có ai không thể kiến tánh. Nếu đã muốn, chắc chắn ai cũng có thể tu hành để giải thoát được như vậy vì tất cả mọi chúng sinh đều có sẵn khả năng này”. Đó là ý nghĩ của con khi kinh nghiệm được sự an lạc ấy. Cho đến lúc này con mới hiểu rõ điều thầy đã dạy” Kiến tánh là kinh nghiệm mà mình có thể sống mãi trong đó, không bao giờ dứt tuyệt” và con cũng hiểu điều Tổ Huệ Khai nói với Tổ Bách Trượng: “Kho báu trong nhà dùng không bao giờ hết mà còn đi tìm ở đâu?” Bạch thầy, trong bao năm qua con đã khổ công đi tìm đạo giải thoát, con đã phạm hết lỗi lầm này đến lỗi lầm khác, cứ như kẻ đi trong đêm tối, sờ soạng không sao tìm được lối thoát. Hiện nay con thấy rõ lớp mây mù chung quanh đã tan, có thể thấy rõ mọi sự và con hiểu rằng tất cả mọi cố gắng của con từ trước đến nay không có gì vô ích, quả đúng như lời thầy đã dạy ”Ai dám bảo rằng 99 lần bắn hụt không liên quan gì đến lần thứ 100 bắn trúng hồng

tâm?” Hiện nay tất cả mọi sự đều sáng tỏ, thông suốt và con hiểu được lời Tổ Tăng Xán đã dạy:” Đạo lớn chẳng gì khó, cốt đừng lựa chọn thôi, quý hồ không phân biệt, thì tự nhiên sáng ngời, sai lạc đi một ly, đất trời liền xa cách, chớ nghĩ chuyện ngược xuôi, thì hiện liền trước mắt”. Hơn lúc nào hết, con thấy rõ mình như đứa con đi hoang trở về nhà, như kẻ cùng tử trong kinh Pháp Hoa, có hạt châu quí trong túi áo mà không biết sử dụng. Con thấy rõ ơn thầy đã từ bi chỉ dạy, công ơn chư Phật, chư Bồ Tát, vì thương xót chúng sinh mà đã khai đường chỉ lối…

---o0o---

Phần kết

Ni sư Satomi Myodo tiếp tục tu học với thiền sư Yasutani trong nhiều năm và đã giải được hơn 546 công án cần thiết để trở nên một vị thầy của dòng Tào Động. Bà được thiền sư Yasutani chứng nhận đã hoàn tất chương trình huấn luyện theo phương pháp của ông và thầy của ông, thiền sư Harada Sogaku. Không như những chương trình huấn luyện khác tại các thiền viện Nhật Bản, phương pháp này bao gồm cả hai truyền thống Tào Động và Lâm Tế và được biết đến như một chương trình huấn luyện hết sức khó khăn vì nó đòi hỏi một kỷ luật vô cùng khắt khe và một ý chí cương quyết mãnh liệt. Dĩ nhiên một người đã được chứng nhận như thế có thể mở trường đào tạo học trò, hoặc đi trụ trì một ngôi chùa nào đó nhưng ni sư Satomi Myodo đã không làm thế. Bà chỉ muốn tiếp tục tu tập và thực hành Chỉ Quán Đả Tọa. Chính thiền sư Yasutani đã công nhận bà là một trong những người thực hành Chỉ Quán Đả Tọa lỗi lạc nhất nước Nhật mà ông được biết.

Trái với khi xưa, lúc là vị thầy Thần Đạo, bà đã có những chương trình hoạt động to tát, xây cất các đền thờ, thắng tích nổi tiếng, mở các khóa tu cho hàng ngàn người tham dự. Lần này mặc dù có thể làm như vậy nhưng bà đã từ chối mọi sự mà chỉ khiêm tốn nhận chức quét dọn, nấu nướng tại chủa Taiheiji, hoặc phụ tá cho thiền sư Yasutani trong các khóa Nhiếp Tâm. Bà sống âm thầm giản dị và thường được mọi người biết đến như một trong hai thị giả nổi tiếng của thiền sư Yasutani. Người ta thường thấy bà mặc một tấm áo nâu cũ, trên vai đeo túi đựng kinh đi sau thiền sư Yasutani trong các khóa giảng dạy về thiền. Tuy không chính thức giảng dạy nhưng hành động, cử chỉ của bà đã là một tấm gương sáng cho nhiều người khác. Những ai đã đến chùa Taiheiji đều biết đến vị ni sư già lo việc nấu nướng, quét dọn, đun bếp với nụ cười an lạc trên môi và những người có dịp tiếp xúc với bà đều phải công nhận rằng bà là một trong những thiền sư lỗi lạc nhất của Nhật

Bản trong cuối thế kỷ hai mươi. Bà thường nói: ”Ta đã tìm kiếm không ngừng về con đường thoát khổ vì ta không thể hài lòng với những con đường hứa hẹn thật nhiều nhưng chẳng giải quyết được bao nhiêu. Ta không thể chấp nhận một cái gì xa vời, hão huyền rời xa thực tế vì những điều này không ăn nhập gì đến đời sống hiện tại. Điều ta muốn tìm là con đường giải thoát ngay trong đời sống hiện tại, vì ta biết khi tìm ra nó, người ta sẽ không còn đau khổ và đời sống sẽ là một ân sủng thay vì một sự phấn đấu khôn nguôi”.

Năm 1978, sau khóa an cư kiết hạ, ni sư Satomi Myodo xin phép thiền sư Yasutani trở về thăm nhà vì đã đến lúc bà phải ra đi. Bà về Hokkaido, đi thăm mộ song thân, gặp lại con cháu một lần cuối rồi vào ngày 2 tháng 8 năm 1978, bà xếp bằng nhập thiền và trút hơi thở cuối cùng. Khi đó bà vừa được 80 tuổi. Người con gái của bà đã viết: ”Mẹ tôi vốn là một người khắc khổ, lạnh lùng, suy nghĩ nhiều và thường ít nói nhưng lần này khi trở về, bà là một con người khác hẳn. Mặc dù tuổi đã cao, trên mặt đầy vết nhăn nhưng nét mặt của bà thật rạng rỡ, và đặc biệt lúc nào bà cũng mỉm cười khiến ai nhìn thấy cũng phải cười theo. Chưa bao giờ tôi thấy mẹ tôi sung sướng thoải mái như lần này, ngay trước khi qua đời, mẹ tôi vẫn còn vui đùa với hai đứa cháu ngoại một lúc rồi mới nhập thiền và trút hơi thở cuối cùng”.

---o0o---

Hết